HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG

KHOA CƠ BẢN I

BÀI GIẢNG

LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Chủ biên : TS. Đỗ Thị Diệu

TS. Đào Mạnh Ninh

HÀ NỘI - 2021

THƯ VIỆN PTIT

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG
KHOA CƠ BẢN 1

TẬP BÀI GIẢNG
LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Trình độ: Đại học

Đối tượng: Sinh viên và giảng viên Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

(2 tín chỉ - 30 tiết)

THƯ VIỆN PTIT

HÀ NỘI - 2021

MỤC LỤC

MỤC LỤC 1
LỜI NÓI ĐẦU 2
Chương nhập môn: 3
ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM 3
I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 6
II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 7
III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam ... 9
Chương 1 11
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) 11
I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) 11
II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945) 28
Chương 2 46
ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975) 46
I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954) 46
II. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 62
Chương 3 82
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-NAY) 82
I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986) 82
II. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 95
KẾT LUẬN 160
TÀI LIỆU THAM KHẢO 166

THƯ VIỆN PTIT

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2019 dưới sự chủ trì của Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã tiến hành đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy các môn lý luận chính trị. Trên cơ sở đó, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã biên soạn giáo trình mới đối với các môn lý luận chính trị dành cho bậc đại học hệ không chuyên lý luận chính trị, gồm 5 môn: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam.

Để kịp thời có tài liệu phục vụ việc giảng dạy và học tập các môn học này, được sự đồng ý của Ban giám đốc Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, Bộ môn Lý luận chính trị thuộc khoa Cơ bản 1 đã chủ động tổ chức biên soạn năm tập bài giảng ở năm môn học chung của Bộ Giáo dục - Đào tạo.

Môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam được biên soạn thành một tập bài giảng với mục đích giúp người học hiểu rõ về đối tượng, phương pháp, chức năng của môn học. Đồng thời, tập Bài giảng cung cấp hệ thống kiến thức cơ bản về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc giành độc lập tự do tiến tới xây dựng Chủ nghĩa xã hội. Tập bài giảng cũng cung cấp những luận cứ khoa học để chứng minh sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng giúp người học thêm tin tưởng vào công cuộc đổi mới đất nước.

Tập bài giảng theo đúng khung chương trình và kết cấu nội dung của Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn. Tập bài giảng bao gồm: Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước (1945-1975); Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-nay)

Mặc dù đã rất cố gắng trong quá trình biên soạn, song không tránh khỏi những thiếu sót, hạn chế cần tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, cập nhật. Vì vậy, rất mong được các đồng nghiệp và sinh viên đóng góp ý kiến để những lần tái bản sau được hoàn chỉnh hơn. Tập thể tác giả xin trân trọng cám ơn!

THƯ VIỆN PTIT

Chương nhập môn

ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mục đích của Chương nhập môn là muốn sinh viên hiểu rõ một số khái niệm quan trọng, cũng như nhận diện được đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam. Từ đó, sinh viên có thể hình dung được quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam của Đảng từ khi ra đời đến nay, nhằm tạo tâm lý hứng thú của sinh viên với môn học.

Một số nhận thức cơ bản về Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

"*Đảng Cộng sản Việt Nam* là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản"[1].

Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập (2-1930) và rèn luyện. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân tiến hành Cách mạng Tháng Tám thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà (nay là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam), đánh thắng các cuộc chiến tranh xâm lược, xoá bỏ chế độ thực dân, phong kiến, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc.

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Bởi vì, "Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, Chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của đảng viên"[2]. Có nghĩa là Đảng là người đề ra đường lối và tổ chức lãnh đạo nhân dân thực hiện đường lối đó.

---

[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, trang 88.

[2] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr 88.

Do vậy, khi học môn Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, cần phải hiểu rõ một số khái niệm cơ bản nằm trong hệ thống tri thức về Đảng như:

Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam.

Ví dụ: Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc và đường lối cách mạng XHCN do Đảng đề ra là phù hợp.

Cương lĩnh chính trị là văn bản trình bày những nội dung cơ bản về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng trong một giai đoạn nhất định.

Cương lĩnh chính trị được coi là văn bản có giá trị cao nhất trong hệ thống các văn bản của Đảng Cộng sản Việt Nam (trên cả Điều lệ Đảng). Từ ngày thành lập đến nay, dưới những hình thức và tên gọi khác nhau, Đảng ta đã năm lần ban hành cương lĩnh hoặc những văn bản có tính cương lĩnh.

Chiến lược là văn bản trình bày quan điểm, phương châm, mục tiêu chủ yếu và các giải pháp có tính toàn cục về phát triển một hoặc một số lĩnh vực trong một giai đoạn nhất định. *Sách lược* những biện pháp, cách thức, hình thức tổ chức và đấu tranh cụ thể, được thực hiện trong một giai đoạn và khoảng thời gian nhất định.

Ví dụ: Sau Cách mạng Tháng Tám là thời kỳ cách mạng nước ta gặp rất nhiều khó khăn và thách thức với nhiều kẻ thù nguy hiểm, thù trong giặc ngoài. Để giữ vững nền độc lập vừa giành được, biểu hiện tập trung ở việc giữ chính quyền cách mạng và bước đầu xây dựng một xã hội mới, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phải thực hiện sách lược hòa hoãn với kẻ thù, ngăn chặn và làm thất bại âm mưu của quân Tưởng và Pháp để thực hiện mục tiêu chiến lược là giữ vững độc lập, giữ vững chính quyền.

Điều lệ Đảng là văn bản xác định tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và các tổ chức đảng.

Điều lệ đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là bản Điều lệ vắn tắt được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng năm 1930 và đã được sửa đổi thành Điều lệ chính thức vào tháng 2.1951 gồm phần Mục đích và tôn chỉ, 13 chương với 71 điều.

Điều lệ Đảng thường được bổ sung, sửa đổi qua các kì Đại hội của Đảng cho phù hợp với mỗi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam.

Nghị quyết là văn bản ghi lại các quyết định được thông qua ở Đại hội, Hội nghị cơ quan lãnh đạo đảng các cấp, hội nghị đảng viên về đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch hoặc các vấn đề cụ thể.

Ví dụ: Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng xác định mục tiêu tổng quát của đất nước là "Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa" [3].

Nghị quyết số 03-NQ/TW, ngày 16/7/1998, của Ban Chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 5 (khóa VIII) về Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Chỉ thị là văn bản dùng để chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng cấp dưới thực hiện các chủ trương, chính sách hoặc một số nhiệm vụ cụ thể.

Ví dụ: ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương ra Chỉ thị "Kháng chiến kiến quốc". Chỉ thị là bước chỉ đạo quan trọng khi tình hình thế giới và trong nước có những diễn biến hết sức phức tạp, không có lợi cho cách mạng.

Kết luận: Kết luận là văn bản ghi lại ý kiến chính thức của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng về những vấn đề nhất định hoặc về chủ trương, biện pháp xử lý công việc cụ thể.

Ví dụ: Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị "Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh"

Lời kêu gọi: Lời kêu gọi là văn bản dùng để yêu cầu hoặc động viên mọi người thực hiện một nhiệm vụ hoặc hưởng ứng một chủ trương có ý nghĩa chính trị.

Ví dụ: Ngày 19-12-1946, trước việc không thể cứu vãn được một cuộc chiến tranh sẽ bùng nổ do sự cố tình của giới thực dân Pháp, Chủ tịch Hồ Chí

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, trang 111-112.

Minh đã ra lời *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* - lời hịch thiêng liêng kêu gọi toàn dân tộc đoàn kết, đứng lên chiến đấu, giành chiến thắng trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp trường kỳ.

Kế hoạch: Kế hoạch là văn bản dùng để xác định mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu của nhiệm vụ cần hoàn thành trong khoảng thời gian nhất định và các biện pháp về tổ chức, nhân sự, cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện nhiệm vụ đó.

Ví dụ: Kế hoạch 5 năm 1961-1965, hay tên gọi chính thức là "Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất phát triển kinh tế quốc dân (1961-1965)" là kế hoạch phát triển ngắn hạn thứ hai của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (kế hoạch ngắn hạn lần thứ nhất là kế hoạch 3 năm (1958-1960). Các phương hướng và mục tiêu chính của kế hoạch này đã được Đảng Lao động Việt Nam đề ra vào tháng 9 năm 1960 tại Hội nghị đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng

Như vậy, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam là một chuyên ngành, một bộ phận của khoa học lịch sử có quan hệ mật thiết với các khoa học về lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Khoa học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là một hệ thống tri thức về quá trình hoạt động đa dạng và phong phú của Đảng trong mối quan hệ mật thiết với tiến trình lịch sử của dân tộc và thời đại. Vì vậy, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam phát triển thành một ngành khoa học độc lập, được đưa vào giảng dạy trong các trường Đại học và Cao đẳng. Cũng giống như các khoa học khác, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam có phạm vi nghiên cứu cụ thể, có chức năng, có đối tượng, phương pháp nghiên cứu riêng và có mối quan hệ biện chứng với các khoa học khác.

I. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

1. Khoa học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nghiên cứu sâu sắc, có hệ thống *các sự kiện lịch sử Đảng*, hiểu rõ nội dung, tính chất, bản chất của các sự kiện đó gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng.

Sự kiện lịch sử Đảng là hoạt động lãnh đạo, đấu tranh phong phú và oanh liệt của Đảng làm sáng rõ bản chất cách mạng của Đảng với tư cách là một đảng chính trị.

Các sự kiện thể hiện quá trình Đảng ra đời, phát triển và lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, kháng chiến cứu quốc và xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, trên các lĩnh vực chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại,… Các sự kiện phải được tái hiện trên cơ sở tư liệu lịch sử chính xác, trung thực, khách quan

2. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam phải nghiên cứu, làm sáng tỏ nội dung *Cương lĩnh, đường lối của Đảng*, cơ sở lý luận, thực tiễn và giá trị hiện thực của đường lối trong tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam.

Đảng đã đề ra Cương lĩnh chính trị đầu tiên (2-1930); Luận cương chính trị (10-1930); Chính cương của Đảng (2-1951) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (6-1991) và bổ sung, phát triển năm 2011. Quá trình lãnh đạo, Đảng đề ra đường lối nhằm cụ thể hóa Cương lĩnh trên những vấn đề nổi bật ở mỗi thời kỳ lịch sử. Một số đường lối điển hình như: Đường lối cách mạng giải phóng dân tộc; Đường lối kháng chiến bảo vệ Tổ quốc; Đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân; Đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa; Đường lối đổi mới; Đường lối quân sự; Đường lối đối ngoại.v.v. Đảng quyết định những vấn đề chiến lược, sách lược và phương pháp cách mạng. Đảng là người tổ chức phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân hiện thực hóa đường lối đưa đến thắng lợi.

3. Nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam nhằm làm rõ những *thắng lợi, hạn chế và bài học kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam* do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và trong công cuộc đổi mới.

Một số thắng lợi lớn của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng:

Một là, thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Hai là, thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc

Ba là, thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

4. Nghiên cứu, học tập lịch sử Đảng để nâng cao hiểu biết về *công tác xây dựng Đảng trong các thời kỳ lịch sử*. Công tác xây dựng Đảng thể hiện trên bốn nội dung: xây dựng Đảng về chính trị, xây dựng Đảng về tư tưởng - lý luận, xây dựng Đảng về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ và xây dựng Đảng về đạo đức.

II. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

Là một ngành của khoa học lịch sử, Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam có chức năng, nhiệm vụ của khoa học lịch sử, đồng thời có chức năng, nhiệm vụ riêng của chuyên ngành Lịch sử Đảng.

THƯ VIỆN PTIT

1. Chức năng của môn học

a, Chức năng nhận thức:

Nghiên cứu và học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam để nhận thức đầy đủ, có hệ thống những tri thức lịch sử lãnh đạo, đấu tranh và cầm quyền của Đảng, nhận thức rõ về Đảng với tư cách một Đảng chính trị - tổ chức lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và dân tộc Việt Nam.

Nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam còn nâng cao nhận thức về thời đại mới của dân tộc - thời đại Hồ Chí Minh, góp phần bồi đắp nhận thức lý luận từ thực tiễn Việt Nam. Đồng thời, nâng cao nhận thức về giác ngộ chính trị, góp phần làm rõ những vấn đề của khoa học chính trị (chính trị học) và khoa học lãnh đạo, quản lý.

Nhận thức rõ những vấn đề lớn của đất nước, dân tộc trong mối quan hệ với những vấn đề của thời đại và thế giới. Tổng kết Lịch sử Đảng để nhận thức quy luật của cách mạng giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, quy luật đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Năng lực nhận thức và hành động theo quy luật là điều kiện bảo đảm sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

b, Chức năng giáo dục

Thông qua nghiên cứu, biên soạn, giảng dạy, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam nhằm giáo dục sâu sắc tinh thần yêu nước, ý thức, niềm tự hào, tự tôn, ý chí tự lực, tự cường dân tộc. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam giáo dục lý tưởng cách mạng với mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó cũng là sự giáo dục tư tưởng chính trị, nâng cao nhận thức tư tưởng, lý luận, con đường phát triển của cách mạng Việt Nam.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần chiến đấu bất khuất, đức hy sinh, tính tiên phong gương mẫu của các tổ chức đảng, những chiến sĩ cộng sản tiêu biểu trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc và phát triển đất nước. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam có vai trò quan trọng trong giáo dục truyền thống của Đảng và dân tộc, góp phần giáo dục đạo đức cách mạng, nhân cách, lối sống cao đẹp như Hồ Chí Minh khẳng định: "Đảng ta là đạo đức, là văn minh"[4].

c, Chức năng dự báo và *phê phán:*

Từ nhận thức những gì đã diễn ra trong quá khứ để hiểu rõ hiện tại và dự báo tương lai của sự phát triển.

---

[4] Hồ Chí Minh: *Toàn tập*: *Sđd*, tập 12. Tr.403.

Ví dụ: Năm 1942, trong tác phẩm Lịch sử nước ta, Hồ Chí Minh đã dự báo: "Năm 1945 Việt Nam độc lập". Sau này, Người còn nhiều lần dự báo chính xác về các sự kiện trong 2 cuộc kháng chiến của dân tộc.

2. Nhiệm vụ của môn học

Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng được đặt ra từ đối tượng nghiên cứu đồng thời cụ thể hóa chức năng của khoa học Lịch sử Đảng, cụ thể:

- Khẳng định, chứng minh giá trị khoa học và hiện thực của những mục tiêu chiến lược và sách lược cách mạng mà Đảng đề ra trong Cương lĩnh, đường lối từ khi Đảng ra đời và suốt quá trình lãnh đạo cách mạng.

- Làm rõ những sự kiện lịch sử, làm nổi bật các thời kỳ, giai đoạn và dấu mốc phát triển căn bản của tiến trình lịch sử. Nghĩa là tái hiện quá trình lịch sử lãnh đạo và đấu tranh của Đảng cộng sản Việt Nam.

- Tổng kết từng chặng đường và suốt tiến trình lịch sử, làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật và những vấn đề lý luận của cách mạng Việt Nam.

- Làm rõ vai trò, sức chiến đấu của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở trong lãnh đạo, tổ chức thực tiễn.

III. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam

1. Quán triệt phương pháp luận sử học

Phương pháp luận khoa học mác xít, đặc biệt là nắm vững chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử để xem xét và nhận thức lịch sử một cách khách quan, trung thực và đúng quy luật.

Cùng với chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh dẫn dắt sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc. Nghiên cứu, nắm vững tư tưởng Hồ Chí Minh có ý nghĩa quan trọng để hiểu rõ lịch sử Đảng. Tư tưởng Hồ Chí Minh và tư duy, phong cách khoa học của Người là cơ sở và định hướng về phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, không ngừng sáng tạo, chống chủ nghĩa giáo điều và chủ quan duy ý chí.

2. Các phương pháp cụ thể

Khoa học lịch sử và chuyên ngành khoa học Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam đều sử dụng hai phương pháp cơ bản: phương pháp lịch sử và phương pháp logic, đồng thời chú trọng vận dụng các phương pháp khác trong nghiên cứu, học tập các môn khoa học xã hội.

THƯ VIỆN PTIT

Phương pháp lịch sử là các con đường, cách thức tìm hiểu và trình bày quá trình phát triển của các sự vật và hiện tượng nói chung, của lịch sử loài người nói riêng với đầy đủ tính cụ thể, sống động, quanh co của chúng.

Phương pháp logic là phương pháp nghiên cứu các hiện tượng lịch sử trong hình thức tổng quát, nhằm mục đích vạch ra bản chất, quy luật, khuynh hướng chung trong sự vận động của chúng.

Nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam cần coi trọng *phương pháp tổng kết thực tiễn lịch sử* gắn với nghiên cứu lý luận để làm rõ kinh nghiệm, bài học, quy luật phát triển và những vấn đề về nhận thức lý luận của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo. Chú trọng *phương pháp so sánh*, so sánh giữa các giai đoạn, thời kỳ lịch sử, so sánh các sự kiện, hiện tượng lịch sử, làm rõ các mối quan hệ, so sánh trong nước và thế giới.v.v.

Tóm lại: Mục tiêu của nghiên cứu, học tập môn học lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là nâng cao nhận thức, hiểu biết về Đảng Cộng sản Việt Nam - đội tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam đưa đến những thắng lợi, thành tựu có ý nghĩa lịch sử to lớn trong sự phát triển của lịch sử dân tộc. Qua học tập, nghiên cứu lịch sử Đảng để giáo dục lý tưởng, truyền thống đấu tranh cách mạng của Đảng và dân tộc. Đồng thời, củng cố, bồi đắp niềm tin của thế hệ trẻ đối với sự lãnh đạo của Đảng, làm cho họ tự hào hơn, tích cực gia nhập và tham gia xây dựng Đảng ngày càng vững mạnh. Làm cho Đảng tiếp tục thực hiện thành công sứ mệnh vẻ vang là lãnh đạo bảo vệ vững chắc Tổ quốc và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

THƯ VIỆN PTIT

Chương 1
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

Mục đích của Chương 1 là cung cấp cho sinh viên những tri thức có tính hệ thống về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), nội dung cơ bản, giá trị lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành độc lập, giành chính quyền (1930-1945). Từ đó có nhận thức biện chứng, khách quan về quá trình Đảng ra đời và vai trò lãnh đạo của Đảng trong cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, xác lập chính quyền cách mạng cũng như góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào sự nghiệp giải phóng dân tộc và phát triển đất nước theo con đường cách mạng vô sản, sự lựa chọn đúng đắn, tất yếu, khách quan của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và Đảng Cộng sản Việt Nam từ thời kỳ đầu dựng Đảng.

I. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930)

Phần I có thể khái quát ở sơ đồ sau:

1. Bối cảnh lịch sử

a. Tình hình thế giới

Sự tác động của hoàn cảnh thế giới đến Việt Nam có thể khái quát sơ đồ sau:

Sự xuất hiện của Chủ nghĩa Đế quốc: Từ nửa sau thế kỷ XIX, Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển từ tự do cạnh tranh sang chủ nghĩa tư bản độc quyền, hay còn gọi là chủ nghĩa đế quốc. Các nước đế quốc tìm cách thống trị các quốc gia khác nhằm mở rộng nền kinh tế, chiếm đoạt tài nguyên, bóc lột lao động, hoặc tìm cách xuất khẩu các hàng hóa và tư bản dư thừa. Vì vậy, các nước phương Tây đẩy mạnh tiến hành xâm lược và áp bức các dân tộc thuộc địa ở các nước châu Á, châu Phi và khu vực Mĩ Latinh.

Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ là kết quả tất yếu của những mâu thuẫn không điều hòa được giữa các nước đế quốc chủ nghĩa. Giai cấp tư sản không chỉ đổ gánh nặng chiến tranh lên đầu nhân dân chính quốc mà còn đổ lên vai nhân dân lao động các nước thuộc địa như Việt Nam.

Trước bối cảnh đó, cùng với phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại chống lại giai cấp tư sản ở chính quốc thì phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa thực dân. Phong trào giải phóng dân tộc ở các nước châu Á đầu thế kỷ XX phát triển mạnh mẽ, tác động đến phong trào yêu nước Việt Nam.

Xuất hiện nhiều khuynh hướng đấu tranh, song thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Cách mạng Tháng Mười Nga là cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thắng lợi đầu tiên trong lịch sử nhân loại, do giai cấp vô sản Nga dưới sự lãnh đạo của Đảng Bônsêvich, đứng đầu là V.I. Lênin, đã lật đổ chính phủ lâm thời - nền thống trị của giai cấp địa chủ quý tộc và giai cấp tư sản. Ngay sau đó, chính quyền Xô

Viết được thành lập trong cả nước, đưa đến sự thành lập Liên bang cộng hoà xã hội chủ nghĩa Xô Viết, gọi tắt là Liên Xô.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III) do Lênin đứng đầu được thành lập, trở thành tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Quốc tế Cộng sản đã vạch ra đường hướng chiến lược cho cách mạng vô sản và hoàn thiện chiến lược, sách lược về vấn đề dân tộc và thuộc địa. Bên cạnh đó, sự tuyên truyền tư tưởng cách mạng vô sản và thúc đẩy phong trào cách mạng vô sản phát triển. Đại hội II của Quốc tế Cộng sản (1920) đã thông qua *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về dân tộc và vấn đề thuộc địa* do Lênin khởi xướng. Luận cương về những vấn đề dân tộc và thuộc địa của V.I. Lênin là văn kiện trình bày một cách hệ thống những vấn đề chiến lược của cuộc đấu tranh giải phóng của các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc.

Như vậy, cách mạng Tháng Mười Nga và hoạt động của Quốc tế Cộng sản đã ảnh hưởng sâu sắc và thức tỉnh phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, trong đó có Việt Nam.

b. Tình hình Việt Nam và các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

❖ ***Tình hình Việt Nam***

Việt Nam là nước nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng ở châu Á, bởi vậy Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Trong bối cảnh chế độ phong kiến ở Việt Nam đang lâm vào khủng hoảng, ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng.

Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước đầu hàng Pháp, qua các Hiệp ước (Hiệp ước 1862, 1874, 1883). Đến ngày 6-6-1984, với Hiệp ước Patonot, triều đình nhà Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp. Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp. Sau khi xâm lược và thôn tính toàn bộ nước ta, thực dân Pháp bắt tay vào công cuộc khai thác thuộc địa, áp đặt chế độ cai trị chuyên chế, hà khắc và tàn bạo trên tất cả mọi lĩnh vực. Chính sách cai trị của Pháp đã làm xã hội Việt Nam biến chuyển sâu sắc.

Phần này có thể mô tả bằng sơ đồ sau:

- Chính sách cai trị của thực dân Pháp:

Về chính trị:

Nội dung: thực dân Pháp thi hành chính sách cai trị thực dân, tước bỏ quyền lực đối nội, đối ngoại của chính quyền phong kiến nhà Nguyễn, đó là một chính sách chuyên chế điển hình, chúng đàn áp đẫm máu các phong trào và hành động yêu nước của người Việt Nam, mọi quyền tự do bị cấm. Chúng thực hiện chính sách "chia để trị" nhằm phá vỡ khối đại đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc, Pháp chia rẽ ba nước Đông Dương, chia Việt Nam thành ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) và thực hiện ở mỗi kỳ một chế độ cai trị riêng và lập ra "Liên bang Đông Dương thuộc Pháp".

Kết quả: Nhân dân bị bóp nghẹt tự do dân chủ, các cuộc đấu tranh yêu nước bị ngăn cấm, đàn áp khốc liệt.

Về kinh tế:

Nội dung: Pháp tiến hành hai cuộc khai thác thuộc địa, cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914) và cuộc khai thác thuộc địa lần hai (1919 - 1929), chương trình khai thác thuộc địa lần thứ 2 với quy mô và tốc độ lớn hơn lần trước. Thực dân Pháp nhằm biến Việt Nam nói riêng và Đông Dương nói chung thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của "chính quốc", đồng thời ra sức vơ vét tài nguyên, bóc lột sức lao động rẻ mạt của người bản xứ, cùng nhiều hình thức thuế khóa nặng nề. Khai thác trên mọi yếu tố trong nền kinh tế:

+ Nông nghiệp: cướp ruộng đất, lập đồn điền.

+ Công nghiệp: khai thác khoáng sản như than, kim loại.

+ Xây dựng hệ thống giao thông vận tải phục vụ quá trình khai thác.

+ Thương nghiệp: độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh các thuế mới, nặng nhất là thuế muối, rượu, thuốc phiện.

Kết quả:

Cuộc khai thác của Pháp đã làm xuất hiện nền công nghiệp thuộc địa mang yếu tố thực dân; thành thị theo hướng hiện đại ra đời; nền kinh tế hàng hoá bước đầu xuất hiện, tính chất tự cung tự cấp của nền kinh tế cũ bị phá vỡ.

Một trong những mục tiêu của công cuộc khai thác thuộc địa là vơ vét sức người, sức của nhân dân Đông Dương. Do vậy, tài nguyên thiên nhiên bị khai thác cùng kiệt, nông nghiệp dậm chân tại chỗ, công nghiệp phát triển nhỏ giọt, thiếu hẳn công nghiệp nặng.

Đời sống nhân dân vô cùng khổ cực, nền kinh tế què quặt, cơ bản vẫn là nền sản xuất nhỏ, lạc hậu và phụ thuộc.

Về văn hoá:

Nội dung: Pháp thực hiện chính sách giáo dục "ngu dân", lập nhà tù nhiều hơn trường học, duy trì tệ nạn xã hội, khuyến khích các hoạt động mê tín dị đoan, bưng bít, ngăn chặn ảnh hưởng của nền văn hóa tiến bộ mà dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc người dân Việt Nam, ra sức tuyên truyền "khai hóa văn minh" của Pháp. Trong tác phẩm "*Bản án chế độ thực dân Pháp*" (năm 1925), Hồ Chí Minh (Nguyễn Ái Quốc) viết "Lúc ấy, cứ một nghìn làng thì có đến một nghìn năm trăm đại lý bán lẻ rượu và thuốc phiện. Nhưng cũng trong số một nghìn làng đó lại chỉ có vẻn vẹn mười trường học"

Kết quả: Một số tiêu cực như mù chữ, tệ nạn xã hội,.. Theo thống kê năm 1914, bình quân cả ba xứ, chỉ có 20% số trẻ em đến tuổi đi học được đến trường, 80% trẻ em Việt Nam bị thất học. Tuy nhiên thực dân Pháp không thể ngăn chặn hoàn toàn trào lưu tư tưởng tiến bộ và những tri thức khoa học kỹ thuật mới vào Việt Nam.

- *Hậu quả:* Chính sách cai trị phản động của thực dân Pháp trên mọi lĩnh vực đã gây ra hậu quả về xã hội và giai cấp ở Việt Nam. Làm thay đổi tính chất xã hội, làm thay đổi cơ cấu giai cấp và thái độ của các giai cấp trong xã hội, đặc biệt thay đổi mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu trong xã hội. Hệ quả này tạo ra những tiền đề mới cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

Tính chất xã hội thay đổi: Việt Nam từ một xã hội phong kiến độc lập trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Kết cấu giai cấp và thái độ giai cấp thay đổi:

Chính sách áp bức của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó thái độ chính trị khác nhau đối với tình hình đất nước.

Giai cấp địa chủ: là giai cấp bị phân hóa sâu sắc: một bộ phận địa chủ cấu kết với thực dân Pháp và làm tay sai đắc lực cho Pháp; một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc tham gia vào phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; một số lãnh đạo phong trào nông dân chống Pháp và chế độ phong kiến; một bộ phận nhỏ chuyển sang làm kinh doanh đi theo con đường tư bản.

Giai cấp nông dân: chiếm số lượng đông đảo (khoảng 90% dân số) bị bóc lột nặng nề, họ có tinh thần đấu tranh kiên cường, là lực lượng đông đảo không thể thiếu được của cách mạng.

Giai cấp công nhân: được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa của Pháp. Giai cấp công nhân Việt Nam có những đặc điểm nổi bật: ra đời trong hoàn cảnh một nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, lực lượng còn ít, trình độ thấp nhưng đã sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại, là giai cấp duy nhất có sứ mệnh và khả năng lãnh đạo cách mạng đi đến thành công.

Giai cấp Tư sản: là giai cấp xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận giai cấp theo thực dân Pháp, trở thành tư sản mại bản. Một bộ phận là tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Do chính sách áp bức, thống trị của thực dân Pháp, phần lớn tư sản dân tộc Việt Nam bị phá sản rơi vào hàng ngũ những người lao động nên họ có tinh

thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tập hợp các giai tầng để tiến hành cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản: bao gồm những tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,... bị Pháp chèn ép, khinh miệt do đó có tinh thần dân tộc, yêu nước và rất nhạy cảm về chính trị. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, thái độ hay dao động, thiếu kiên định, vì vậy tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Mâu thuẫn xã hội: xã hội Việt Nam có hai mâu thuẫn cơ bản là:

Một là: mâu thuẫn giữa nhân dân Việt Nam chủ yếu là giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến (là mâu thuẫn vốn có trong xã hội phong kiến)

Hai là: Mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp xâm lược và bọn tay sai (mâu thuẫn mới xuất hiện sau khi Pháp xâm lược)

Hai mâu thuẫn đó gắn chặt với nhau. Trong đó mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai là mâu thuẫn chủ yếu. Mâu thuẫn đó ngày càng trở nên sâu sắc và gay gắt.

❖ ***Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng***

Ngay từ khi Pháp xâm lược Việt Nam, các phong trào yêu nước chống thực dân Pháp với tinh thần quật cường bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam đã diễn ra liên tục, rộng khắp. Khái quát các phong trào yêu nước như sau:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT VIỄN THÔNG PTIT

Các phong trào điển hình:

Phong trào yêu nước theo hệ tư tưởng phong kiến:

Phong trào Cần Vương là phong trào điển hình theo khuynh hướng phong kiến, do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng (1885-1896). Thực chất phong trào Cần Vương là tập hợp hệ thống các cuộc khởi nghĩa vũ trang diễn ra trên phạm vi cả nước từ năm 1885 đến năm 1896 với sự hưởng ứng từ chiếu Cần Vương của vua Hàm Nghi. Phong trào đã thu hút được sự tham gia của một số quan lại trong triều đình và văn thân, ngoài ra phong trào thu hút được đông đảo nhân dân thuộc tầng lớp sĩ phu yêu nước thời bấy giờ. Các cuộc khởi nghĩa điển hình như khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hóa), Hương Khê (Hà Tĩnh),… đã thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân ta nhưng hoạt động riêng lẻ chưa có sự thống nhất giữa các cuộc khởi nghĩa lớn, chính vì điều này mà dẫn đến thiếu sự lãnh đạo và tính liên kết. Đây là một trong những nguyên nhân khiến phong trào Cần Vương thất bại vào năm 1896.

Những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, phong trào nông dân Yên Thế (Bắc Giang) với sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám đã đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp trong gần 30 năm. Nhưng phong trào của Hoàng Hoa Thám vẫn mang nặng "cốt cách phong kiến", không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, cuối cùng cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Phong trào yêu nước theo trào lưu dân chủ tư sản:

Đầu thế kỷ XX, phong trào yêu nước chịu ảnh hưởng trào lưu dân chủ tư sản. Tiêu biểu là xu hướng bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh. Sau đó là phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Nhưng tất cả các phong trào này đều thất bại.

Xu hướng bạo động: phong trào Đông Du của Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo và chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật Bản. Phong trào Đông Du tổ chức đưa sinh viên sang Nhật học. Đến năm 1908, Nhật và Pháp cấu kết với nhau trục xuất những thanh niên Việt Nam về nước và phong trào đã thất bại. Năm 1912, Phan Bội Châu thành lập tổ chức "Việt Nam Quang phục hội" nhằm khôi phục đất nước nhưng cũng không thành công. Năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt, phong trào cách mạng đến đây là chấm dứt.

Xu hướng cải cách: Phong trào Duy Tân của Phan Chu Trinh. Ông không tán thành xu hướng bạo động của Phan Bội Châu. Phan Châu Trinh cho rằng

"bất bạo động, bạo động tắc tử"; phải "khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh" tức là cải cách đất nước, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Phan Châu Trinh đã đề nghị Pháp tiến hành cải cách, điều này cho thấy Phan Chu Trinh đã không nhìn rõ bản chất của thực dân Pháp. Vì vậy, khi phong trào Duy Tân lan rộng khắp cả Trung Kỳ và Nam Kỳ, đỉnh cao là vụ chống thuế ở Trung Kỳ (1908), thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo, trong đó có Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Đặng Nguyên Cẩn... Phong trào chống thuế ở Trung Kỳ bị thực dân Pháp dập tắt, cùng với sự kiện tháng 12-1907 thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa Trường Đông Kinh Nghĩa Thục, phản ánh sự kết thúc xu hướng cải cách trong phong trào cứu nước của Việt Nam.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng: trong bối cảnh mâu thuẫn toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay gắt, các giai cấp, tầng lớp trong xã hội đều đấu tranh. Trong đó, hoạt động có ảnh hưởng rộng và thu hút nhiều học sinh, sinh viên ở Bắc Kỳ là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản,…Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại, được xem như là sự nỗ lực cuối cùng của tổ chức này.

Kết quả, ý nghĩa: Mặc dù các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp nhưng cuối cùng tất cả các phong trào đấu tranh cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đều thất bại. Tuy nhiên, các phong trào này đã thể hiện và cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước của nhân dân ta, bồi đắp thêm cho chủ nghĩa yêu nước của Việt Nam.

Nguyên nhân thất bại: do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh thích hợp để đánh đổ kẻ thù.

Như vậy, cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, cách mạng Việt Nam lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng về đường lối cứu nước và giai cấp lãnh đạo. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần có một hệ tư tưởng mới, một tổ chức cách mạng tiên phong, với đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng

a. Nguyễn Ái Quốc lựa chọn con đường giải phóng cho dân tộc Việt Nam

Trước yêu cầu cấp thiết giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, với nhiệt huyết cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén, vượt lên trên hạn chế của các bậc yêu nước đương thời, tháng 6-1911, Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm đường cứu nước.

Trải qua quá trình lao động, quan sát, tìm hiểu những nơi Người đi qua đã giúp Nguyễn Tất Thành nhận ra nhiều vấn đề quan trọng về con đường giải phóng dân tộc. Trong đó, đặc biệt, Người đã nghiên cứu, xem xét Cách mạng tư sản Mỹ (1776) và Cách mạng tư sản Pháp (1789). Việc nghiên cứu này đã giúp Người học hỏi được nhiều điều và rút ra kết luận về những cuộc cách mạng tư sản là "những cuộc cách mạng không đến nơi", và khẳng định không đi theo hình mẫu của cách mạng đó.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ đến nhận thức của Nguyễn Tất Thành từ đó Người tìm hiểu về Cách mạng Tháng Mười Nga, về V.I.Lênin.

Đầu năm 1919, Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Tháng 6-1919, tại Hội nghị Vecxay (Pháp), Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam. Tuy nhiên, những yêu sách đó đã không được Hội nghị đáp ứng, từ đó Người hiểu rõ hơn về bản chất của đế quốc, thực dân.

Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin. Từ đó, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra những lý luận cách mạng phù hợp với con đường cách mạng Việt Nam như xác định rõ đâu là kẻ thù của giai cấp, của dân tộc, thấy được động lực to

lớn và lực lượng chính của cách mạng, tìm thấy hướng đi của cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa.

Như vậy, sau khi nghiên cứu, phân tích kỹ lưỡng Sơ thảo luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm được con đường cách mạng giải phóng dân tộc, đó là con đường cách mạng vô sản, là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, Người hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba và đi theo cách mạng vô sản. Người khẳng định: *"Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"* [5] Sự kiện này không chỉ là bước ngoặt về nhận thức của Người mà còn là bước chuyển lớn của cách mạng Việt Nam.

Tháng 12-1920, tại Đại hội Đảng Xã hội Pháp họp ở Tua, Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp - là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc. Thời gian này Người tích cực khảo sát, tìm hiểu để hoàn thiện nhận thức về đường lối cách mạng vô sản, chuẩn bị những điều kiện tiên quyết cho thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

b. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng cộng sản.

Sau khi lựa chọn con đường cứu nước cho dân tộc, Nguyễn Ái Quốc nhanh chóng chuẩn bị những điều kiện về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập Đảng. Đây là yếu tố cơ bản quyết định đến thắng lợi của cách mạng.

Về tư tưởng:

Người tích cực viết báo, các tờ báo như *Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống công nhân*, đặc biệt là tác phẩm *"Bản án chế độ thực dân Pháp"* (xuất bản năm 1925) để tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với các nước thuộc địa. Người chỉ rõ bản chất của chủ nghĩa thực dân, xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa, của giai cấp công nhân không riêng Việt Nam.

Năm 1927, cuốn "*Đường Kách Mệnh"* được xuất bản, là tập hợp những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc trong các lớp huấn luyện của "Hội Việt Nam cách mạng thanh niên". Tác phẩm chỉ rõ con đường, mục tiêu, lực lượng và

[5] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 30.

phương pháp đấu tranh của cách mạng. Tác phẩm cũng nêu những điều kiện về tư tưởng, lý luận, chính trị và tổ chức để thành lập Đảng.

Về chính trị:

Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc. Đường lối chính trị của Đảng cách mạng phải hướng tới giành độc lập cho dân tộc, tự do, hạnh phúc cho đồng bào, hướng tới xây dựng nhà nước mang lại quyền lợi cho nhân dân.

Nguyễn Ái Quốc xác định cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới; giữa cách mạng giải phóng dân tộc ở thuộc địa với cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau.

Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ: đối với các dân tộc thuộc địa, nông dân là lực lượng đông đảo nhất, họ bị đế quốc, phong kiến bóc lột nặng nề. Vì vậy, nông dân được xem là động lực của cách mạng.

Về Đảng Cộng sản, Người cho rằng: "Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh, để trong thì vận động tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi. Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy"[6]

Về tổ chức:

Tổ chức quan trọng nhất, được coi như là bước chuẩn bị trực tiếp cho việc thành lập Đảng về cơ cấu tổ chức, là tổ chức quá độ trung gian trước khi thành lập Đảng cộng sản Việt Nam là "*Hội Việt Nam cách mạng thanh niên*".

Về điều kiện ra đời của Hội: Tháng 2-1925, Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong *Tâm tâm xã*, lập ra nhóm *Cộng sản đoàn*. Trên cơ sở nhóm "Cộng sản đoàn", tháng 6-1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập *Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên* tại Quảng Châu (Trung Quốc).

Về nhiệm vụ: Tổ chức có nhiệm vụ quan trọng nhất là giác ngộ thanh niên yêu nước về con đường cách mạng vô sản thông qua việc mở lớp huấn luyện tại Quảng Châu, Trung Quốc từ năm 1925-1927. Đồng thời, truyền bá chủ nghĩa Mác Lênin vào phong trào công nhân, phong trào yêu nước Việt Nam để hướng quần chúng nhân dân theo con đường cách mạng vô sản.

Về hoạt động: Hội đã xuất bản tờ báo *Thanh niên* để tuyên truyền mục đích của Hội, tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phương hướng phát triển

[6] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 2, trang 267-268.

của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt Nam. Báo in bằng tiếng Việt và ra hàng tuần, mỗi số in khoảng 100 bản. Ngày 21-6-1925 ra số đầu tiên, đến tháng 4-1927, báo do Nguyễn Ái Quốc phụ trách và ra được 88 số. Báo *Thanh niên* đánh dấu sự ra đời của báo chí cách mạng Việt Nam.

Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách để đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị cho thanh niên, những người yêu nước tích cực. Từ giữa năm 1925 đến tháng 4-1927, Hội đã tổ chức được trên 10 lớp huấn luyện tại nhà số 13 và 13B đường Văn Minh, Quảng Châu (nay là nhà số 248 và 250)

Tổ chức thực hiện phong trào "Vô sản hóa", "Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên" đã phát triển cơ sở trong nước, các kỳ bộ được thành lập trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam.

Như vậy, trong những năm 1928-1929, phong trào yêu nước của nhân dân Việt Nam và phong trào công nhân diễn ra mạnh mẽ theo xu hướng cách mạng vô sản dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản.

3. Thành lập Đảng cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

a. Các tổ chức cộng sản ra đời

Với sự nỗ lực cố gắng truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc và những hoạt động tích cực của các cấp bộ trong tổ chức "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" trên cả nước đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Những cuộc đấu tranh của thợ thuyền khắp ba kỳ với nhịp độ, quy mô ngày càng lớn, nội dung chính trị ngày càng sâu sắc. Số lượng các cuộc đấu tranh của công nhân trong năm 1928-1929 tăng gấp 2,5 lần so với 2 năm 1926-1927.

Đến năm 1929, trước sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cách mạng Việt Nam, tổ chức "Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên" không còn thích hợp và đủ sức lãnh đạo phong trào.

Vì vậy, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất của "Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên" diễn ra tại Hồng Kông từ ngày 1 đến ngày 9-5-1929 đặt vấn đề về thành lập Đảng cộng sản nhưng không đạt được sự thống nhất. Tháng 8-1929, Hội đã bị phân hóa, từ đó dẫn đến sự ra đời các tổ chức cộng sản. Khái quát sự ra đời của các tổ chức cộng sản qua mô hình sau:

Đông Dương Cộng sản Đảng (6-1929): đại biểu các tổ chức cộng sản ở Bắc Kỳ họp tại số nhà 312 phố Khâm Thiên (Hà Nội) quyết định thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng. Lấy cờ đỏ búa liềm làm Đảng Kỳ và xuất bản báo Búa liềm làm cơ quan ngôn luận.

An Nam Cộng sản Đảng (11-1929), thành lập trên cơ sở các chi bộ ở Nam Kỳ và tại Khánh Hội (Sài Gòn), Đảng quyết định xuất bản Tạp chí Bonsovich.

Đông Dương Cộng sản Liên đoàn (9-1929) được ra đời dựa trên hoạt động của "Hội Tân Việt cách mạng Đảng" ở Trung Kỳ.

Như vậy, sự ra đời của ba tổ chức cộng sản trên cả nước diễn ra nửa cuối năm 1929 đã khẳng định bước phát triển về chất của phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, phù hợp với xu thế và nhu cầu bức thiết của lịch sử Việt Nam.

Tuy nhiên, sự ra đời ba tổ chức cộng sản ở ba miền đều tuyên bố ủng hộ Quốc tế Cộng sản, kêu gọi Quốc tế Cộng sản thừa nhận tổ chức của mình và đều tự nhận là đảng cách mạng chân chính, nên không tránh khỏi sự phân tán về lực lượng và thiếu thống nhất, đoàn kết về tổ chức trên cả nước.

b. Hội nghị thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Trước nhu cầu cấp bách của phong trào cách mạng trong nước, với tư cách là phái viên của Quốc tế Cộng sản, Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng và An Nam Cộng sản Đảng để tiến hành Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất của Việt Nam

Hội nghị hợp nhất đảng diễn ra tại Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). Hội nghị bắt đầu họp ngày 6-1-1930. Thành phần dự Hội nghị gồm có: 2 đại biểu của Đông Dương Cộng sản Đảng, 2 đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng, dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc - đại biểu của Quốc tế Cộng sản.

Ngày 24-2-1930, "Đông Dương Cộng sản Liên đoàn" đã xin gia nhập thống nhất các tổ chức cộng sản thành một chính đảng duy nhất.

Hội nghị hoàn toàn nhất trí, tán thành việc hợp nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng duy nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam; thông qua *Chính cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt*, *Chương trình tóm tắt*, *Điều lệ vắn tắt* của Đảng.

Như vậy, trước yêu cầu của lịch sử cách mạng Việt Nam cần phải thống nhất các tổ chức cộng sản trong nước, chấm dứt sự chia rẽ bất lợi cho cách mạng, với uy tín chính trị và phương thức hợp nhất phù hợp, Nguyễn Ái Quốc đã kịp thời triệu tập và chủ trì hợp nhất các tổ chức cộng sản, thông qua những văn kiện quan trọng, phản ánh nhiều vấn đề cơ bản trước mắt và lâu dài cho cách mạng Việt Nam, đưa cách mạng Việt Nam sang một trang sử mới.

c. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng

Các văn kiện *Chính cương vắn tắt*, *Sách lược vắn tắt*, *Chương trình tóm tắt*, *Điều lệ vắn tắt* [7] đã phản ánh đường hướng phát triển và những vấn đề cơ bản về chiến lược, sách lược của cách mạng Việt Nam. Vì vậy, đây được coi là *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nội dung của Cương lĩnh đầu tiên, được thể hiện qua sơ đồ sau:

Xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng: tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản.

Xác định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của cách mạng: Chống đế quốc và chống phong kiến là nhiệm vụ cơ bản để giành độc lập cho dân tộc và ruộng

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 2-5.

đất cho dân cày, trong đó chống đế quốc, giành độc lập cho dân tộc được đặt ở vị trí hàng đầu.

Về phương diện xã hội: dân chúng được tự do tổ chức, nam nữ bình quyền, phổ thông giáo dục theo công nông hóa,...

Về phương diện kinh tế: thủ tiêu hết các thứ quốc trái, thu hết sản nghiệp lớn (công nghiệp, vận tải, ngân hàng,...) của tư bản đế quốc Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý, thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo, mở mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm tám giờ,...

Xác định lực lượng cách mạng: động lực chính là giai cấp công nhân và nông dân, trong đó giai cấp công nhân lãnh đạo. Ngoài ra phải lôi kéo tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên...về phía cách mạng. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư sản dân tộc chưa ra mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

Xác định phương pháp tiến hành cách mạng: con đường bạo lực cách mạng của quần chúng, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không được thỏa hiệp.

Xác định vấn đề đoàn kết quốc tế: cách mạng Việt Nam là bộ phận của cách mạng thế giới. Liên hệ với giai cấp vô sản thế giới nhất là giai cấp vô sản Pháp.

Xác định vai trò lãnh đạo của Đảng: Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản và phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng đã phản ánh cơ bản các vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam. Nội dung của Cương lĩnh chính trị thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ, sáng tạo trong việc đánh giá đặc điểm, tính chất xã hội thuộc địa nửa phong kiến Việt Nam trong những năm 20 của thế kỷ XX, chỉ rõ những mâu thuẫn cơ bản và chủ yếu của dân tộc Việt Nam lúc đó, đặc biệt là việc đánh giá đúng đắn, sát thực thái độ các giai tầng xã hội đối với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Từ đó, các văn kiện đã xác định đường lối chiến lược và sách của cách mạng Việt Nam, đồng thời xác định phương pháp, nhiệm vụ và lực lượng của cách mạng để thực hiện đường lối chiến lược và sách lược đã đề ra.

4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng cộng sản Việt Nam

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, đưa cách mạng Việt Nam sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận khăng khít của cách mạng vô

sản thế giới. Đó là kết quả của sự vận động phát triển và thống nhất của phong trào cách mạng trong cả nước, sự chuẩn bị tích cực, sáng tạo, bản lĩnh của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc, sự đoàn kết, nhất trí của những chiến sĩ cách mạng tiên phong vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sản phẩm của sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó cũng là kết quả của sự phát triển cao và thống nhất của phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam được soi sáng bởi chủ nghĩa Mác - Lênin. Hồ Chí Minh đã khẳng định: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng. Đúng như Hồ Chí Minh nhìn nhận lại "Việc thành lập Đảng là một bước ngoặt vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam ta. Nó chứng tỏ rằng giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng"[8].

Cương lĩnh đầu tiên được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã khẳng định: lần đầu tiên cách mạng Việt Nam có một bản cương lĩnh chính trị phản ánh đúng quy luật khách quan, đáp ứng những nhu cầu cơ bản và cấp bách của xã hội Việt Nam, phù hợp với xu thế của thời đại, định hướng chiến lược đúng đắn cho tiến trình phát triển của cách mạng Việt Nam. Đường lối đó là kết quả của sự vận dụng chủ nghĩa Mác-Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam một cách đúng đắn, sáng tạo và có phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh chính trị đầu tiên đã khẳng định sự lựa chọn con đường cách mạng cho dân tộc Việt Nam - con đường cách mạng vô sản. Con đường duy nhất đúng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp và giải phóng con người. Sự lựa chọn con đường cách mạng vô sản phù hợp với nội dung và xu thế của thời đại mới được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại.

Đúng như Đảng ta đã nhận định: "Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc thật sự và tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Cần nhấn mạnh rằng đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, sự lựa chọn đã dứt khoát từ năm 1930 với sự ra đời của Đảng ta"[9].

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử phát triển của dân tộc Việt Nam, trở thành nhân tố hàng đầu quyết định đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

---

[8] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 12, trang 406.
[9] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn* tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, tr 13-14.

II. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc, giành chính quyền (1930-1945)

1. Phong trào cách mạng giai đoạn 1930-1935

a. Cao trào cách mạng giai đoạn 1930-1931 và Luận cương chính trị (10-1930)

❖ *Cao trào cách mạng giai đoạn 1930-1931*

Cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 1929 - 1933 ảnh hưởng đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Thực dân Pháp tăng cường bóc lột nhân dân thuộc địa làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với Pháp ngày càng gia tăng.

Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, trên khắp cả nước các cuộc đấu tranh, bãi công của công nhân nổ ra liên tiếp như nhà máy xi măng Hải Phòng, hãng dầu Nhà Bè (Sài Gòn), các đồn điền Phú Riềng, Dầu Tiếng, nhà máy dệt Nam Định, nhà máy diêm Bến Thủy,…

Từ tháng 5-1930, phong trào phát triển thành cao trào. Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc tổng bãi công của công nhân khu công nghiệp Bến Thủy-Vinh (8-1930), đánh dấu "một thời kỳ mới, thời kỳ đấu tranh kịch liệt đã đến"[10]. Đặc biệt, ở vùng nông thôn, hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, nổ ra nhiều cuộc biểu tình lớn của nông dân. Trước sức mạnh của quần chúng, bộ máy chính quyền của đế quốc và tay sai ở nhiều nơi tan rã. Các tổ chức Đảng đã nắm quyền quản lý mọi mặt đời sống của nhân dân, nhiệm vụ một chính quyền cách mạng dưới hình thức các ủy ban tự quản theo mô hình Xô Viết.

Khi chính quyền Xô viết ra đời và cũng là lúc phong trào cách mạng lên tới đỉnh cao nhất. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung lực lượng đàn áp khốc liệt với những thủ đoạn chính trị dã man. Hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đày. Đến tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt. Các tổ chức quần chúng hầu như bị tan rã hết.

Mặc dù thất bại nhưng phong trào đấu tranh những năm 1930-1931, đã khẳng định năng lực lãnh đạo cách mạng của Đảng cộng sản - đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cao trào cũng để lại nhiều kinh nghiệm quý báu cho cách mạng, nhất là kinh nghiệm "về kết hợp hai nhiệm vụ

[10] Báo *Người lao khổ*, cơ quan ngôn luận của Xứ ủy Trung Kỳ, số 13, ngày 18-9-1930.

chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v…”[11].

❖ *Luận cương Chính trị tháng 10-1930 của Đảng cộng sản Đông Dương*

Bối cảnh ra đời: Sau khi đồng chí Trần Phú về nước, được bổ sung vào Ban chấp hành Trung ương lâm thời và tham gia chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương. Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nội dung chính: Thay cho Chính cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam là “Luận cương chính trị”[12] của Đảng Cộng sản Đông Dương với các nội dung chính như sau:

Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt giữa một bên là thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ với một bên là địa chủ phong kiến và tư bản đế quốc.

Phương hướng chiến lược của cách mạng Đông Dương: Tư sản dân quyền là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng, sau khi cách mạng tư sản dân quyền

[11] Trường Chinh: *Đời đời nhớ ơn Các Mác và đi theo con đường Các Mác đã vạch ra*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1968, trang 52.

[12] Những đoạn trích *Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương* (*Dự án để thảo luận trong Đảng*) đều dẫn theo Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 2, trang 88-103.

thắng lợi sẽ phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản chủ nghĩa đấu tranh thẳng lên con đường XHCN.

Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền: đánh đổ phong kiến, thực hành triệt để thổ địa cách mạng; đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Hai nhiệm vụ có quan hệ khăng khít với nhau, trong đó thổ địa cách mạng là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền.

Về lực lượng cách mạng: giai cấp vô sản và nông dân là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó vô sản là động lực mạnh và chính.

Về lãnh đạo cách mạng: Đảng xác định: điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường lối chính trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành.

Về phương pháp cách mạng: Phải dùng võ trang bao động và theo khuôn phép nhà binh.

Về quan hệ quốc tế: Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng thế giới.

Luận cương chính trị đã khẳng định lại nhiều vấn đề thuộc về chiến lược của cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, Luận cương chính trị chưa chỉ rõ được mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam, chưa nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Nguyên nhân có sự hạn chế đó là do chưa nhận thức đầy đủ về thực tiễn cách mạng Việt Nam và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh.

b. Cuộc đấu tranh khôi phục tổ chức và phong trào cách mạng, Đại hội lần thứ nhất của Đảng (3-1935)

Bước sang năm 1931, thực dân Pháp tiến hành khủng bố ngày càng dữ dội do đó cách mạng bị tổn thất nặng nề từ tư tưởng cho đến lực lượng. Rất nhiều chiến sĩ cách mạng, nhân dân của ta bị thực dân Pháp bắt làm tù binh, bị giết. Cách mạng Việt Nam bị tổn thất nặng nề và bước vào một giai đoạn đấu tranh cực kỳ gian khổ. Ngày 18-4-1931, đồng chí Trần Phú bị địch bắt. Trước tình hình đó, Đảng chủ trương khôi phục tổ chức đảng.

Chủ trương khôi phục phong trào đươc tiến hành khắp nơi, đặc biệt trong các nhà tù của thực dân Pháp, Đảng ta chỉ đạo tổ chức huấn luyện, bồi dưỡng cho đảng viên về lý luận Mác-Lênin, đường lối chính trị của Đảng, kinh nghiệm vận động cách mạng; tổ chức học văn hóa, ngoại ngữ v.v. Các chiến sĩ trong nhà tù đấu tranh vô cùng anh dũng.

Đầu năm 1932, Đảng ban bố *Chương trình hành động* của Đảng Cộng sản Đông Dương. Đảng đã vạch ra nhiệm vụ trước mắt là khôi phục hệ thống tổ chức của Đảng.

Đầu năm 1935, hệ thống tổ chức Đảng và phong trào quần chúng được phục hồi. Tháng 3-1935, *Đại hội đại biểu lần thứ nhất* của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), đề ra 3 nhiệm vụ trước mắt: 1. Củng cố và phát triển Đảng, 2. Đẩy mạnh cuộc vận động tập hợp quần chúng, 3. Mở rộng tuyên truyền chống đế quốc, chống chiến tranh,... Đại hội bầu Ban Chấp hành Trung ương mới do đồng chí Lê Hồng Phong làm Tổng Bí thư, bầu đoàn đại biểu đi dự Đại hội VII Quốc tế Cộng sản.

Đại hội đánh dấu sự hồi phục hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng, tạo điều kiện để bước vào một cao trào cách mạng mới.

2. Phong trào dân chủ giai đoạn 1936-1939

a. Điều kiện lịch sử

Tình hình thế giới:

Nhằm giải quyết những hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế giai đoạn 1929-1933, giai cấp tư sản ở một số nước như Đức, Italia, Tây Ban Nha… chủ trương dùng bạo lực đàn áp phong trào đấu tranh trong nước và chuẩn bị phát động chiến tranh thế giới để chia lại thị trường. Chủ nghĩa Phát xít xuất hiện và tạm thời thắng thế ở một số nơi. Nguy cơ chủ nghĩa Phát xít và chiến tranh thế giới đe doạ nghiêm trọng nền hòa bình và an ninh quốc tế.

Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản (7-1935) xác định: Kẻ thù trước mắt là chủ nghĩa Phát xít; Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân thế giới là chống chủ nghĩa Phát xít và chống chiến tranh để bảo vệ dân chủ và hòa bình; Để thực hiện nhiệm vụ này các Đảng cộng sản cần thống nhất lực lượng, thành lập Mặt trận nhân dân rộng rãi để đấu tranh (Mặt trận nhân dân Pháp thành lập vào tháng 5-1935)

Tình hình trong nước:

Thực dân Pháp tăng cường áp bức, bóc lột nhân dân ta. Người dân Việt Nam đều mong muốn cải cách dân chủ để thoát khỏi tình trạng áp bức bóc lột do sự khủng hoảng kinh tế và chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp gây ra.

Dưới chính sách khủng bố trắng của thực dân Pháp, mâu thuẫn dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp ngày càng đẩy lên cao.

b. Chủ trương của Đảng

Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh: Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh thể hiện trong các Hội nghị lần thứ hai (7-1936), lần thứ ba (3-1937), lần thứ tư (9-1937), lần thứ năm (3-1938)...của Ban chấp hành Trung ương Đảng

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (26-7-1936), họp tại Thượng Hải (Trung Quốc). Hội nghị xác định nhiệm vụ là chống Phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo hòa bình.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 3-1938) nhấn mạnh: thành lập Mặt trận dân chủ thống nhất là nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại.

+ Về kẻ thù: bọn phản động thuộc địa và tay sai của chúng.

+ Nhiệm vụ trước mắt: đòi tự do dân chủ, cơm áo hoà bình.

+ Về lực lượng: Lập mặt trận nhân dân phản đế.

+ Về đoàn kết quốc tế: đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân, Đảng cộng sản Pháp và Mặt trận nhân dân Pháp.

+ Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh: kết hợp công khai nửa công khai, hợp pháp nửa hợp pháp, chú ý củng cố và tăng cường tổ chức và hoạt động bí mật.

Văn kiện *"Chung quanh vấn đề chiến sách mới"* công bố vào tháng 10-1936: Thể hiện nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Trong đó văn kiện nêu rõ: Cuộc cách mạng giải phóng dân tộc nhất định phải kết hợp chặt với cuộc cách mạng điền địa và tuỳ tình hình mà xác định vấn đề nào trước, vấn đề nào sau.

Theo sáng kiến của Đảng, Hội truyền bá Quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh.

Hội nghị Trung ương Đảng (30-3-1938) quyết định thành lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp lực lượng.

Bản *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với thời cuộc"* thông qua vào tháng 3-1939, Đảng kêu gọi các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động hơn nữa.

Tác phẩm *"Tự chỉ trích"* của đồng chí Nguyễn Văn Cừ xuất bản vào tháng 7-1939, nêu những vấn đề cơ bản trong công tác xây dựng Đảng.

c. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình

Đấu tranh đòi các quyền tự do, dân sinh, dân chủ

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cuộc vận động dân chủ diễn ra trên quy mô rộng lớn, lôi cuốn đông đảo quần chúng tham gia với những hình thức đấu tranh phong phú như: Quần chúng đã biến cuộc đón rước phái viên Chính phủ Pháp "Goda" thành cuộc biểu tình, thị uy lực lượng; Phong trào biểu tình, mít tinh của quần chúng phát triển mạnh từ 1937-1939, tiêu biểu là cuộc tổng bãi công của Công ti than Hòn Gai (11/1936); cuộc mít tinh khổng lồ tại quảng trường Nhà Đấu Xảo Hà Nội (1/5/1938) thu hút hơn 2,5 vạn người tham gia.

Đấu tranh nghị trường

Đây là hình thức đấu tranh mới, Đảng chủ trương vận động để đưa người của Đảng và Mặt trận Dân chủ Đông Dương ra ứng cử tham gia vào cuộc bầu cử thành lập các cơ quan như: Viện Dân biểu Bắc Kì, Viện Dân biểu Trung Kì,… với mục đích là mở rộng lực lượng của Mặt trận Dân chủ và vạch trần chính sách phản động của bọn thực dân và tay sai, bênh vực quyền lợi của nhân dân lao động.

Đấu tranh trên lĩnh vực báo chí

Mục đích đấu tranh được tự do ngôn luận và để vận động tuyên truyền nhân dân tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh của dân tộc, Đảng xuất bản nhiều tờ báo công khai: Tiền Phong, Dân Chúng, Lao động, Tin tức…với nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán, thơ ca cách mạng, nhiều sách chính trị - lí luận được xuất bản. Theo sáng kiến của Đảng, Hội truyền bá quốc ngữ ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh. Báo chí cách mạng trở thành mũi nhọn xung kích.

Kết quả: Phong trào đấu tranh dân chủ thu được những kết quả to lớn, đông đảo các tầng lớp nhân dân được giác ngộ về con người, con đường cách mạng của Đảng.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

d. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của phong trào dân chủ (1936 - 1939)

Phong trào dân chủ (1936-1939) kết thúc đã buộc chính quyền thực dân phải nhượng bộ một số yêu sách cụ thể về dân sinh dân chủ. Quần chúng được giác ngộ và tham gia vào lực lượng chính trị hùng hậu. Đây là cuộc tập dượt lần thứ hai của Đảng ta chuẩn bị lực lượng cho Cách mạng tháng Tám năm 1945. Qua cao trào 1936-1939, Đảng và nhân dân ta tích lũy được nhiều kinh nghiệm xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất, tổ chức lãnh đạo quần chúng, đấu tranh công khai, hợp pháp, đấu tranh nội bộ và Đảng cũng nhận ra hạn chế của mình trong công tác mặt trận và vấn đề dân tộc.

3. Phong trào giải phóng dân tộc giai đoạn 1939-1945

a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Bối cảnh lịch sử

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ 1-9-1939, hai ngày sau, Pháp lao vào vòng chiến. Mặt trận nhân dân Pháp tan vỡ.

Tình hình Việt Nam: Pháp thực hiện chính sách thời chiến. Về chính trị: thủ tiêu mọi quyền tự do dân chủ của nhân dân, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật. Về kinh tế: thực hiện chính sách kinh tế chỉ huy. Về quân sự: thực hiện chính sách tổng động viên.

Ngày 22- 9-1940, Nhật vào Đông Dương, thực dân Pháp đầu hàng và câu kết với Nhật để thống trị và bóc lột nhân dân Đông Dương, làm cho nhân dân Đông Dương phải chịu cảnh "một cổ hai tròng".

Nội dung chủ trương chiến lược:

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hànhTrung ương Đảng (11- 1939) đã phân tích tình hình và chỉ rõ con đường cách mạng lúc này là con đường đánh đổ đế

quốc Pháp. Hội nghị nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đưa lên hàng đầu. Hội nghị cũng chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất phản đế Đông Dương, thu hút tất cả các dân tộc, các giai cấp, đảng phái và cá nhân yêu nước ở Đông Dương nhằm đánh đổ đế quốc Pháp và tay sai. Hội nghị 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đáp ứng nhu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc.

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hànhTrung ương (11-1940) Sau hơn một tháng Nhật vào Đông Dương, Đảng cho rằng: "Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa phải đồng thời tiến hành, không thể cái làm trước, cái làm sau" [13]. Vì vậy, Trung ương Đảng vẫn còn trăn trở, chưa thật dứt khoát với chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hànhTrung ương (5-1941). Ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước, Người chủ trì Hội nghị Trung ương 8, Hội nghị bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị lần thứ 8 nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp - Nhật.

Thứ hai, khẳng định dứt khoát nhiệm vụ duy nhất là nhiệm vụ giải phóng dân tộc, ngoài ra không còn nhiệm vụ nào khác "Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc"[14]

Thứ ba, Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, ở Việt Nam, Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Việt Minh, đồng thời phát huy sức mạnh đoàn kết ba dân tộc nhằm chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc. Các tổ chức quần chúng trong Mặt trận Việt Minh đều mang tên "cứu quốc".

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ.

---

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 7, trang 68.
[14] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tập 7, trang 119.

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân. Hội nghị còn xác định những điều kiện chủ quan, khách quan và dự đoán thời cơ tổng khởi nghĩa.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược.

Về lý luận: sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược góp phần hoàn chỉnh đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và khắc phục được những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930.

Về thực tiễn: sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh lịch sử cụ thể và thúc đẩy phong trào đấu tranh cách mạng cao.

b. Phong trào chống Pháp - Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Sau khi phát xít Nhật vào Việt Nam khai thác, bóc lột, khiến cho tình hình cách mạng nước ta ngày càng khó khăn hơn. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các cuộc khởi nghĩa chống lại phát xít Nhật và thực dân Pháp liên tiếp nổ ra như cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, khởi nghĩa Nam Kỳ và binh biến Đô Lương. Các cuộc đấu tranh này báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc đã chuẩn bị.

Ngày 25-10-1941, Mặt trận Việt Minh được thành lập đáp ứng nguyện vọng cứu nước của đồng bào ta nên phong trào Việt Minh phát triển mạnh, mặc dù bị kẻ thù khủng bố rất dã man.

Năm 1943, Đảng công bố bản "*Đề cương về văn hóa Việt Nam*", xác định văn hóa cũng là một trận địa cách mạng, chủ trương xây dựng một nền văn hóa mới theo ba nguyên tắc: dân tộc, khoa học và đại chúng.

a. Dân tộc hóa (chống mọi ảnh hưởng nô dịch và thuộc địa, khiến cho văn hóa Việt Nam phát triển độc lập).

b. Đại chúng hóa (chống mọi chủ trương hành động làm cho văn hóa phản lại đông đảo quần chúng hoặc xa đông đảo quần chúng).

c. Khoa học hóa (chống lại tất cả những cái gì làm cho văn hóa trái khoa học, phản tiến bộ).

"Đề cương văn hoá Việt Nam" là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hoá, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hoá dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hoá cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hoá dân tộc, nhân dân. Cuối năm 1944, Hội Văn hóa Cứu quốc ra đời.

Ngày 22-12-1944, "Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân" do Võ Nguyên Giáp làm chỉ huy, ra đời ở Cao Bằng. Đây được xem là tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam sau này. Đội đây mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp đấu tranh chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng.

c. Cao trào kháng Nhật cứu nước

Hoàn cảnh: Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Lực lượng Đồng Minh đã tiến gần tiêu diệt Phát xít. Phe Phát xít đang lâm vào tình trạng khủng hoảng. Ở Đông Dương ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính Pháp cướp chính quyền nhằm độc chiếm Đông Dương. Sau khi đảo chính thành công, Nhật thi hành một loạt chính sách nhằm củng cố quyền thống trị.

Chủ trương: Ngày 12-3-1945, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Từ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị "*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*". Chỉ thị chỉ rõ bản chất của cuộc đảo chính là tranh giành lợi ích giữa Nhật - Pháp:

- Chỉ thị xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật, do đó phải thay đổi khẩu hiệu "đánh đuổi Nhật - Pháp" bằng khẩu hiệu "đánh đuổi phát xít Nhật" chống lại chính quyền Nhật và chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật.

- Chỉ thị nhận định tình hình: cuộc đảo chính đã tạo ra ở Đông Dương "một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc", tuy nhiên , "những điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi" vì quân Pháp tan rã, song quân Nhật chưa đến mức hoang mang cực độ, các tầng lớp trung gian chưa ngả hẳn về phía cách mạng, đội quân tiên phong chưa sẵn sàng.

- Chỉ thị đã vạch rõ những điều kiện về cuộc khởi nghĩa Đông Dương "Phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ để làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa. Cao trào ấy có thể bao gồm từ hình thức bất hợp tác, bãi công, bãi thị phá phách cho đến những hình thức cao hơn như biểu tình thị uy võ trang, du kích…" , đồng thời "sẵn sàng chuyển qua hình thức tổng khởi

nghĩa một khi đã đủ điều kiện". Với tư tưởng chỉ đạo của Đảng trong Chỉ thị là "phải hành động ngay, hành động cương quyết nhanh chóng, sáng tạo, chủ động táo bạo".

Trong cách mạng, tương quan lực lượng giữa ta và địch ở mỗi nơi không giống nhau, cách mạng có thể chín muồi ở các địa phương không đều nhau nên Thường vụ Trung ương Đảng đã xác định: Nơi nào thấy so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng thì tiến hành khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền từng bộ phận, rồi tiến tới Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc và không được ỷ lại vào bên ngoài khi tình thế biến chuyển thuận lợi, mà phải dựa vào sức mình là chính.

Ý nghĩa của bản Chỉ thị: Chỉ thị đã xác định đúng kẻ thù, dự báo chính xác thời cơ cách mạng, linh hoạt, sáng tạo và chuẩn bị mọi điều kiện làm tiền đề cho Tổng khởi nghĩa, giành chính quyền về tay nhân dân khi thời cơ đến. Điều đó thể hiện tầm nhìn chiến lược, tư duy khoa học và nghệ thuật chỉ đạo cuộc cách mạng tài tình của Đảng ta trong công cuộc giải phóng dân tộc. Chỉ thị là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và của Mặt trận Việt Minh, ở các địa phương và cả nước trong cao trào kháng Nhật cứu nước, có tác dụng quyết định trực tiếp đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tám năm 1945.

Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước:

Từ tháng 3-1945 trở đi, cao trào Kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ, giải phóng được nhiều xã, châu, huyện ở các địa phương như Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Bắc Giang, Quảng Ngãi…

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra Chỉ thị về việc tổ chức Uỷ ban giải phóng Việt Nam.

Tháng 5 và tháng 6-1945, khởi nghĩa từng phần nổ ra mạnh mẽ ở cả 3 miền.

Ngày 4-6-1945 khu giải phóng chính thức được lập ở Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Hà Giang, Tuyên Quang và một số vùng lân cận như Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên… với khẩu hiệu "phá kho thóc, giải quyết nạn đói" đã ủng hộ người dân đứng dậy khởi nghĩa giành chính quyền. Uỷ ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh. Khu giải phóng Việt Bắc trở thành căn cứ địa chính của cách mạng cả nước.

Lực lượng tham gia cao trào kháng Nhật cứu nước không chỉ có sự tham gia đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, học sinh,... còn có tư sản dân tộc và một số địa chủ tham gia cách mạng.

Ý nghĩa của cao trào: trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

d. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Hoàn cảnh: Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh Thế giới lần thứ hai kết thúc. Phát xít Đức đầu hàng quân Đồng Minh. Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng quân Đồng Minh không điều kiện vào ngày 15-8-1945. Chính quyền do Nhật dựng lên ở Đông Dương hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng của toàn thể Đảng và nhân dân ta đã tới.

Quyết định khởi nghĩa: thể hiện trong "Hội nghị toàn quốc" của Đảng Cộng sản Đông Dương và "Đại hội quốc dân":

Hội nghị toàn quốc của Đảng Cộng sản Đông Dương đã họp tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13-15/8/1945. Hội nghị xác định những vấn đề quan trọng của tình hình mới:

+ Phân tích tình hình và dự đoán: "Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương".

+ Quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: Phản đối xâm lược! Hoàn toàn độc lập! Chính quyền nhân dân!

+ Xác định ba nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa là: tập trung, thống nhất và kịp thời.

+ Xác định phương hướng hành động trong tổng khởi nghĩa: phải đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn; quân sự và chính trị phải phối hợp; phải làm tan rã tinh thần quân địch và dụ chúng hàng trước khi đánh. Phải chộp lấy những căn cứ chính (cả ở các đô thị) trước khi quân Đồng minh vào, thành lập ủy ban nhân dân ở những nơi đã giành được quyền làm chủ…

+ Quyết định những vấn đề quan trọng về chính sách đối nội và đối ngoại cần thi hành sau khi giành được chính quyền.

Đại hội quốc dân (ngày16-8-1945), họp tại Tân Trào - Sơn Dương -Tuyên Quang. Về dự Đại hội có khoảng 60 đại biểu của các giới, các đảng phái chính trị, các đoàn thể quần chúng cứu quốc, các dân tộc, tôn giáo trong nước và đại biểu kiều bào ở nước ngoài. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Như vậy, qua Hội nghị toàn quốc và Đại hội quốc dân, chủ trương của Đảng thể hiện sự thống nhất về tư tưởng, hành động, thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta… Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!"[15].

Diễn biến: Dưới sự lãnh đạo của Đảng, khởi nghĩa diễn ra và lần lượt giành thắng lợi trên cả nước:

Từ ngày 14 đến ngày 18-8-1945, tuy chưa nhận được lệnh tổng khởi nghĩa, nhưng do nắm vững tinh thần các Nghị quyết, Chỉ thị trước đó của Đảng, căn cứ vào tình hình thực tiễn, đảng bộ nhiều địa phương đã kịp thời, chủ động, lãnh đạo nhân dân nổi dậy khởi nghĩa. Bốn tỉnh giành chính quyền sớm nhất là Hải Dương, Bắc Giang, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Ở Hà Nội, ngày 19-8-1945, quần chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Trước khí thế và sức mạnh áp đảo của quần chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Ở Thừa Thiên Huế, ngày 23-8-1945, Uỷ bản khởi nghĩa Thừa Thiên Huế huy động quần chúng giành chính quyền. Từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quần chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Ở Sài Gòn, đêm 24-8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu

[15] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, trang 596.

người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Trong cuộc họp ngày 27-8-1945, Ủy ban dân tộc giải phóng cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Trong hai ngày 28 và 29-8-1945, Hồ Chí Minh tập trung soạn thảo bản "Tuyên ngôn độc lập" tại số nhà 48 phố Hàng Ngang - Hà Nội.

Ngày 30-8-1945, tại cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngọ Môn, thành phố Huế, vua Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kết thúc chế độ phong kiến tồn tại hàng ngàn năm lịch sử.

Kết quả: Cách mạng Tháng Tám đã thành công vang dội. Vào ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đã đọc bản "*Tuyên ngôn Độc lập*"[16] tại quảng trường Ba Đình khai sinh ra nước *Việt Nam dân chủ Cộng hòa.* Đây được xem là bước ngoặt lịch sử đối với nước ta, thể hiện tinh thần chiến đấu và ý chí giữ gìn nền độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam.

4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945

a. Nguyên nhân thắng lợi

Nguyên nhân khách quan:

Cách mạng tháng Tám được tiến hành trong bối cảnh quốc tế có những thuận lợi: Hồng quân Liên Xô thắng trận trong chiến tranh thế giới thứ 2, Chủ nghĩa phát xít Đức, Ý, Nhật đã bị đánh bại, phong trào đấu tranh giải phóng của các dân tộc bị áp bức và của các lực lượng tiến bộ trên thế giới phát triển mạnh.

Nguyên nhân chủ quan:

Sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt, khéo léo của Đảng; là sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin trong điều kiện cụ thể của nước ta một cách đúng đắn, độc lập, tự chủ và sáng tạo. Đảng có phương pháp, chiến lược, chiến thuật cách mạng phù hợp, linh hoạt; nhận thức được thời cơ, chủ động đón thời cơ và kiên quyết chớp thời cơ, tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Cách mạng Tháng Tám thành công là do tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quật cường của các tầng lớp nhân dân ta, không chịu sống mãi kiếp nô lệ của người dân mất nước; một lòng đi theo Đảng và được Đảng lãnh đạo qua các cuộc tổng diễn tập, đã quyết vùng lên giành độc lập cho dân tộc.

[16] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 4, trang 1

Cách mạng Tháng Tám thành công là do sự chuẩn bị đầy đủ, chu đáo và trải qua 15 năm đấu tranh cực kỳ gian khổ và anh dũng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã có biết bao đồng bào, chiến sĩ đã không hề tiếc máu xương, hy sinh oanh liệt vì mục tiêu độc lập dân tộc.

b. Tính chất

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình, thể hiện ở những nội dung sau:

Thứ nhất, tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam lúc đó là mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với đế quốc xâm lược và tay sai; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Thứ hai, lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên "cứu quốc", động viên đến mức cao nhất mọi lực lượng dân tộc lên trận địa cách mạng. Cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thứ ba, thành lập chính quyền nhà nước "của chung toàn dân tộc" theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc, "còn ai là người dân sống trên giải đất Việt Nam đều thảy được một phần tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy"[17].

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là một cuộc cách mạng có tính chất dân chủ:

Một là, cách mạng giải phóng dân tộc Việt Nam là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít. "Nó chống lại phát xít Nhật và bọn tay sai phản động và nó là một bộ phận của cuộc chiến đấu vĩ đại của các lực lượng dân chủ, tiến bộ trên thế giới chống phát xít xâm lược" [18].

Hai là, cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc. Do Cách mạng Tháng Tám, một phần ruộng đất của đế quốc và Việt gian đã bị tịch thu, địa tô được tuyên bố giảm 25%, một số nợ lưu cữu được xoá bỏ.

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tập 7, trang 114.
[18] Trường Chinh: *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tập 1, trang 170.

Ba là, cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Tuy Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc. Vì cách mạng Tháng Tám chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng, chưa xoá bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xoá bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ.

c. Ý nghĩa

Khẳng định ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh viết: "Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: Lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc" [19]

Đối với dân tộc, cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhà nước của nhân dân đầu tiên ở Đông Nam Á, giải quyết thành công vấn đề cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội là vấn đề chính quyền.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ bước lên địa vị người chủ đất nước, có quyền quyết định vận mệnh của mình. Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền. Từ đây, Đảng và nhân dân Việt Nam có chính quyền nhà nước cách mạng làm công cụ sắc bén phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Đối với quốc tế, cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu

[19] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 7, trang 25.

quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám không chỉ là chiến công của dân tộc Việt Nam mà còn là là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Cách mạng Tháng Tám là thắng lợi của đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh. Nó chứng tỏ rằng: một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc do Đảng Cộng sản lãnh đạo hoàn toàn có khả năng thắng lợi ở một nước thuộc địa trước khi giai cấp công nhân ở "chính quốc" lên nắm chính quyền.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

d. Kinh nghiệm: Cách mạng Tháng Tám thành công để lại cho Đảng và nhân dân Việt Nam nhiều kinh nghiệm quý báu.

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng: Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Mặt trận Việt Minh là một điển hình thành công của Đảng về huy động lực lượng toàn dân tộc lên trận địa cách mạng, đưa cả dân tộc vùng dậy trong cao trào kháng Nhật cứu nước, tiến lên tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Thứ ba, về phương pháp cách mạng: Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng: Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận

Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn, một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng. Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, dù phải trải qua muôn vàn khó khăn thử thách, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Câu hỏi củng cố kiến thức

1. Phân tích những điều kiện cần thiết dẫn tới thành lập Đảng cộng sản Việt Nam tháng 2-1930?

3. So sánh nội dung của Cương lĩnh đầu tiên và Luận cương chính trị của Đảng?

4. Sự phát triển nhận thức của Đảng ta qua các Hội nghị Trung ương 6-7-8 của Đảng?

5. Phân tích nguyên nhân, tính chất, ý nghĩa, bài học kinh nghiệm của Cách mạng tháng Tám năm 1945?

THƯ VIỆN PTIT

Chương 2
ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỘC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945 - 1975)

Chương này cung cấp cho sinh viên hệ thống những nội dung cơ bản về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, thời kỳ 1945-1975. Từ đó giúp sinh viên có nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trên cơ sở đó trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử của Đảng.

I. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945 - 1954)

Nội dung giai đoạn 1945-1954 được sơ đồ hóa như sau:

1. Đảng lãnh đạo xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)

a. Tình hình Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Thuận lợi:

Quốc tế: Sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên Xô trở thành thành trì của CNXH. Nhiều nước được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn theo con đường CNXH. Phong trào giải phóng dân tộc dâng cao ở các nước thuộc địa châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ Latinh.

Trong nước: Việt Nam trở thành quốc gia có chủ quyền; nhân dân ta được quyền tự do. Đảng cộng sản Đông Dương trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo

cách mạng cả nước. Hệ thống chính quyền cách mạng thống nhất từ Trung ương đến cơ sở.

Khó khăn:

Thế giới: Phe đế quốc chủ nghĩa nuôi dưỡng âm mưu mới nhằm "chia lại hệ thống thuộc địa trên thế giới", ra sức tấn công, đàn áp phong trào cách mạng.

Trong nước: *Về chính trị*: hệ thống chính quyền còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; *Về kinh tế*: hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp quản một nền kinh tế xơ xác, tiêu điều, công nghiệp đình đốn, nông nghiệp bị kìm hãm, 50% ruộng đất bị bỏ hoang. Nền tài chính, ngân khố kiệt quệ, kho bạc trống rỗng; *Về văn hóa - xã hội*: các hủ tục lạc hậu, thói hư, tật xấu, tệ nạn xã hội chưa được khắc phục, 95% dân số thất học, mù chữ; *Về ngoại giao:* Chưa có nước nào trên thế giới công nhận địa vị pháp lý Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa; *Về quân sự*: Lực lượng mỏng, chưa có nhiều kinh nghiệm…

Trong tháng 9-1945, theo sự thỏa thuận của phe Đồng Minh, hai vạn quân đội Anh - Ấn đổ bộ vào Sài Gòn làm nhiệm vụ giải giáp quân đôi Nhật. Quân đội Anh đã trực tiếp bảo trợ, sử dụng quân đội Nhật giúp sức quân Pháp ngang nhiên nổ súng đánh chiếm Sài Gòn vào rạng sáng ngày 23-9-1945, mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ 2 của thực dân Pháp ở Việt Nam.

Cùng thời điểm đó, ở vĩ tuyến 16, theo thỏa thuận hiệp ước Potsdam (Đức), từ cuối tháng 8-1945 hơn 20 vạn quân Tưởng Giới Thạch tràn qua biên giới kéo vào Việt Nam dưới sự bảo trợ và ủng hộ của Mỹ với danh nghĩa quân Đồng minh vào giải giáp quân đội Nhật, kéo theo là lực lượng tay sai Việt Quốc, Việt Cách với âm mưu thâm độc "diệt Cộng, cầm Hồ", chống phá Việt Minh. Khoảng 6 vạn quân đội Nhật hoàng bại trận đang chờ giải giáp.

Chưa bao giờ cùng một lúc trên đất nước ta có nhiều kẻ thù và đội quân nước ngoài đông như vậy, tổng số khoảng gần 30 vạn quân. Nền độc lập của Tổ quốc bị đe dọa nghiêm trọng; vận mệnh chính quyền cách mạng như "ngàn cân treo sợi tóc".

b. Đảng lãnh đạo xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

***Chủ trương của Đảng*:**

Ngày 03-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ lớn trước mắt là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

Ngày 25-11-1945 Ban chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Kháng chiến kiến quốc"*. Nội dung của Chỉ thị:

+ Xác định kẻ thù chính của ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng.

+ Mục tiêu cách mạng của Đông Dương lúc này vẫn là giải phóng dân tộc và đề ra khẩu hiệu "Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết".

+ Xác định các biện pháp cụ thể cần thực hiện cấp bách trước mắt: xúc tiến bầu cử Quốc hội; thành lập Chính phủ chính thức, lập ra Hiến pháp, động viên lực lượng toàn dân kháng chiến và chuẩn bị kháng chiến lâu dài; kiên định nguyên tắc độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế với phương châm cơ bản là "Thêm bạn, bớt thù", "Hoa -Việt thân thiện", "Nhân nhượng có nguyên tắc"... Đối với Pháp "độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế".

Bản Chỉ thị *"Kháng chiến kiến quốc"* đã thể hiện tầm nhìn chiến lược, nhãn quan chính trị sâu sắc của Đảng. Chỉ thị thể hiện sự sáng tạo trong việc giải quyết chỉ đạo chiến lược và sách lược trong tình hình mới (chiến lược ở đây được hiểu là chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, còn sách lược ở đây là những biện pháp cụ thể có tính mềm dẻo, khôn khéo, giải pháp mang tính tạm thời nhưng vẫn hướng tới mục tiêu chiến lược đó là giải phóng dân tộc). Chỉ thị có ý nghĩa quan trọng trong sự nghiệp bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ Nhà nước dân chủ nhân dân - thành quả cao nhất của Cách mạng tháng Tám 1945, tạo tiền đề đưa cách mạng Việt Nam tiến lên.

Đảng chỉ đạo xây dựng chế độ mới và củng cố chính quyền:

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Các phong trào lớn: Tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm; lập hũ gạo tiết kiệm và phát động các cuộc vận động lớn Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến... Chính phủ bãi bỏ thuế thân và nhiều thứ thuế vô lý của chế độ cũ bị xóa bỏ, thực hiện chính sách giảm tô 25%; ngân quỹ quốc gia được xây dựng lại, phát hành đồng giấy bạc Việt Nam... Nhờ đó đầu năm 1946 nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân ổn định, tinh thần dân tộc được phát huy cao độ.

Chống giặc dốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, thể hiện tính ưu việt của chế độ mới, góp phần tích cực xây dựng hệ thống chính quyền cách mạng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đảng phát động phong trào "Bình dân học vụ", toàn dân học chữ quốc ngữ để từng

bước xóa bỏ nạn dốt, vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.

Các trường học từ cấp tiểu học trở lên lần lượt khai giảng năm học mới; thành lập Trường Đại học Văn khoa Hà Nội. Đến cuối năm 1946, cả nước đã có hơn 2,5 triệu người dân biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Đời sống tinh thần của một bộ phận nhân dân được cải thiện rõ rệt, nhân dân tin tưởng vào chế độ mới, nêu cao quyết tâm bảo vệ chính quyền cách mạng.

Xây dựng hệ thống chính trị:

Bầu cử Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp: Ngày 06-01-1946, cả nước tham gia cuộc bầu cử Quốc hội (có hơn 89% số cử tri đã đi bỏ phiếu dân chủ lần đầu tiên, đồng bào Nam Bộ và một số nơi đi bỏ phiếu dưới làn đạn của giặc Pháp nhưng tất cả đều thể hiện rõ tinh thần "mỗi lá phiếu là một viên đạn bắn vào quân thù".

Chính phủ được thành lập trong phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I (2-3-1946). Chính phủ chính thức, gồm 10 bộ và kiện toàn nhân sự bộ máy Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp.

Ngày 09-11-1946 Quốc hội thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Ngày 24/01/1946 Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hoà đã ban hành Sắc lệnh số 13 về tổ chức các Toà án và các ngạch Thẩm phán. Theo đó, đã thành lập hệ thống Toà án thường (sau này được đổi tên thành Tòa án nhân dân), bao gồm: các Toà án sơ cấp (ở huyện), các Toà án đệ nhị cấp (ở tỉnh) và ba Toà Thượng thẩm (ở Bắc bộ, Trung bộ và Nam bộ).

Thành lập các tổ chức chính trị - xã hội: Mặt trận dân tộc thống nhất tiếp tục được tăng cường, Hội liên hiệp quốc dân Việt Nam (Liên Việt) được thành lập, thành lập Hội đồng cố vấn Chính phủ, thành lập thêm một số đoàn thể xã hội mới, tiếp tục củng cố các tổ chức đoàn thể của Mặt trận Việt Minh.

Phát triển lực lượng vũ trang: được củng cố, tổ chức lại và ngày càng phát triển: tích cực mua sắm vũ khí, tích trữ lương thực, thuốc men, củng cố các cơ sở và căn cứ địa cách mạng cả ở miền Bắc, miền Nam. Cuối năm 1946, Việt Nam có hơn 8 vạn bộ đội chính quy, hơn 1 triệu bộ đội địa phương. Lực lượng công an được tổ chức đến cấp huyện, hàng vạn dân quân, tự vệ được tổ chức ở cơ sở từ Bắc chí Nam.

c. Đảng tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ và đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

Sáng ngày 23-9-1945, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đề ra chủ trương hiệu triệu nhân dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Nhân dân các tỉnh Nam Bộ đã nêu cao tinh thần chiến đấu "thà chết tự do còn hơn sống nô lệ", nhất loạt đứng lên dùng các loại vũ khí thô sơ, tự tạo, gậy tầm vông, giáo mác để chống trả hành động xâm lược của thực dân Pháp.

Chính phủ Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945 những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường vào Nam chi viện cho Nam Bộ.

Để làm thất bại âm mưu "diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh" của quân Tưởng và tay sai, Đảng ta chủ trương thực hiện chiến lược "triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc" với quân Tưởng. Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật, đồng ý cung cấp lương thực, thực phẩm cần thiết cho 20 vạn quân Tưởng, cho sử dụng tiền Quan kim, Quốc tệ song hành cùng đồng bạc Đông Dương, bổ sung thêm 70 ghế Quốc hội không qua bầu cử cho một số đảng viên của Việt cách, Việt quốc…

Ngày 28-2-1946, Hiệp ước Hoa - Pháp được kí kết, theo đó Pháp đưa quân đội ra vĩ tuyến 16 làm nhiệm vụ giải giáp quân đội Nhật thay thế 20 vạn quân Tưởng rút về nước hạn cuối cùng là ngày 31-3-1946. Đổi lại Pháp sẽ nhượng lại cho Tưởng nhiều quyền lợi quan trọng ở Trung Quốc và Việt Nam.

Ngày 6-3-1946, *"Hiệp định sơ bộ"* được kí kết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký với đại diện Chính phủ Cộng hòa Pháp tại Hà Nội là J.Xanhtơny (Jean Sainteny)

Nội dung cơ bản của bản Hiệp định: Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do, có chính phủ, nghị viện, tài chính và quân đội riêng nằm trong Liên bang Đông Dương thuộc khối Liên hiệp Pháp; về phía Việt Nam đồng ý để 15.000 quân đội Pháp ra miền Bắc thay thế 20 vạn quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm; hai bên sẽ tiếp tục tiến hành đàm phán chính thức để giải quyết mối quan hệ Việt - Pháp...

Ngày 9-3-1946, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Hòa để tiến"

Ngày 14-9-1946, Việt Nam và Pháp kí bản "Tạm ước" tại Mác-xây, Việt Nam đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi về kinh tế, văn hóa

ở Việt Nam, hai bên kí cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán…

2. Đường lối kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950

a. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ

Cuối tháng 10-1946, tình hình chiến sự ở Việt Nam ngày càng căng thẳng, nguy cơ cuộc chiến tranh giữa Việt Nam và Pháp tăng dần.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn tiếp đó là đóng chiếm trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào vùng tự do ở Nam Trung Bộ, Nam Bộ.

Ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công chiếm đóng trụ sở Bộ Tài Chính, Bộ Giao thông của ta, bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh, Hàng Bún. Ngày 18-12-1946, đại diện Pháp ngang nhiên đơn phương tuyên bố cắt đứt mọi liên hệ với Chính phủ Việt Nam, đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp, giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, giữ gìn an ninh, trật tự của thành phố.

Như vậy, thiện chí hòa bình của Chính phủ và nhân dân Việt Nam đã bị thực dân Pháp thẳng thừng cự tuyệt. Vì vậy, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược để bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng; bảo vệ những thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám vừa giành được. Hơn nữa trong hơn một năm chuẩn bị, Đảng và nhân dân ta đã tích cực chuẩn bị được những điều kiện cơ bản cho phép Việt Nam tiến hành kháng chiến.

THƯ VIỆN PTIT

Vì vậy, tại Hà Nội, vào lúc 20 giờ 3 phút ngày 19-12-1946, ở pháo đài Láng, loạt đại bác đầu tiên đã bắn vào thành Hà Nội, báo hiệu cuộc kháng chiến toàn quốc bắt đầu.

b. Đường lối kháng chiến của Đảng

Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng được hình thành, bổ sung, phát triển qua thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm 1945 đến 1947. Đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng như: Lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh. Trong đó đường lối tập trung ở các văn kiện sau: *Chỉ thị kháng chiến kiến quốc* (25-11-1945); *Chỉ thị tình hình và chủ trương* (3-3-1946); Chỉ thị *"Hòa để tiến"* (9-3-1946); Chỉ thị *"Toàn dân kháng chiến"* (12-12-1946); *"Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-12-1946); Tác phẩm *"Kháng chiến nhất định thắng lợi"* của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh (8-1947). Nội dung cụ thể như sau:

Tính chất của cuộc kháng chiến của nhân dân ta là chính nghĩa, chống lại chiến tranh xâm lược phi nghĩa của thực dân Pháp.

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn. Đây là hình thức tiếp tục sự nghiệp cách mạng của dân tộc, dân chủ nhân dân vì nền tự do dân chủ, góp phần bảo vệ hòa bình thế giới.

Phương châm cơ bản của đường lối kháng chiến là:

+ Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân, động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi đường phố là một mặt trận.

+ Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao trong đó mặt trận quân sự giữ vai trò quyết định.

+ Kháng chiến lâu dài là quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng của ta, lấy thời gian là lực lượng chuyển hóa yếu thành mạnh.

+ Kháng chiến dựa vào sức mình là chính phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn có của nhân dân làm chỗ dựa chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và *đường lối kháng chiến* của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn dân ta tiến tới giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

c. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

Cuối năm 1947, tổng số Đảng viên toàn Đảng tăng lên đến 70.000 người. Bộ đội chính quy phát triển lên hơn 12 vạn quân, lực lượng dân quân tự vệ phát triển lên đến 1 triệu người. Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp.

Về quân sự: Thu Đông năm 1947, Pháp đã huy động khoảng 15.000 quân (lục quân, hải quân, không quân) thành 3 mũi tiến công chính lên vùng ATK Việt Bắc (viết tắt của an toàn khu, là khu vực mà Quân đội nhân dân Việt Nam giành được quyền kiểm soát gần như tuyệt đối trong thời gian chiến tranh chống Pháp)

Ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị "phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp". Chỉ thị nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự cho các chiến trường, trong đó chỉ rõ phải ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao vây không cho địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau; tổ chức cuộc chiến tranh nhân dân đồng loạt đánh địch trên tất cả các hướng tiến công của địch cả trên mặt trận đường bộ và đường sông.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục (từ ngày 7-10 đến 21-12-1947) quân và dân ta đã chiến đấu vô cùng oanh liệt, thông minh, sáng tạo, anh dũng tuyệt vời, lần lượt bẻ gãy các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp, loại khỏi vòng chiến đấu hàng ngàn tên địch, phá hủy hàng trăm xe cơ giới, tàu xuồng và nhiều phương tiện chiến tranh khác.

Ngày 01-10-1949, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Trung Hoa (Trung Quốc) ra đời, làm thay đổi cán cân so sánh lực lượng giữa hai phe dân chủ và tư bản chủ nghĩa, tạo ra lợi thế cho phong trào cách mạng thế giới. Nước Pháp khủng hoảng kéo dài, cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương bế tắc, phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn nảy sinh, thế chiến lược của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Đảng tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện nhằm làm thất bại một bước âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh và kế hoạch "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt của thực dân Pháp".

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quân hệ ngoại giao với các nước trong phe XHCN. Đầu năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm Trung Quốc và Liên Xô, sau đó Trung Quốc, Liên Xô, các nước Đông Âu, Triều Tiên công nhận và đặt quan hệ ngoại giao với nước ta.

Tháng 11-1949, chủ tịch Hồ Chí Minh ban hành kí Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động "luyện quân lập công", phong trào thi đua "rèn cán, chỉnh quân". Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta hơn hẳn địch, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội, Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng mắc sai lầm về tiêu chuẩn Đảng viên.

Trong vùng địch tạm chiến, Đảng chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh phát triển chiến tranh du kích để biến hậu phương của địch thành tiền phương của ta. Tại nhiều địa phương quân và dân đã đánh phối hợp, phục kích có những chiến thắng giòn giã như trận La Ngà, Nghĩa Lộ (3-1948), Tầm Vu, Đông Dương (4-1948).

Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm kiếm cơ hội thay thế Pháp.

Tại Nam Bộ địch thực hiện chiến thuật "mạng nhện" xây dựng hệ thống tháp canh dầy đặc và gây nhiều khó khăn cho ta.

Từ giữa năm 1949, tướng Rơve (Pháp) đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa khóa chặt biên giới Việt Trung. Tháng 6-1950, ta mở chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt - Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn (Chiến dịch Viên giới Thu đông 1950) nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang mở rộng quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước XHCN.

3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi từ năm 1951 đến 1954

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II (2-1951) và Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam

Hoàn cảnh lịch sử

Liên Xô lớn mạnh về mọi mặt, các nước XHCN ở Châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho CNXH. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và phong trào cách mạng.

Mỹ trở thành đế quốc siêu cường trên quốc tế, tăng cường giúp Pháp can thiệp trực tiếp vào Đông Dương

Cuộc kháng chiến của nhân dân ta đã giành những thắng lợi quan trọng, cách mạng ở Lào và Campuchia cũng có những bước chuyển tích cực

Từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951, Đảng triệu tập Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II tại thôn Chinh, xã Kim Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang. Tham dự đại hội có 158 đại biểu chính thức, 53 đại biểu dự khuyết. Đồng chí Trường Chinh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội thông qua nhiều văn kiện quan trọng, trong đó có báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam,* đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên CNXH. Nội dung của bản Báo cáo được phản ánh trong *"Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam"*

***Nội dung cơ bản của Đại hội*:**

Do nhu cầu kháng chiến giai cấp công nhân và nhân dân mỗi nước Việt Nam, Lào, Campuchia cần có một Đảng riêng, Đảng ta ra hoạt động công khai lấy tên Đảng là "Đảng Lao động Việt Nam".

"Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam" được Đại hội thông qua gồm các nội dung sau:

- *Tính chất xã hội Việt Nam*: tính chất dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến. Cuộc kháng chiến để giải quyết mâu thuẫn giữa chế độ dân chủ nhân dân với các thế lực phản động chính là chủ nghĩa đế quốc xâm lược.

- *Đối tượng chính* là chủ nghĩa đế quốc xâm lược, cụ thể lúc này là đế quốc Pháp và bọn can thiệp Mỹ. Đối tượng phụ là phong kiến, cụ thể lúc này là phong kiến phản động.

- *Nhiệm vụ cách mạng Việt Nam*: đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc, xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến làm cho người cày có ruộng.

- *Động lực của cách mạng* Việt Nam lúc này là: công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức và tư sản dân tộc; ngoài ra là những thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những giai cấp, tầng lớp và phần tử đó họp thành nhân dân. Nền tảng của nhân dân là công, nông và lao động trí thức. Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân.

- *Triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên CNXH đây là quá trình lâu dài.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương và 71 điều.

Ý nghĩa của Đại hội: Đại hội đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình lãnh đạo và trưởng thành của Đảng, là "*Đại hội kháng chiến thắng lợi*". Tuy nhiên, Đại hội còn hạn chế về nhận thức là mắc vào tư tưởng "tả" khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc.

b. Đẩy mạnh phát triển kháng chiến về mọi mặt

Về đấu tranh quân sự: Từ đầu năm 1951, Đảng chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân sự quy mô tương đối lớn đánh vào các vùng chiếm đóng của địch ở địa bàn trung du và đồng bằng Bắc Bộ. Tháng 12-1951, ta mở chiến dịch Hòa Bình và chiến dịch Tây Bắc ((từ 14-10 đến 10-12 năm 1952) nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực địch, phá âm mưu lập "Xứ Thái tự trị" của thực dân Pháp. Phát huy chiến thắng quân sự trong cả nước Đảng quyết định phối hợp với cách mạng Lào mở chiến dịch Thượng Lào giúp Chính phủ kháng chiến Lào giải phóng thêm đất đai và mở rộng căn cứ địa.

Trên mặt trận chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội: tháng 4-1952, *Hội nghị Ban chấp hành Trung ương lần thứ ba* của Đảng đề ra những quyết sách lớn về

công tác "chỉnh Đảng, chỉnh quân". Cuộc vận động tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chấn chỉnh lại chế độ thuế khóa, tài chính.

Từ đầu năm 1953, Đảng chủ trương đẩy mạnh thực hiện cải cách dân chủ, phát động phong trào giảm tô, giảm tức tiến tới cải cách ruộng đất.

Ngày 4-12-1953, tại kì họp thứ 3 Quốc hội khóa I đã thông qua Luật cải cách ruộng đất và ngày 19-12-1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh kí ban hành sắc lệnh "Luật cải cách ruộng đất". Hàng nghìn hecta ruộng đất và các loại nông cụ, trâu bò, tư liệu sản xuất nông nghiệp đã được chia cho nông dân nghèo, nhất là bần cố nông. Song, do còn hạn chế trong nhận thức việc tiếp thu kinh nghiệm đấu tranh giai cấp của nước ngoài đã mắc vào giáo điều chủ nghĩa, vi phạm khuyết điểm nghiêm trọng là độc đoán, chuyên quyền, quan liêu, mệnh lệnh….

c. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao, cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi

Đấu tranh quân sự: Đỉnh cao là Chiến dịch Điên Biên Phủ

Âm mưu của Pháp: Tháng 5-1953, Pháp cử tướng Hăngri Nava đang đảm nhiệm chức vụ Tổng tham mưu trưởng lục quân khối NATO sang làm tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Tháng 7-1953, Nava đã vạch ra kế hoạch chính trị - quân sự mới lấy tên "Kế hoạch Nava" - dự kiến thực hiện trong 18 tháng nhằm chuyển bại thành thắng. Chi phí vật chất của kế hoạch này phần lớn do Mỹ thực hiện. Nava chọn Điện Biên Phủ thành trung tâm của kế hoạch. Đầu 1954, Điện Biên Phủ trở thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương, một "pháo đài khổng lồ không thể công phá" được giới quân sự, chính trị Pháp - Mỹ đánh giá là "một cỗ máy để nghiền Việt Minh".

Chủ trương của Đảng: Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Tháng 12-1953, Đảng xây dựng xong các kế hoạch tác chiến cụ thể cho các chiến trường. Ngày 06-12-1953, Đảng quyết định mở chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Tổng chỉ huy.

Nhằm phát huy sức mạnh của hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, Đảng phát động phong trào quần chúng đấu tranh triệt để giảm tô, giảm tức và tiến hành cải cách ruộng đất. Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: "chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng, không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế. Vì vậy, toàn dân, toàn quân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được" [20].

Diễn biến: Với phương châm "đánh chắc, tiến chắc", "đánh chắc thắng", ngày 13-3-1954 quân ta nổ súng tấn công địch ở phân khu Bắc trung tâm Mường Thanh mở màn chiến dịch Điện Biên Phủ.

Chiến dịch trải qua 56 ngày đêm với 3 đợt tiến công lớn: Đợt 1: Từ ngày 13 đến ngày 17-3-1954, Đợt 2: Từ ngày 30-3 đến ngày 30-4-1954, Đợt 3: Từ ngày 01-5 đến ngày 07-5-1954.

Kết quả: vào hồi 17h30 phút chiều ngày 07-5-1954 quân đội nhân dân Việt Nam đã đánh chiếm hầm chỉ huy, bắt sống tướng Christian de Castries chỉ huy trưởng và Bộ chỉ huy tập toàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc đã đưa cuộc Tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 và cuộc kháng chiến của dân tộc Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đến thắng lợi vẻ vang.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Đấu tranh ngoại giao: Hiệp định Giơnevơ

Trước sự thất bại thảm hại ở Điên Biên Phủ, Chính phủ Pháp không còn sự lựa chọn nào khác, buộc phải đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Giơnevơ (Thụy Sĩ) bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Ngày 08-5-1954 đồng chí Phạm Văn Đồng dẫn đầu đến Hội nghị với tư thế của một dân tộc chiến thắng. Tham dự Hội nghị có các nước: Việt Nam, Lào, Campuchia, Liên Xô, Trung Quốc, Mỹ, Anh, Pháp. Trong 75 ngày đàm phán căng thẳng gay go, phức tạp trải qua 8 phiên họp toàn thể và 23 phiên họp cấp trưởng đoàn. Cuối cùng Việt Nam đồng ý chấp nhận kí kết với Pháp bản Hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam vào ngày 21-7-1954.

[20] Chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp (12-1953).

Trong quá trình diễn ra Hội nghị, Mỹ đã gây sức ép buộc Pháp chấp nhận đưa Ngô Đình Diệm về nước thay Thủ tướng trong chính quyền Bảo Đại nhằm xây dựng một chính quyền thân Mỹ thay thế chính quyền thân Pháp. Mỹ thúc đẩy quyết tâm quá trình thay thế Pháp ở Việt Nam và Đông Dương. Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ kí của các bên (riêng phía đại diện Mỹ không kí nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định).

Bản tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Camphuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lặp lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương, Vĩ tuyến 17 là biên giới tạm thời, Pháp ở phía Nam Việt Nam đến tháng 7-1956, sau đó rút khỏi Việt Nam để 2 miền Hiệp thương thống nhất đất nước.

Trên cơ sở thắng lợi về quân sự là chiến dịch Điện Biên Phủ và qua đấu tranh ngoại giao đã đánh dấu thắng lợi của cuộc kháng chống Pháp của nhân dân ta. Pháp buộc phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân đội về nước để Việt Nam giải quyết những vấn đề còn lại của dân tộc.

4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can thiệp Mỹ

a. Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã bảo vệ và phát triển tốt các thành quả của cuộc cách mạng tháng Tám, củng cố phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…

Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, tạo tiền đề về chính trị - xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên CNXH, xây dựng miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp của Việt Nam có tính lan tỏa rộng lớn trong khu vực và mang tầm vóc thời đại sâu sắc. Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa bé nhỏ đã đánh thắng một cường quốc thực dân nên có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các nước châu Á, Phi, Mỹ Latinh.

b. Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược đã khẳng định sự trưởng thành và thành công trong lãnh đạo của Đảng Lao động Việt

Nam về chỉ đạo chiến tranh giải phóng dân tộc và để lại nhiều bài học, kinh nghiệm quý báu:

Một là, Đảng đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu. Đường lối cơ bản là "Kháng chiến và kiến quốc"; kháng chiến toàn dân, toàn diện, tự lực cánh sinh là chính. Tinh thần, khí phách đó đã khơi dậy và phát huy cao độ sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và mọi nguồn lực sáng tạo của các tầng lớp nhân dân tập trung vào nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài, thực hiện mục tiêu độc lập, dân chủ, tiến bộ trong suốt thời kỳ kháng chiến. Kết hợp sức mạnh nội lực của nhân dân Việt Nam với việc tranh thủ tối đa những điều kiện thuận lợi của quốc tế, phát huy có hiệu quả cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng dân chủ, tiến bộ đối với cuộc kháng chiến.

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình các thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị - xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế. Kháng chiến đi đôi với kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến, xây dựng hậu phương - căn cứ địa vững chắc luôn là những nhiệm vụ cơ bản, cùng đồng hành và là nội dung chủ yếu, xuyên suốt trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo cuộc kháng chiến của Đảng Lao động Việt Nam.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn. Phát triển các loại hình chiến tranh đúng đắn, sáng tạo phù hợp với đặc điểm của cuộc kháng chiến và so sánh lực lượng ta và địch, đó là loại hình chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện. Kết hợp chiến tranh chính qui với chiến tranh du kích ở cả mặt trận chính diện và vùng sau lưng địch, vùng tạm bị chiếm. Phát huy sở trường của ta và cách đánh địch sáng tạo, linh hoạt kết hợp với chỉ đạo chiến thuật tác chiến linh hoạt, cơ động, "đánh chắc, tiến chắc, chắc thắng", thắng từng bước tiến lên giành thắng lợi quyết định.

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị - quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, con người lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành công hình ảnh "Anh Bộ đội Cụ Hồ" trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là "bạn dân" theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận. Xây dựng, bồi đắp hình ảnh, uy tín của Đảng và Chính phủ phải bằng hành động thực tế, bằng sự nêu gương và vai trò tiên phong của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình tổ chức cuộc kháng chiến ở cả căn cứ địa-hậu phương và vùng bị địch tạm chiếm. Hết sức chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên cao nhất, nhiều nhất mọi nguồn lực vật chất trong nhân dân, phát huy cao độ tinh thần, nghị lực của nhân dân; củng cố lòng tin vững chắc của nhân dân đối với thắng lợi cuối cùng của cuộc kháng chiến.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị - tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều "tả" khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là: tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của địch; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Trong công tác chỉnh đảng, chỉnh quân mắc vào chủ nghĩa phần, đố kỵ trong công tác cán bộ... Những khuyết điểm này đã gây ra tác hại đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

II. Đảng lãnh đạo xây dựng CNXH ở miền Bắc và cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)

1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam - Bắc (1954-1965)

Sau ngày Hiệp định Giơnevơ (7-1954) được ký kết, cách mạng Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn mới:

Trên trường quốc tế:

Thuận lợi: hệ thống xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, nhất là sự lớn mạnh của Liên Xô. Phong trào giải phóng dân tộc tiếp tục phát triển. Phong trào hòa bình, dân chủ lên cao ở các nước tư bản.

Bất lợi: đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời Tổng thống Mỹ nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới bước vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Ở trong nước:

Thuận lợi: miền Bắc được giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước, ý chí đấu tranh và bảo vệ nền độc lập thống nhất của nhân dân cả nước ngày càng cao.

Khó khăn: đất nước tạm thời chia cắt thành hai miền với chế độ chính trị khác nhau. Ở miền Nam, đế quốc Mỹ nhảy vào xâm chiếm, từng bước thực hiện âm mưu độc chiếm, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, lâu dài hòng tiêu diệt CNXH ở miền Bắc. Ở Miền Bắc: Kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, đời sống nhân dân khó khăn, hậu quả chiến tranh nặng nề.

Yêu cầu bức thiết đặt ra lúc này là Đảng phải vạch ra đường lối chiến lược đúng đắn để đưa cách mạng Việt Nam tiến lên, phù hợp với tình hình mới của đất nước và phù hợp với xu thế phát triển chung của thời đại.

Trong bối cảnh đó, Đảng ta từng bước lãnh đạo xây dựng CNXH và đánh bại các âm mưu, thủ đoạn của Đế quốc Mỹ qua từng giai đoạn lịch sử

THƯ VIỆN PTIT

a. Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công (1954-1960)

❖ ***Miền Bắc:*** Khôi phục kinh tế, cải tạo XHCN

Đảng lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ trước mắt:

Chủ trương:

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954 xác đinh phải hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Hội nghị lần thứ bảy (tháng 3-1955) và *lần thứ tám* (tháng 8-1955) Ban chấp hành Trung ương Đảng xác định nhiệm vụ: Đấu tranh buộc thực dân Pháp phải thực hiện Hiệp định Giơnevơ, rút quân khỏi miền Bắc, hoàn thành độc lập và dân chủ, điều cốt lõi là phải ra sức củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Quá trình thực hiện:

Với chủ trương và sự chỉ đạo kiên quyết, khéo léo của Đảng, sự ủng hộ của nhân dân, thực dân Pháp đã phải rút quân khỏi miền Bắc theo đúng Hiệp định. Cuộc đấu tranh này đã diễn ra hết sức khó khăn, phức tạp, bởi Pháp và tay sai đã dùng mọi âm mưu, thủ đoạn để chống phá, làm rối loạn xã hội và mất trật tự an ninh trước khi chúng rút quân như: kích động, thúc ép đồng bào theo đạo Thiên chúa di cư vào Nam, phá hoại, di chuyển máy móc nguyên vật liệu trái phép...

Cuối cùng, ngày 10-10-1954, quân dân Việt Nam đã tiếp quản Thủ đô Hà Nội; ngày 30-10-1954, tiếp quản Thị xã Hải Dương; ngày 13-5-1954, tiếp quản thành phố Hải Phòng; ngày 16-5-1955, toàn bộ quân viễn chinh Pháp và tay sai rời đảo Cát Bà, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng.

Việc khôi phục sản xuất nông nghiệp và công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và giao thông vận tải cũng hoàn thành.

Công tác giảm tô, giảm tức và cải cách ruộng đất được tiếp tục đẩy mạnh. Đến tháng 7-1956, cuộc cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến ở miền Bắc đến đây bị xóa bỏ. Hơn 9 triệu người trong hơn 2 triệu hộ nông dân lao động được chia hơn 810.000 ha ruộng đất.

Đảng chỉ đạo đẩy mạnh cải tạo XHCN:

Chủ trương:

Về đánh giá quá trình thực hiện khôi phục kinh tế: *Hội nghị lần thứ 10* (mở rộng) Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 9-1956) về việc thi hành kỷ luật đối với một số đồng chí Trung ương phạm sai lầm trong cônhg tác cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức. *Hội nghị lần thứ 13* Ban chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1957) đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế.

Về xác định kế hoạch nhiệm vụ cải tạo XHCN: *Hội nghị lần thứ 14* Ban chấp hành Trung ương Đảng (11-1958) đã thông qua kế hoạch ba năm phát triển kinh tế, văn hóa và cải tạo XHCN đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư doanh (1958-1960). Hội nghị chủ trương tiến hành cải tạo kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công và buôn bán nhỏ, kinh tế tư bản tư doanh thành kinh tế XHCN bằng cách chuyển sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất sang sở hữu tập thể XHCN dưới hai hình thức toàn dân và tập thể; củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 4-1959, *Hội nghị lần thứ 16* Ban chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp xác định hình thức và bước đi: Hợp tác hóa đi trước cơ giới hóa. Ba nguyên tắc cần giải quyết trong xây dựng hợp tác xã là tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ. Nghị quyết cũng nêu vấn đề cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh.

Kết quả: Kết quả của ba năm phát triển kinh tế - văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến tích cực trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

❖ ***Miền Nam***

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - Diệm

Lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam, với âm mưu biến miền Nam Việt Nam trở thành thuộc địa mới, xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống XHCN, chia cắt lâu dài Việt Nam, biến miền Nam thành một mắt xích quan trọng trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của CNXH xuống vùng này. Để thực hiện âm mưu đó Mỹ sử dụng nhiều thủ đoạn về kinh tế, chính trị, quân sự, văn hóa nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống.

Chủ trương của Đảng

Tháng 9-1954, Nghị quyết Bộ chính trị nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể, trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi Mỹ thi hành hiệp định Giơnevơ; chuyển hướng công tác cho phù hợp với điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Tháng 8-1956, đồng chí Lê Duẩn đã soạn thảo bản "*Đề cương đường lối cách mạng Việt Nam ở Miền Nam*", bản Dự thảo nêu rõ: chế độ thống trị ở miền Nam là độc tài, phát xít, hiếu chiến. Nhân dân miền Nam chỉ có con đường cứu nước và tự cứu mình là con đường cách mạng.

Tháng 3-1959, chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố "đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh". Với Luật Phát xít 10/59 đưa máy chém lê khắp miền Nam. Điều đó làm cho mâu thuẫn giữa đế quốc Mỹ và tay sai với nhân dân miền Nam càng thêm gay gắt.

Tháng 01-1959, *Hội nghị lần thứ 15* Ban chấp hành Trung ương Đảng, trên cơ sở phân tích đặc điểm, tình hình nước ta, Đảng chỉ ra mâu thuẫn và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam trong giai đoạn mới. Điểm đặc biệt là Hội nghị 15 là: xác định phương pháp cách mạng và phương thức đấu tranh là dùng bạo lực cách mạng. Hội nghị xác định từ đấu tranh chính trị tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang; dự kiến xu hướng phát triển từ khởi nghĩa của nhân dân có thể tiến lên cuộc đấu tranh vũ trang trường kỳ.

Hội nghị lần thứ 15 là một mốc lịch sử vô cùng quan trọng. Nghị quyết đã đề ra một cách toàn diện đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Đánh dấu bước phát triển mới về tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của

Đảng ta trong sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhằm mục tiêu chiến lược giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Những quyết sách về đường hướng phát triển của cách mạng miền Nam mà Hội nghị đưa ra phản ánh đúng tình thế chín muồi của cách mạng miền Nam, đáp ứng được yêu cầu bức thiết của thực tế tình hình lúc bấy giờ, phù hợp với nguyện vọng tha thiết của đồng bào, cán bộ, chiến sĩ và phù hợp với xu thế phát triển tất yếu của cách mạng miền Nam.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 15 của Đảng, đường vận tải trên bộ mang tên đường 559 (thành lập 19-5-1959 nên được gọi là đường Hồ Chí Minh), trên biển mang tên đường 759 (thành lập 23-10-1959) được thành lập và đi vào hoạt động góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến.

Đứng trước tình hình đó, đêm 2 tháng 1 năm 1960, ban lãnh đạo tỉnh Bến Tre họp tại xã Tân Trung, quyết định: "phát động một tuần lễ toàn dân đồng khởi, diệt ác ôn, phá thế kìm kẹp, giải phóng nông thôn, làm chủ ruộng vườn" và quyết định khởi nghĩa thống nhất từ ngày 17 tháng 1 đến ngày 25 tháng 1. Phong trào bắt đầu từ huyện Mỏ Cày (Bến Tre). Phong trào Đồng Khởi do đồng chí Nguyễn Thị Định lãnh đạo. Đến cuối năm 1960, phong trào Đồng Khởi đã lan rộng ra khắp miền Nam, làm tan rã cơ cấu chính quyền cơ sở địch ở nhiều vùng nông thôn. Thắng lợi của phong trào Đồng Khởi đã chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

Ngày 20-12-1960, tại xã Tân Lập (Tây Ninh), Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam được thành lập.

b. Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)

❖ ***Đại hội Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (9/1960)***

Bối cảnh lịch sử:

Trong bối cảnh miền Bắc đã giải phóng, hoàn thành cuộc cách mạng dân chủ; miền Nam Mỹ - Diệm đang từng bước thực hiện âm mưu xâm lược. Với tình hình phức tạp, Đảng phải có những lựa chọn sáng suốt, phù hợp với hoàn cảnh đất nước.

Từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 525 đại biểu chính thức và 51 đại biểu dự khuyết, thay mặt hơn 50 vạn Đảng viên trong cả nước. Trong diễn văn khai mạc Đại hội, Hồ Chí Minh nêu rõ*: "Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà".* Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đường lối chung của cách mạng cả nước:

Nhiệm vụ cách mạng hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng XHCN ở miền Bắc. *Hai là,* tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung: Đại hội cho rằng, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò *quyết định nhất* đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam giữ vai trò *quyết định trực tiếp* đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về nguyên tắc chiến lược: Đại hội chủ trương kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà, vì chủ trương đó phù hợp với nguyện vọng và lợi ích của nhân dân cả nước ta cũng như của nhân dân yêu chuộng hòa bình thế giới. Song ta phải luôn luôn đề cao cảnh giác, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với mọi tình thế. Nếu đế quốc Mỹ và bọn tay sai liều lĩnh gây ra chiến tranh hòng

xâm lược miền Bắc, thì nhân dân cả nước ta sẽ kiên quyết đứng lên đánh bại chúng, hoàn thành độc lập và thống nhất Tổ quốc.

Về triển vọng của cách mạng: chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam là một quá trình đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam - Bắc nhất định sum họp một nhà.

Đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc:

Đặc điểm của Miền Bắc: từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa

Nội dung cách mạng XHCN ở miền Bắc: là một quá trình cải biến cách mạng về mọi mặt. Đó là quá trình đấu tranh gay go giữa hai con đường, con đường XHCN và con đường TBCN trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật nhằm đưa miền Bắc từ một nền kinh tế chủ yếu dựa trên sở hữu cá thể về tư liệu sản xuất tiến lên nền kinh tế xã hội chủ nghĩa dựa trên sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể, từ nền sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

Phương pháp tiến hành: sử dụng chính quyền dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản để thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp nhỏ và công thương nghiệp tư bản tư doanh; phát triển thành phần kinh tế quốc doanh;

Nội dung Công nghiệp hóa: Công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa được xem là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ ở nước ta nhằm xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện công nghiệp hóa bằng cách ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời ra sức phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ; đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hóa và kỹ thuật. Mục tiêu là biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp hiện đại, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến.

Đặt trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ, đường lối chung của Đảng thể hiện tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng trong việc giải quyết những vấn đề chưa có trong tiền lệ lịch sử, vừa đúng với thực tiễn Việt Nam vừa phù hợp với lợi ích của nhân loại và xu thế của thời đại.

Tuy nhiên, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có hạn chế là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự

kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mục tiêu và bước đi còn quá cao, không phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam.

***Quá trình thực hiện đường lối của Đại hội III**: Xây dựng CNXH ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam (1961-1965)*

Ở miền Bắc: Triển khai thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương.

Trong nông nghiệp có phong trào thi đua theo gương của Hợp tác xã *Đại Phong* (Lệ Thủy, Quảng Bình), trong công nghiệp có phong trào thi đua với Nhà máy cơ khí *Duyên Hải* (Kiến An, Hải Phòng), trong tiểu thủ công nghiệp có phong trào thi đua với Hợp tác xã thủ công nghiệp *Thành Công* (Nga Sơn, Thanh Hóa), trong ngành giáo dục có phong trào thi đua học tập Trường cấp II *Bắc Lý* (Lư Nhân, Hà Nam), trong quân đội có phong trào thi đua "*Ba nhất*" (cao nhất, nhanh nhất, đều nhất), v.v...Đặc biệt, phong trào "Mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt".

Kế hoạch Năm năm lần thứ nhất (1961-1965) mới thực hiện được hơn bốn năm (tính đến 5-8-1964) thì phải chuyển hướng do phải đối phó với chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ, song những mục tiêu chủ yếu của kế hoạch đã cơ bản hoàn thành. Miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã không ngừng tăng cường chi viện cho cách mạng miền Nam, thực hiện khôi phục, cải tạo và xây dựng chế độ mới. Miền Bắc đã trở thành căn cứ địa vững chắc cho cách mạng cả nước với chế độ chính trị ưu việt với lực lượng kinh tế và quốc phòng lớn mạnh.

Ở miền Nam: Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ

Thủ đoạn của Đế quốc Mỹ:

Từ năm 1961, do thất bại trong "Chiến tranh đơn phương", Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" với công thức: cố vấn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam cộng hòa. Thực hiện kế hoạch bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, dự định lập 17.000 ấp chiến lược là "quốc sách". Chiến lược quân sự được chúng sử dụng là "trực thăng vận và thiết xa vận".

Chỉ đạo của Đảng:

Tháng 1-1961 và tháng 2-1962, các *Hội nghị của Bộ Chính trị* đã phân tích, đánh giá tình hình giữa ta và địch ở miền Nam kể từ sau ngày Đồng khởi. Từ đó Bộ Chính trị đã ra chỉ thị về "Phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam". Nội dung chủ yếu là:

+ Giữ vững thế chiến lược tiến công của cách mạng miền Nam.

+ Đưa đấu tranh vũ trang phát triển lên song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược: đô thị, nông thôn đồng bằng và nông thôn miền núi, bằng ba mũi giáp công: quân sự, chính trị và binh vận.

Trên thực tế, đây là quyết định chuyển cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Trung ương Đảng đối với cách mạng miền Nam, tháng 10-1961, Trung ương Cục miền Nam được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Bí thư. Ngày 15-2-1961, các lực lượng vũ trang ở miền Nam được thống nhất với tên gọi Quân giải phóng miền Nam Việt Nam

Tháng 3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập *Hội nghị chính trị đặc biệt*, biểu thị khối đại đoàn kết và quyết tâm chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước của toàn thể nhân dân.

Các phong trào đấu tranh về ở mọi phương diện được triển khai rộng khắp miền Nam:

Về quân sự: mở đầu là chiến thắng Ấp Bắc (Mỹ Tho). Chiến thắng Ấp Bắc (2-1-1963) đã thể hiện sức mạnh và hiệu quả của đấu tranh vũ trang kết hợp với đấu tranh chính trị và binh vận, chống địch càn quét và nổi dậy giành quyền làm chủ. Sau chiến thắng này, quân và dân miền Nam đã mở và giành nhiều thắng lợi ở nhiều chiến dịch với hàng trăm trận đánh lớn nhỏ trên khắp các chiến trường.

Về phá ấp chiến lược: phong trào đấu tranh phá ấp chiến lược phát triển mạnh mẽ với phương châm "bám đất bám làng", "một tấc không đi, một ly không rời". Tính từ năm 1961 đến năm 1963, chúng ta đã phá hoàn toàn 2.895/6.161 ấp chiến lược của địch, giành quyền làm chủ 12.000/17.000 thôn, giải phóng 5/14 triệu dân.

Phong trào đấu tranh quân sự và phong trào phá "ấp chiến lược" phát triển đã thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị ở các đô thị lên cao, lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, trí thức, học sinh, sinh viên và các giáo phái tham gia, đặc biệt là phong trào đấu tranh của đồng bào Phật giáo năm 1963.

Trước sự lớn mạnh của phong trào cách mạng, nội bộ kẻ thù ngày càng khủng hoảng trầm trọng. Ngày 01-11-1963, dưới sự chỉ đạo của Mỹ lực lượng quân đảo chính đã giết chết Tổng thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Ngô Đình Nhu hòng thay thế lực lượng tay sai theo kế hoạch của Mỹ. Tính từ tháng 11-

1963 đến tháng 6-1965 đã diễn ra 10 cuộc đảo chính quân sự nhằm lật đổ lẫn nhau trong nội bộ chính quyền Sài Gòn.

Các chiến dịch quân sự và phong trào đấu tranh chính trị dồn dập, có hiệu quả của quân và dân miền Nam đã làm cho ba trụ cột trong kế hoạch của Mỹ là chính quyền Sài Gòn, hệ thống "ấp chiến lược" và các đô thị bị lung lay tận gốc. Chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản.

Kết quả, ý nghĩa:

Đánh bại chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên.

2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước giai đoạn 1965-1975

a. Đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và xây dựng CNXH ở miền Bắc giai đoạn 1965-1968

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

Sau khi thất bại ở "Chiến tranh đặc biệt", Mỹ thực hiện chiến lược "Chiến tranh cục bộ" - đây là một hình thức chiến tranh nằm trong chiến lược toàn cầu "Phản ứng linh hoạt" với biểu hiện đưa quân Mỹ và các nước Đồng minh của Mỹ vào trực tiếp tham chiến. Đồng thời, đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam.

Chủ trương của Đảng: Trước âm mưu, thủ đoạn của đế quốc Mỹ, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức nhiều Hội nghị, đặc biệt *Hội nghị lần thứ 11* (3-1965) và *Hội nghị lần thứ 12* (12-1965) của Đảng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi cả nước và đề ra đường lối cho cuộc kháng chiến trong giai đoạn mới. Nội dung cụ thể như sau:

Quyết tâm chiến lược: từ phân tích tình hình Trung ương Đảng khẳng định chúng ta có đủ điều kiện, sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

Mục tiêu chiến lược của cuộc kháng chiến là kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

Phương châm kháng chiến: đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị. Đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền, Đảng xác định:

Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Cách mạng hai miền có quan hệ khăng khít, hỗ trợ nhau cùng thực hiện mục tiêu chung. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam.

Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc là chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

Chủ trương chuyển hướng và nhiệm vụ cụ thể của miền Bắc cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh là: Một là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; Hai là, tăng cường lực lượng quốc phòng; Ba là, ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất; Bốn là, kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Ý nghĩa đường lối:

Đường lối thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì mục tiêu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Đường lối thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

Đường lối chiến tranh nhân dân toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới, tạo nên sức mạnh mới để dân tộc ta đủ sức đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Quá trình xây dựng hậu phương chống chiến tranh phá hoại của Đế quốc Mỹ ở miền Bắc; đánh bại chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Đế quốc Mỹ ở miền Nam (1965-1968)

Ở miền Bắc:

Từ ngày 5-8-1964, Mỹ dựng sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" nhằm lấy cớ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc với ý đồ đưa miền Bắc trở về thời kì đồ đá, phá hoại công cuộc xây dựng CNXH ở miền Bắc, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc đối với miền Nam, đè bẹp ý chí quyết tâm chống Mỹ cứu nước của dân tộc Việt Nam.

Trong tình hình đó, miền Bắc nhanh chóng chuyển sang hoạt động trong hoàn cảnh có chiến tranh. Đó là, kịp thời chuyển hướng xây dựng kinh tế cho phù hợp với tình hình có chiến tranh phá hoại; tăng cường lực lượng quốc phòng cho kịp với sự phát triển tình hình cả nước có chiến tranh; ra sức chi viện cho miền Nam với mức cao nhất để đánh bại địch ở chiến trường chính miền Nam; phải kịp thời chuyển hướng tư tưởng và tổ chức cho phù hợp với tình hình mới.

Thực hiện chủ trương của Đảng và theo Lời kêu gọi của Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã dấy lên cao trào chống Mỹ, cứu nước, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, với niềm tin tưởng và quyết tâm cao độ. Một loạt các phong trào đã được phát động như: Thanh niên có phong trào "Ba sẵn sàng", phụ nữ có phong trào "Ba đảm đang", nông dân có phong trào "Tay cày tay súng", công nhân có phong trào "Tay búa, tay súng", trong chiến đấu có "Nhằm thẳng quân

thù mà bắn", trong chi viện tiền tuyến có "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người", trong bảo đảm giao thông vận tải có "Xe chưa qua, nhà không tiếc",...

Kết quả sau 4 năm xây dựng CNXH ở miền Bắc là:

Nông nghiệp: Cơ sở vật chất - kỹ thuật được tăng cường so với trước chiến tranh; có 4.655 hợp tác xã được trang bị cơ khí nhỏ. Phong trào thâm canh tăng vụ được đẩy mạnh ở nhiều địa phương. Nhu cầu thiết yếu về lương thực, thực phẩm cho toàn xã hội vẫn bảo đảm.

Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp vẫn được duy trì.

Văn hóa, giáo dục, y tế, đào tạo cán bộ chẳng những không ngừng trệ mà còn phát triển mạnh mẽ trong thời chiến và đạt nhiều kết quả tốt.

Nhiệm vụ chi viện tiền tuyến được hoàn thành xuất sắc. Hàng vạn cán bộ, chiến sĩ từ miền Bắc hành quân vào Nam nhanh chóng tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy năm 1968[21].

Trong chiến đấu, quân dân miền Bắc đã bắn rơi 3.200 máy bay, bắn cháy 140 tàu chiến của địch. Miền Bắc đã đánh bại cuộc bắn phá lần thứ nhất của Đế quốc Mỹ làm cho đế quốc Mỹ bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam - Bắc. Do vậy, tháng 3-1968, đế quốc Mỹ tuyên bố hạn chế ném bom miền Bắc. Ngày 1-11-1968, Mỹ buộc phải chấm dứt không điều kiện đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân.

Như vậy, chế độ XHCN đang được xây dựng ở miền Bắc lúc đó đã vượt qua được nhiều thử thách nghiêm trọng, hoàn thành tốt nhiệm vụ vừa xây dựng CNXH, vừa chi viện cho miền Nam đồng thời đánh thắng âm mưu phá hoại của đế quốc Mỹ, bảo vệ thành quả cách mạng và ngày càng phát huy tính ưu việt trong chiến tranh.

Ở miền Nam: Mỹ tiến hành chiến lược "Chiến tranh cục bộ" có quy mô lớn nhất, mạnh nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ II.

Đầu mùa khô 1965-1966, Mỹ mở cuộc phản công vào 3 hướng chính: Tây Nguyên, đồng bằng khu V và miền Đông Nam Bộ. Quân dân ta đã giành thắng

[21] Theo "Miền Bắc chi viện miền Nam trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968", báo *Nhân Dân điện tử*, ngày 17-9-2010: Năm 1968, Chính phủ đã tăng tổng ngân sách quốc phòng cho quân đội lên gấp mười lần năm 1964 là năm cuối của thời kỳ hòa bình trên miền Bắc, trước khi đế quốc Mỹ gây chiến tranh phá hoại. Năm 1968, các nước xã hội chủ nghĩa, chủ yếu là Liên Xô, Trung Quốc viện trợ cho ta 517.493 tấn vật chất-kỹ thuật, tính thành tiền trị giá hơn 1.615 triệu rúp (1 rúp có giá trị tương đương 1 USD).

lợi ở Núi Thành (501965), Vạn Tường (8-1965)…bẻ gãy cuộc phản công chiến lược mùa khô 1965-1966. Sau chiến thắng Vạn Tường, một cao trào đánh Mỹ, diệt ngụy được dấy lên mạnh mẽ khắp chiến trường miền Nam.

Cùng với thắng lợi về quân sự, quân và dân ta còn giành được nhiều thắng lợi trên mặt trận chống phá "bình định" của Mỹ - Ngụy. Toàn bộ kế hoạch lập 900 ấp chiến lược mới và củng cố hàng chục ngàn ấp chiến lược cũ của địch trong năm 1966 bị thất bại.

Mùa khô 1966-1967, Mỹ mở cuộc tiến công lần thứ 2 nhằm hướng vào Tây Nguyên và Sài Gòn. Thế nhưng, tất cả các cuộc hành quân quy mô lớn của địch đều bị bẻ gãy và bị tổn thất nặng nề[22].

Những thất bại và khó khăn của địch cùng với những thắng lợi to lớn của ta đã mở ra cho miền Nam những triển vọng lớn. Tháng 12-1967, Bộ Chính trị đã ra một nghị quyết lịch sử, chuyển cuộc chiến tranh cách mạng miền Nam sang thời kỳ mới, thời kỳ tiến lên giành thắng lợi quyết định bằng phương pháp tổng công kích-tổng khởi nghĩa vào tất cả các đô thị, dinh lũy của Mỹ-ngụy trên toàn miền Nam. Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã được Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa III) họp tháng 1-1968 thông qua.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Đảng, đêm 30 rạng ngày 31-1-1968, đúng vào dịp giao thừa Tết Mậu Thân, quân ta đồng loạt tiến công và nổi dậy: đợt 1: tấn công 4/6 thánh phố, 37/42 thị xã và hàng trăm thị trấn, thị xã; từ Đường 9 Khe Sanh đến Đồng Bằng Sông Cửu Long, đặc biệt mạnh mẽ ở Sài Gòn và Huế.

Trong các đợt tiến công tiếp theo vào tháng 5 và tháng 8-1968 ở hầu hết các cơ quan đầu não của địch từ Trung ương đến địa phương. Đây là thất bại chiến lược có tính chất bước ngoặt khởi đầu đi đến quá trình thất bại hoàn toàn của Mỹ. Chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ bị phá sản, buộc phải chấp nhận đàm phán với Việt Nam tại Hội nghị Pari từ ngày 13-5-1968.

b. Khôi phục kinh tế, bảo vệ miền Bắc, đẩy mạnh cuộc chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc giai đoạn 1969-1975

[22] Có 175.000 quân Mỹ - ngụy và chư hầu bị loại khỏi vòng chiến đấu, 49 tiểu đoàn (28 tiểu đoàn Mỹ) bị tiêu diệt, 1.800 máy bay, 1.786 xe tăng và 100 tầu xuồng bị phá hủy, bắn cháy, bắn chìm.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, hưởng thọ 79 tuổi. Vĩnh biệt chúng ta, Người đã để lại một bản Di chúc lịch sử - là những lời căn dặn cuối cùng, những tình cảm và niềm tin của Người đối với thế hệ hiện tại và các thế hệ mai sau. Với lòng tưởng nhớ và biết ơn sâu sắc vị lãnh tụ tối cao của Đảng và dân tộc, trong buổi lễ truy điệu trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, trước anh linh của Người, đồng chí Lê Duẩn, Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đọc Điếu văn khái quát toàn bộ sự nghiệp vĩ đại của chủ tịch Hồ Chí Minh và đọc lời thề son sắt, bày tỏ quyết tâm thực hiện đầy đủ những điều căn dặn trong Di chúc của Người.

❖ ***Miền Bắc:***

Miền Bắc đã khẩn trương khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng CNXH. Những kết quả đạt được đã làm cho tiềm lực mọi mặt của hậu phương lớn miền Bắc được tăng cường, cải thiện đời sống nhân dân, hồi sinh một bước cuộc sống bình thường, cho phép miền Bắc chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến ngày càng cao, góp phần quyết định tạo nên chiến thắng to lớn trên chiến trường miền Nam.

Tháng 4-1972, đế quốc Mỹ cho máy bay, tàu chiến tiến hành cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ 2 hết sức ác liệt, nhất là cuộc rải bom bằng pháo đài B52 trong 12 ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng và một số địa phương khác. Trong 9 tháng chống chiến tranh phá hoại lần 2 của đế quốc Mỹ thì trận 12 ngày đêm, quân và dân miền Bắc đã lập nên thắng lợi "Điện Biên Phủ trên

không" đánh bại hoàn toàn cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ. Chiến thắng "Điện Biên phủ trên không" thể hiện đường lối chính trị, đường lối quân sự đúng đắn của Đảng cộng sản Việt Nam. Đó là chiến thắng của sức mạnh chính trị, tinh thần của toàn dân tộc, với ý chí quyết đánh, dám đánh và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Đây cũng là chiến thắng của đường lối chiến tranh nhân dân và nghệ thuật tổ chức sử dụng lực lượng trong thế trận Phòng không nhân dân. Như Trung tướng Lê Huy Vịnh khẳng định đây là lần đầu tiên trong lịch sử, siêu pháo đài bay B52 thất trận và không quân Mỹ phải chịu thiệt hại nặng nề nhất.

Ngày 15-1-1973, chính phủ Mỹ phải tuyên bố ngừng mọi hoạt động phá hoại miền Bắc và trở lại bàn đàm phán và kí với chúng ta ở Pari. Sau ngày Hiệp định Pari được ký kết, miền Bắc được hòa bình, Trung ương Đảng đã đề ra kế hoạch hai năm (1974-1975) khôi phục và phát triển kinh tế.

Đến năm 1975, hầu hết các cơ sở kinh tế đã trở lại hoạt động bình thường, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện.

Miền Bắc còn hoàn thành nhiệm vụ hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn miền Nam và hoàn thành nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và Campuchia. Tính tổng thể, hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa đã bảo đảm 80% bộ đội chủ lực, 70% vũ khí và lương thực, 65% thực phẩm cho chiến trường miền Nam, nhất là ở giai đoạn cuối.

❖ ***Miền Nam***

Giai đoạn 1969-1972:

Âm mưu của đế quốc Mỹ: Từ đầu 1969, Tổng thống Mỹ Níchxơn đề ra chiến lược toàn cầu mới với ba nguyên tắc trụ cột: cùng chia sẻ, sức mạnh của Mỹ, sẵn sàng thương lượng; đây là một chiến lược mới mang tên "Việt Nam hóa chiến tranh". Các biện pháp đưa ra: ra sức củng cố chính quyền, xây dựng ngụy quân đông và hiện đại, ráo riết thực hiện chương trình bình định, tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc, tìm cách thỏa hiệp với Trung Quốc, hòa hoãn với Liên Xô hòng cắt giảm nguồn viện trợ chủ yếu cho Việt Nam.

Chủ trương của Đảng: *Hội nghị lần thứ 18* Ban chấp hành Trung ương Đảng (1-1970) đề ra: lấy nông thôn làm hướng tiến công chính, tập trung ngăn chặn đẩy lùi chương trình "bình định" của địch. Trong 2 năm 1970-1971, cách mạng miền Nam từng bước vượt qua khó khăn nhằm làm thất bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh, Đông Dương hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ.

Đầu 1970, Mỹ và quân ngụy Lào mở cuộc hành quân lấn chiếm khu vực Cánh Đồng Chum. Tháng 3-1970, Mỹ tiến hành đảo chính ở Campuchia nhằm biến Campuchia thành thuộc địa kiểu mới, xóa bỏ căn cứ và bàn đạp chiến lược.

Năm 1971, quân và dân miền Nam phối hợp với quân và dân Lào chủ động đánh bại cuộc hành quân quy mô lớn "Lam Sơn 719" của Mỹ - Ngụy. Cùng thời gian đó, quân và dân ta phối hợp với quân dân Campuchia đập tan cuộc hành quân "Toàn thắng 1-1971".

Xuân hè 1972, quân ta mở cuộc tiến công từ hướng chủ yếu là Trị - Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, khu V, đồng bằng sông Cửu Long.

Kết quả: Những thắng lợi quân sự nói trên, cùng với những thắng lợi của nhân dân miền Nam trong việc đánh phá kế hoạch "bình định" của địch đã mở ra khả năng thực tế đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" của đế quốc Mỹ. Quân ngụy Sài Gòn - "xương sống" của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" đã bị suy yếu nghiêm trọng.

Trước sự thất bại của Mỹ trên cả hai miền đất nước Việt Nam, cuộc đấu tranh ngoại giao trên bàn Hội nghị Pari đã kéo dài gần 4 năm 9 tháng với 202 phiên họp công khai, 45 cuộc gặp riêng cấp cao, 500 cuộc họp báo, 1.000 cuộc phỏng vấn đã kết thúc vào ngày 27-1-1973 với việc ký kết "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam".

Đế quốc Mỹ chấp nhận rút khỏi Việt Nam nhưng vẫn âm mưu tiếp tục tiến hành chiến tranh để áp đặt chủ nghĩa thực dân mới và chia cắt lâu dài Việt Nam.

Giai đoạn 1973-1975:

Âm mưu, thủ đoạn của Mỹ: với bản chất ngoan cố, hiếu chiến, đế quốc Mỹ không chịu từ bỏ dã tâm xâm lược Việt Nam. Một trong những mục tiêu chiến tranh mà Mỹ - Ngụy đề ra trong kế hoạch 3 năm (1973-1976) là chiếm lại toàn bộ vùng giải phóng của ta, xóa bỏ hình thái "da báo" ở miền Nam, nhằm biến miền Nam thành một quốc gia riêng biệt, lệ thuộc vào Mỹ.

THƯ VIỆN PTIT

Đảng chỉ đạo từng bước đánh bại âm mưu, thủ đoạn của Mỹ

Tháng 7-1973, *Hội nghị lần thứ 21* của Ban chấp hành Trung ương khóa III của Đảng đã nêu rõ con đường cách mạng của nhân dân miền Nam là con đường bạo lực cách mạng.

Từ cuối năm 1973 và cả năm 1974, quân và dân ta ở miền Nam đã liên tiếp giành được thắng lợi to lớn trên khắp các chiến trường, từ Trị - Thiên đến Tây Nam Bộ và vùng ven Sài Gòn, phá vỡ từng mảng lớn kế hoạch "bình định" của địch, mở rộng thêm nhiều vùng giải phóng, tiêu diệt nhiều cụm cứ điểm, chi khu, quận lỵ, bức rút nhiều đồn bốt, dồn địch vào thế đối phó lúng túng, bị động. Đặc biệt, ngày 6-1-1975, quân ta đánh chiếm thị xã Phước Long giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, địch không có khả năng đánh chiếm trở lại - khẳng định chưa bao giờ ta có điều kiện đầy đủ về quân sự, chính trị, có thời cơ chiến lược to lớn như vậy.

Trên cơ sở thuận lợi của tình hình miền Nam, *Hội nghị Bộ Chính trị* đợt 1 (từ ngày 30-9 đến ngày 8-10-1974) và đợt 2 (từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975) đề ra quyết tâm giải phóng miền Nam với kế hoạch hai năm 1975-1976: năm 1975 tranh thủ bất ngờ tấn công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng công kích - tổng khởi nghĩa, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Ngoài kế hoạch nói trên, Bộ Chính trị còn dự kiến một phương hướng hành động linh hoạt là nếu thời cơ đến, vào đầu hoặc cuối năm 1975 thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng do Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đứng đầu và Quân ủy Trung ương, Bộ Tổng tư lệnh đứng đầu là Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có những quyết sách chiến lược kịp thời, đúng đắn.

Chấp hành quyết định chiến lược nói trên, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 đã diễn ra trên toàn miền Nam, trong đó quyết định là ba đòn tiến công chiến lược lớn. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975 bắt đầu bằng Chiến dịch Tây Nguyên, mở đầu tiến công vào thị xã Buôn Ma Thuột là đòn điểm trúng huyệt địch, làm đảo lộn thế trận phòng thủ của địch vì vậy ngày 10-3-1975 đã giành được thắng lợi hoàn toàn.

Sau chiến dịch Tây Nguyên, ngày 18-3-1975, Bộ chính trị quyết định giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Ngay sau đó, Đảng chủ trương tiến hành đòn chiến lược tiến công thứ hai, giải phóng thành phố Huế. Ngày 21-3-1975, chiến dịch giải phóng thành phố Huế bắt đầu. Ngày 26-3-1975, thành phố Huế được giải phóng. Tiếp đó, ngày

29-3-1975, Đà Nẵng được giải phóng. Trên đà thắng lợi đó Bộ chính trị quyết tâm giải phóng miền Nam trước mùa mưa năm 1975, với mệnh lệnh: "thần tốc, thần tốc hơn nữa, táo bạo, táo bạo hơn nữa".

Ngày 26-4-1975, Chiến dịch Hồ Chí Minh giải phóng Sài Gòn - Gia Định bắt đầu. Từ năm hướng các quân đoàn đồng loạt tiến công Sài Gòn. Từ 26 đến 28-4, ta chọc thủng tuyến phòng ngự vòng ngoài, đập tan sự kháng cự của các sư đoàn địch, tiếp cận Sài Gòn. Địch bị rối loạn hoàn toàn về chiến lược. Từ chiều 28-4, các tướng Ngụy tháo chạy ra nước ngoài.

Ngày 29-4, quân ta tổng tiến công. Các binh đoàn bộ đội hợp thành tiến công trong hành tiến, tiêu diệt các cánh quân địch ngăn chặn và phản kích, nhằm thẳng các mục tiêu đã được phân công.

Sáng 30-4, trong thế thua đã rõ ràng, địch xin ngừng bắn, bộ đội ta vẫn kiên quyết tiến công. Các quân đoàn nhanh chóng đánh chiếm các mục tiêu. 11h30 ngày 30-4, sau khi Dinh Độc Lập thất thủ, Tổng thống ngụy Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, lá cờ chiến thắng được cắm trên Dinh Độc Lập.

Ngày 1-5, toàn bộ lực lượng còn lại của quân ngụy tan rã, ta giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Ngày 2-5-1975, cuộc chiến đấu giải phóng ở các địa phương còn lại ở Đồng bằng sông Cửu Long và các đảo, quần đảo ở Biển Đông đã kết thúc thắng lợi[23].

***Kết quả*:** Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975 của quân dân ta đã toàn thắng, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc.

3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Mỹ cứu nước (1954-1975)

a. Ý nghĩa

Đây là cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, mở ra kỉ nguyên mới cho dân tộc, kỷ nguyên hòa bình, thống nhất, cùng chung một nhiệm vụ chiến lược đi lên CNXH

Làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất, ác liệt nhất, tốn kém nhất của chủ nghĩa đế quốc Mỹ từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Làm suy yếu trận địa của chủ nghĩa đế quốc, phá vỡ một vòng tuyến quan trọng của chúng ở khu

[23] Trừ quần đảo Hoàng Sa đã bị Trung Quốc đánh chiếm từ quân đội Sài Gòn năm 1974.

vực Đông Nam Á, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân mới, cổ vũ phong trào độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình thế giới.

b. Nguyên nhân thắng lợi

Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, sự đoàn kết, phấn đấu hy sinh của đồng bào và chiến sĩ cả nước. Nhờ sức mạnh của chế độ XHCN ở miền Bắc cả về chính trị, tinh thần và vật chất với tư cách là hậu phương lớn; đặc biệt là tinh thần quả cảm, anh dũng, kiên cường của quân dân miền Nam; kết quả của tình đoàn kết chiến đấu của quân dân Việt Nam - Lào - Campuchia; sự giúp đỡ của các nước XHCN và sự ủng hộ nhiệt tình của phong trào công nhân và nhân dân tiến bộ trên toàn thế giới.

c. Kinh nghiệm

Một là, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ

Hai là, tìm ra phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo, thực hiện khởi nghĩa toàn dân và chiến tranh nhân dân, sử dụng phương pháp cách mạng tổng hợp.

Ba là, phải có công tác tổ chức chiến đấu giỏi của các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ ủy quân đội, thực hiện giành thắng lợi từng bước đến thắng lợi hoàn toàn

Bốn là, hết sức coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng ở miền Nam và tổ chức xây dựng chiến đấu trong cả nước, tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ của quốc tế.

Câu hỏi củng cố kiến thức

1. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Pháp 1946-1954?

2. Đường lối và sự chỉ đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ 1954-1975?

3. Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm của hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước?

4. Những thành quả xây dựng CNXH ở miền Bắc 1954-1975?

5. Vai trò của quân dân miền Bắc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975?

THƯ VIỆN PTIT

Chương 3
ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-NAY)

Chương này giúp sinh viên nắm được chủ trương, đường lối, cương lĩnh, những tri thức về quá trình phát triển đường lối và sự lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm đến nay. Trên cơ sở đó củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975- nay), cũng như tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay. Đồng thời, rèn luyện phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

I. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 - 1986)

1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc giai đoạn 1975 - 1981

a. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Hoàn cảnh:

Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước (1954 - 1975) kết thúc thắng lợi, hoà bình được lập lại. Tuy nhiên, mỗi miền đang tồn tại một hình thức tổ chức nhà nước khác nhau, có nhiều thuận lợi và cũng không ít khó khăn:

Thuận lợi: Qua hơn 20 năm (1954 - 1975) tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, miền Bắc đạt được những thành tựu to lớn và toàn diện, đã xây dựng được những cơ sở vật chất - kĩ thuật ban đầu của chủ nghĩa xã hội. Miền Nam đã hoàn

toàn giải phóng, đất nước thống nhất, chế độ thực dân mới của Mỹ cùng bộ máy chính quyền Sài Gòn sụp đổ, cả nước bước vào kỉ nguyên độc lập, thống nhất và cả nước đi lên CNXH, nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng.

Khó khăn: Sau kháng chiến chống Mỹ cứu nước, nhân dân phải đối mặt với vô vàn khó khăn, đặc biệt là hậu quả của chiến tranh[24]. Ở miền Bắc, trải qua các cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã làm cho miền Bắc bị tàn phá nặng nề, gây hậu quả lâu dài. Ở miền Nam, tàn dư của xã hội cũ còn tồn tại, làng mạc bị tàn phá, ruộng đất bị bỏ hoang... thất nghiệp lên tới hàng triệu người.

Nhiệm vụ đặt ra: trước hết là hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước và khắc phục hậu quả của chiến tranh, khôi phục và phát triển kinh tế - xã hội ở hai miền Nam, Bắc.

Chủ trương của Đảng: *Hội nghị lần thứ 24* Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương: Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm càng nhanh chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch.

Quá trình thống nhất về mặt Nhà nước:

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị hiệp thương chính trị giữa hai đoàn đại biểu hai miền Nam, Bắc họp tài Sài Gòn, nhất trí về chủ trương, biện pháp thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung (Quốc hội Khoá VI) được tiến hành trong cả nước với hơn 23 triệu cử tri đi bỏ phiếu, bầu ra 492 đại biểu.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, Quốc hội Khoá VI, Kì họp thứ nhất đã thông qua chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước Việt Nam thống nhất. Đặt tên nước là "Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam", Quốc huy mang dòng chữ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kì là cờ đỏ sao vàng năm cánh, Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô Hà Nội. Đổi tên Thành phố Sài Gòn - Gia

[24] Qua hàng chục năm chiến tranh, đế quốc Mỹ ném xuống nước ta 7.850.000 tấn bom đạn, trong đó có 451.260 tấn chất độc hoá học, 338 tấn bom napan làm gần 2 triệu người bị chết, hơn 2 triệu người bị tàn tật, 2 triệu người, trong đó có khoảng 5 vạn trẻ em dị dạng do bị nhiễm chất độc màu da cam. Miền Nam dưới chế độ thực dân kiểu mới của Mỹ với hậu quả về chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội rất nặng nề. Ở miền Bắc hầu hết các thành phố, thị xã đều bị bom Mỹ tàn phá.

Định là Thành phố Hồ Chí Minh. Bầu các cơ quan, chức vụ lãnh đạo cao nhất của đất nước, bầu Ban dự thảo Hiến pháp.

Theo chủ trương của Đảng, các tổ chức chính trị - xã hội đều được thống nhất cả nước với tên gọi mới: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Lao động Hồ Chí Minh, Tổng Công đoàn Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,…

Ngày 31-7-1977, Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam đã thống nhất thành Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Ngày 18-12-1980, Hiến pháp mới được Quốc hội Khoá VI thông qua. Đây là bản Hiến pháp thứ ba của nước Việt Nam mới, bản Hiến pháp đầu tiên của thời kì cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Ý nghĩa:

+ Thể hiện ý chí, nguyện vọng của cả dân tộc Việt Nam là xây dựng một nước Việt Nam thống nhất, độc lập và xã hội chủ nghĩa.

+ Tạo cơ sở để hoàn thành thống nhất đất nước trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá, xã hội.

+ Tạo điều kiện phát huy sức mạnh toàn diện của đất nước để xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá, tăng cường khả năng quốc phòng - an ninh và mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới đưa cả nước lên CNXH.

+ Thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (1976) của Đảng và quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc (1976-1981)

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng (tháng 12-1976)***

Nội dung Đại hội IV của Đảng khái quát như sau:

Bối cảnh:

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1.008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức Quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng cộng sản Việt Nam. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nội dung:

Đại hội tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta. Đại hội khẳng định: Thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là một trong những trang chói lọi nhất của lịch sử dân tộc và là một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính chất thời đại sâu sắc.

Đại hội xác định ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới trên cơ sở phân tích tình hình thế giới, trong nước:

Một là, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Hai là, Tổ quốc ta đã hoà bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra.

Ba là, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh "ai thắng ai" giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng XHCN trong giai đoạn mới:

Điều kiện xây dựng CNXH: Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động

Phương hướng: tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng:

- Cách mạng về quan hệ sản xuất,
- Cách mạng khoa học - kỹ thuật,
- Cách mạng tư tưởng và văn hóa,

Trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

THƯ VIỆN PTIT

Mục tiêu (đặc trưng cơ bản) chủ nghĩa xã hội:

(1) Xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa: là xây dựng một xã hội trong đó người làm chủ là nhân dân lao động có tổ chức, mà nòng cốt là liên minh công nông, do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt: làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân, làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở.

(2) Xây dựng nền sản xuất lớn: nhằm mục đích thoả mãn ngày càng tốt hơn nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của toàn xã hội, bằng cách không ngừng phát triển và hoàn thiện sản xuất, trên cơ sở chế độ làm chủ tập thể và một nền khoa học kỹ thuật hiện đại.

(3) Xây dựng nền văn hóa mới: là nền văn hoá có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc.

(4) Xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, nổi bật là:

Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa nước nhà: Xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ.

Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý:

Kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu công - nông nghiệp. Vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất.

Kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; Kết hợp kinh tế với quốc phòng; Tăng cường quan hệ hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi.

Mục tiêu: làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh và hạnh phúc

Đại hội xác định kế hoạch 5 năm (1976-1980): Phương hướng thực hiện trong 5 năm nay là nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách:

- Đảm bảo nhu cầu đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội

- Đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hóa, xây dựng và phát triển nền văn hóa mới.

Ý nghĩa: Đại hội IV của Đảng là Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đại hội đã cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân ra sức lao động sáng tạo để xây dựng đất nước.

Hạn chế: Đại hội IV của Đảng còn bộc lộ một số những hạn chế: chưa phát hiện ra những khuyết điểm của mô hình chủ nghĩa xã hội bộc lộ sau chiến tranh. Việc ưu tiên công nghiệp nặng với quy mô lớn, việc đề ra các chỉ tiêu kinh tế nông nghiệp và công nghiệp vượt quá khả năng thực tế,…là những chủ trương nóng vội, thực tế đã không thực hiện được.

❖ ***Quá trình xây dựng CNXH, bảo vệ Tổ Quốc (1976-1981)***

Về kinh tế: tập trung vào phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp, phân phối lưu thông

Nông nghiệp:

Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) là *bước đột phá đầu tiên* đổi mới kinh tế của Đảng với chủ trương khắc phục những khuyết điểm, sai lầm trong quản lý kinh tế, trong cải tạo XHCN, phá bỏ những hàng rào để cho "sản xuất bung ra".

Chỉ thị số 100-CT/TW (1-1981) về khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Theo đó mỗi xã viên nhận mức khoán theo diện tích và tự mình chăm sóc và thu hoạch. Thu hoạch vượt mức khoán sẽ được hưởng và tự do mua bán.

Công nghiệp:

Quyết định số 25- CP (1-1981) của Chính phủ về quyền chủ động sản xuất kinh doanh và quyền tự chủ về tài chính của các xí nghiệp.

Quyết định số 26-CP (1-1981) của Chính phủ về mở rộng trả lương khoán, lương sản phẩm và vận dụng hình thức tiền thưởng trong các đơn vị sản xuất kinh doanh của Nhà nước.

Về chính trị: tháng 9-1980, Ban Chấp hành Trung ương Đảng thảo luận Dự thảo Hiến pháp mới của nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam và quyết định biện pháp bảo đảm việc thi hành nghiêm chỉnh Hiến pháp.

Đấu tranh bảo vệ Tổ quốc: sau 30 năm chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, Việt Nam đối mặt với những thế lực thù địch chống phá cách mạng nước ta. Các cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam và chiến tranh biên giới phía Bắc đã gây ra tình trạng bất ổn chính trị ở nước ta.

Cuộc chiến tranh biên giới phía Tây Nam:

Thảm họa diệt chủng ở Campuchia xuất hiện sau năm 1975, là hiện tượng chưa từng có trong khu vực Đông Nam Á thời hiện đại. Không chỉ mất nhân tính khi thực hiện diệt chủng chính đồng loại mình, tập đoàn Pol Pot-Ieng Sary còn xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ Việt Nam, gây ra nhiều tội ác theo lối diệt chủng đối với nhân dân Việt Nam. Chúng khiêu khích và nhiều lần gây xung đột quân sự trên các vùng biên giới Việt Nam, tiến tới việc phát động cuộc chiến tranh đẫm máu sang toàn tuyến biên giới Tây Nam của Việt Nam.

Đêm 30-4-1977 quân Pol Pot đồng loạt tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới tỉnh An Giang (14 xã); từ tháng 8-1977, chúng tấn công khu vực biên giới các tỉnh Long An, Đồng Tháp; tháng 9-1977 chúng tấn công tuyến biên giới tỉnh Tây Ninh (3 huyện)… Chúng đòi đất ở tất cả những nơi có cây thốt nốt và vu cáo Việt Nam muốn xoá đất nước Campuchia để lập liên bang; chúng kích động "hận thù dân tộc", bôi nhọ sự thật lịch sử và truyền thống láng giềng tốt đẹp Việt Nam - Campuchia; chúng gây ra nhiều cuộc thảm sát dã man theo lối diệt chủng trên nhiều địa phương hai bên biên giới (thảm sát Ba Chúc ở An Giang từ ngày 18-4 đến 30-4-1978 giết hại 3.157 người). Chúng nhận viện trợ quân sự của nước lớn để xây dựng lực lượng quân đội có bộ binh, pháo binh, thiết giáp mạnh hòng đánh bại Việt Nam…

Quân dân Việt Nam thực hiện cuộc chiến tranh bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc, giúp đỡ và từng bước phối hợp với lực lượng bạn trong "Lực lượng vũ trang cách mạng đoàn kết cứu nước Campuchia" (thành lập ngày 12-5-1978) và Mặt trận Đoàn kết Dân tộc cứu nước Campuchia (ra đời ngày 2-12-1978). Từ ngày 22-12-1978 đến ngày 7-1-1979, Quân đội nhân dân Việt Nam tiến hành cuộc tổng công kích giải phóng Campuchia: tấn công chớp nhoáng và đánh bất ngờ vào thế trận tấn công - phòng thủ của địch, đẩy lui toàn bộ các cánh quân Pol Pot xâm lấn về bên kia biên giới, giải phóng toàn bộ các địa phương biên giới Tây Nam bị xâm chiếm; đồng thời quân đội nhân dân Việt Nam cùng lực lượng cách mạng Campuchia tiến công vào các sào huyệt địch, giải phóng thủ đô Phnom Penh, giải phóng hàng triệu dân Campuchia; đập tan bộ máy thống trị của chế độ "Campuchia Dân chủ" từ Trung ương đến cơ sở.

Ngày 18-2-1979, Việt Nam và Campuchia đã ký Hiệp ước hòa bình, hữu nghị và hợp tác. Theo Hiệp ước, quân đội Việt Nam có mặt ở Campuchia để giúp bạn bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ. Hành động đó là chính nghĩa và xuất phát từ nhu cầu tự vệ chính đáng được ghi nhận trong Điều 51 Hiến chương Liên hiệp quốc.

Cuộc chiến tranh biên giới phía Bắc:

Trung Quốc là nước láng giềng của Việt Nam. Trong quá trình đấu tranh cách mạng, nhân dân hai nước gắn bó mật thiết, đoàn kết giúp đỡ nhau. Trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cứu nước, nhân dân Trung Quốc và các nước XHCN khác đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ, giúp đỡ toàn diện, to lớn và quý báu. Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam luôn biết ơn về sự giúp đỡ quý báu đó. Nhưng sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam thắng lợi (1975), quan hệ hai nước dần xấu đi.

Sau nhiều lần gây ra các vụ khiêu khích quân sự quy mô nhỏ, từ ngày 17-2-1979, phía Trung Quốc đã huy động 60 vạn quân, trên 500 xe tăng, xe bọc thép; hàng ngàn khẩu pháo các loại... mở cuộc tiến công xâm phạm lãnh thổ Việt Nam trên toàn tuyến biên giới phía Bắc từ Phong Thổ (Lai Châu) đến Móng Cái (Quảng Ninh)

Quân dân Việt Nam, nhất là quân dân các tỉnh phía Bắc, được nhân dân thế giới ủng hộ đã kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Tối 5/3/1979, chính quyền Trung Quốc tuyên bố rút quân về nước. Để tỏ thiện chí hòa bình, mong muốn khôi phục quan hệ hữu nghị giữa hai nước, Trung ương Đảng, Chính phủ Việt Nam ra lệnh cho các lực lượng vũ trang và nhân dân trên vùng biên giới phía Bắc dừng chiến dịch phản công để tạo điều kiện cho quân Trung Quốc rút về. Đến ngày 18-3-1979, Trung Quốc hoàn thành việc rút quân khỏi Việt Nam.

Với Trung Quốc, 19-4-1979, Việt Nam và Trung Quốc đã đàm phán, từng bước giải quyết những tranh chấp về biên giới lãnh thổ và các vấn đề khác để khôi phục hòa bình, quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

Kết quả thực hiện Đại hội IV sau 5 năm (1975-1981): quân dân cả nước đã giành được thành tựu, bước đầu cải tiến kinh tế.

Thành tựu:

- *Xây dựng CNXH*: Giành được thành tựu bước đầu trong công cuộc xây dựng CNXH, củng cố chế độ XHCN.

Trên mặt trận kinh tế chúng ta đã khắc phục những hậu quả nặng nề do chiến tranh xâm lược và thiên tai gây ra, khôi phục và phát triển sản xuất, phân bố lại lao động xã hội, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. Ở miền Nam, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đạt được những kết quả bước đầu, giai cấp tư sản mại bản bị xoá bỏ, một bộ phận công thương nghiệp tư bản đã được cải tạo, nông dân ở nhiều nơi tham gia tập đoàn sản xuất kể cả vào làm ăn tập thể.

Trên mặt trận văn hoá, sự nghiệp giáo dục tiếp tục phát triển, nạn mù chữ về cơ bản được thanh toán. Công cuộc xây dựng nền văn hoá mới được triển khai trong cả nước. Sự nghiệp văn học nghệ thuật đạt được một số tiến bộ. Công tác y tế, thể dục thể thao, có nhiều cố gắng vươn lên. Các ngành khoa học, kỹ thuật đã đáp ứng tốt một số yêu cầu của kinh tế và quốc phòng.

- *Bảo vệ Tổ Quốc*: thống nhất nước nhà về mặt nhà nước, giữ gìn toàn vẹn lãnh thổ

Hạn chế: Kết quả nhìn chung đã không đạt chỉ tiêu do Đại hội IV đề ra.

Giá cả tăng vọt, phân phối rối ren. Lưu thông, phân phối rối ren, giá cả tăng vọt, nhập khẩu tăng gấp 4-5 lần xuất khẩu. Đời sống của nhân dân, cán bộ, công nhân viên, lực lượng vũ trang rất khó khăn. Từ cuối năm 1979, ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện hiện tượng "xé rào", "khoán chui". Ở miền Nam, việc thí điểm hợp tác xã diễn ra phức tạp, lúng túng...

Nguyên nhân: do xuất phát từ nền kinh tế thấp kém, chính sách cấm vận, bao vây, cô lập của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó là sai lầm của Đảng, Nhà nước về lãnh đạo và quản lý kinh tế, xã hội làm trầm trọng thêm những khó khăn.

2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (1982) của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế (1982-1986)

Nội dung cơ bản của phần này được mô hình hóa như sau:

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (tháng 3/1982) của Đảng

❖ ***Đại hội Đảng lần thứ V (3/1982)***

Bối cảnh lịch sử: Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh Mỹ tiếp tục thực hiện bao vây, cấm vận; các thế lực thù địch ra sức chống phá cách mạng Việt Nam; tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trong nước ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương Đảng gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nội dung cơ bản của Đại hội:

Đại hội đánh giá kết quả thực hiện 5 năm (1976-1980): trên cơ sở kết quả đã đạt được, Đại hội chỉ ra những khuyết điểm sai lầm: chưa thấy hết những khó khăn phức tạp của con đường đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nền kinh tế mà sản xuất nhỏ là phổ biến; chưa thấy hết tính chất phức tạp của những đảo lộn về kinh tế sau những năm chiến tranh kéo dài, những khó khăn, phức tạp,

những yếu kém trong quản lý kinh tế - xã hội; chưa lường hết những diễn biến phức tạo của tình hình thế giới. Do đó, Đảng và Nhà nước đã chủ quan nóng vội trong việc đề ra một số chỉ tiêu quá lớn cả về quy mô, tốc độ trong xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Đại hội còn chỉ ra những tư tưởng bảo thủ, trì trệ duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính quan liêu, bao cấp, chậm thay đổi các chính sách và chế độ đã kìm hãm sản xuất.

Đại hội xác định nhiệm vụ cho chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ: Đại hội xác định thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là lâu dài, trải qua nhiều bước quá độ ngắn, đồng thời chỉ rõ chúng ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ. Chặng đường trước mắt bao gồm thời kỳ 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990. Đó là thời kỳ khó khăn về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội…Những mục tiêu kinh tế và xã hội tổng quát cho những năm đó là:

(1) Ổn định dần dần, tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân

(2) Tiếp tục xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, chủ yếu nhằm thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, hàng tiêu dùng và xuất khẩu...

(3) Hoàn thành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở các tỉnh miền Nam, hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong cả nước

(4) Đáp ứng những nhu cầu của công cuộc phòng thủ đất nước, củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh trật tự

Đại hội xác định nhiệm vụ chiến lược cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mất thiết với nhau.

Đại hội xác định nội dung công nghiệp hoá trong chặng đường đầu tiên: tập trung sức phát triển nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong một cơ cấu công - nông nghiệp hợp lý. Đại hội cũng chỉ rõ trong một thời gian nhất định ở miền Nam còn 5 thành phần kinh tế (quốc doanh, tập thể, công tư hợp doanh, cá thể và tư bản tư doanh).

Ý nghĩa: Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Tuy

nhiên, vẫn còn có những hạn chế nhất định đó là chưa quyết liệt trong việc thực hiện đường lối, chưa thấy sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa nhận thức rõ về nền kinh tế trường,...

b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế và thực hiện kế hoạch 5 năm (1982-1986)

Quá trình hình thành đường lối đổi mới đến năm 1986 được mô hình hóa qua sơ đồ sau:

HN TU 6 khóa IV (8-1979) được coi là *bước đột phá đầu tiên*	HN TU 8 khóa V (6 - 1985) được coi là *bước đột phá thứ hai*	HN BCT khóa V (8-1986) *được coi* là *bước đột phá thứ ba*

Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã tiến hành 11 hội nghị, trong đó có 8 hội nghị chuyên bàn về phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, tiếp nối Hội nghị Trung ương 6 (8-1979) là *bước đột phá đầu tiên* thì Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6 - 1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* và Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986) là *bước đột phá thứ ba* về trong quá trình hình thành đường lối đổi mới kinh tế.

Bên cạnh đó, Đảng tiến hành nhiều Hội nghị bàn cụ thể về các vấn đề kinh tế - chính trị - văn hóa - xã hội, điển hình:

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (12-1982), xác định mục tiêu kinh tế - xã hội 3 năm (1983-1985). Nghị quyết của Hội nghị sau này đã được cụ thể hoá, thể chế hoá thành Nghị quyết của Quốc hội trong kỳ hợp thứ 3 Quốc hội khoá VII (6-1982) và trong kỳ hợp thứ 4 Quốc hội khoá VII (12-1982).

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương khoá V (6-1983) bàn về những vấn đề cấp bách về tư tưởng và tổ chức bảo đảm thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội.

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương khoá V (12-1983), đánh giá tình hình kinh tế - xã hội nước ta đang có nhiều chuyển biến đi lên, song vẫn còn nhiều khó khăn và mất cân đối lớn, Hội nghị xác định trong hai năm 1983 -1985 phấn đấu bảo đảm ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương khoá V (7-1984), chủ trương tập trung giải quyết một số vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông với hai loại công việc cần làm ngay: *Một là*, phải đẩy mạnh thu mua nắm nguồn

hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; *Hai là*, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế.

Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá V (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dung và hang xuất khẩu, ổn định và tưng bước cải thiện đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, hạn chế của Hội nghị trung ương 7 khóa V là chưa chỉ rõ những chính sách thiết thực để tập trung cho nông nghiệp.

Hội nghị Trung ương 8 khóa V (6 - 1985) - *bước đột phá thứ hai* trong đổi mới kinh tế của Đảng. Hội nghị chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp: thực hiện đúng chế độ tập trung dân chủ, hoạch toán kinh tế và kinh doanh XHCN.

Điều chỉnh giá - lương - tiền: Tiến hành cuộc điều chỉnh lớn và toàn diện về giá - lương - tiền với việc ban hành một số giá mới và lương mới, xóa bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu, chỉ giữ lại số gạo cho một số những người hưởng lương. Tuy nhiên, do vội vàng đổi tiền, tổng điều chỉnh giá lương trong khi chưa chuẩn bị sẵn sàng nên hậu quả là lạm phát "phi mã" trong 3 năm 1986-1988.

Hội nghị Bộ Chính trị khóa V (8-1986) đưa ra "Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế" là *bước đột phá thứ ba* về đổi mới kinh tế. Nội dung như sau:

Về cơ cấu sản xuất: chúng ta đã chủ quan, nóng vội đề ra một số chủ trương quá lớn về quy mô, quá cao về nhịp độ xây dựng cơ bản và phát triển sản xuất. Cần điều chỉnh về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, phát triển công nghiệp nặng phải có lựa chọn về quy mô và nhịp độ cho phù hợp. Thực hiện ba chương trình về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa: cần nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là nền kinh tế có cơ cấu nhiều thành phần, phải sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế. Cải tạo xã hội chủ nghĩa không chỉ là sự thay đổi về chế độ sở hữu mà còn thay đổi về chế độ quản lý. Vì vậy không thể thực hiện trong thời gian ngắn.

Về cơ chế quản lý kinh tế: phát huy vai trò chủ đạo các quy luật kinh tế xã hội chủ nghĩa, sử dụng đúng quy luật quan hệ hàng hóa - tiền tệ. Phân biệt chức năng quản lý của Nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, đảm bảo các quyền tập trung thống nhất của Trung ương, quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của cơ sở.

c. Kết quả:

Thành tựu: Trong 5 năm 1981-1985: tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân hàng năm là 7,3%; thu nhập quốc dân tăng bình quân hàng năm là 6,4%; nông nghiệp tăng bình quân hàng năm là 4,9%; Công nghiệp tăng bình quân hàng năm là 9,5%; Hàng xuất khẩu tăng bình quân hàng năm là 15,6%; Lương thực đạt 17 triệu tấn/năm; Điện tăng thêm 456.000kw; Than tăng thêm 2,5 triệu tấn.

Văn hóa, giáo dục, y tế có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống nhân dân được cải thiện. Có nhiều giúp đỡ các nước bạn Lào, Campuchia.

Hạn chế:

Đất nước đối mặt với tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế xã hội như sản xuất chậm, nhiều chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch 5 năm không đạt được, tài nguyên bị lãng phí. Phân phối lưu thông rối ren, tình trạng thất nghiệp cao. Hàng tiêu dùng khan hiếm, điều kiện giáo dục, y tế kém không đáp ứng được nhu cầu của nhân dân. Đời sống nhân dân khó khăn.

TỔNG KẾT 10 NĂM SAU CHIẾN TRANH (1975-1986)

Thành tựu: Đất nước được thống nhất, chúng ta đã thực hiện thắng lợi chủ trương thống nhất về mặt Nhà nước; đạt được những thành tựu trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; giành thắng lợi to lớn trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Hạn chế: Vẫn còn tồn tại một số khuyết điểm: đất nước lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng và kéo dài; đất nước bị bao vây, cô lập, đời sống nhân dân hết sức khó khăn, niềm tin của nhân dân suy giảm.

Nguyên nhân:

Khách quan: hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh vẫn chưa được khắc phục; xây dựng đất nước trên nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

Chủ quan: do những sai lầm của Đảng trong đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, bước đi, sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế; sai lầm trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, trong lĩnh vực phân phối, lưu thông; duy trì quá lâu cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp; buông lỏng chuyên chính vô sản trong quản lý kinh tế, quản lý xã hội và trong đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn của địch.

II. Đảng lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay)

1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội (1986-1996)

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12/1986) của Đảng***

Bối cảnh lịch sử tiến hành Đại hội VI

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) của Đảng diễn ra trong bối cảnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ hai phát triển mạnh mẽ; xu thế đối thoại trên thế giới đang dần thay thế xu thế đối đầu. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đều tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng CNXH. Khi đó, Việt Nam đang bị các nước đế quốc và thù địch bao vây; vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Đại hội có 1.129 đại biểu thay mặt cho 2.027.638 đảng viên cả nước và 32 đoàn đại biểu quốc tế đến dự. Với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá

đúng sự thật và nói rõ sự thật", Đại hội VI đã thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, khuyết điểm trong lãnh đạo của Đảng giai đoạn 1975 - 1986. Đây là *Đại hội đổi mới toàn diện*, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH. Đại hội bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm Tổng Bí thư.

Nội dung cơ bản của Đại hội VI:

- Đại hội trên cơ sở đánh giá đúng sự thật thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm trong thời kỳ 1975-1986. Từ đó rút ra 4 bài học kinh nghiệm:

Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc".

Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng XHCN

- Đường lối đổi mới của Đảng trên các lĩnh vực như sau:

Về kinh tế: Tư tưởng cốt lõi của đổi mới kinh tế là: Thực hiện chính sách phát triển nhiều thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Thực hiện ba chương trình kinh tế bao gồm chương trình lương thực, thực phẩm; chương trình hàng tiêu dùng; chương trình hàng xuất khẩu.

Đai hội xác định nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo.

Đại hội xác định mục tiêu cụ thể về kinh tế - xã hội cho những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; bước đầu tạo ra một cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó đặc biệt chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

Đại hội xác định năm phương hướng lớn phát triển kinh tế: bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất XHCN; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kĩ thuật, mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

THƯ VIỆN PTIT

Về xã hội: Đại hội khẳng định, chính sách xã hội bao trùm mọi mặt của cuộc sống con người cần có chính sách cơ bản, lâu dài, xác định được những nhiệm vụ, phù hợp với yêu cầu, khả năng trong chặng đường đầu tiên. Bốn nhóm chính sách xã hội là: Kế hoạch hóa dân số, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện công bằng xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, khôi phục trật tự, kỷ cương trong mọi lĩnh vực xã hội. Chăm lo đáp ứng các nhu cầu giáo dục, văn hóa, bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân. Xây dựng chính sách bảo trợ xã hội

Về công tác Đảng: Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc; giữ vững các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Đảng cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện "dân biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra".

Về đối ngoại: nhiệm vụ đặt ra là tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình ở Đông Nam Á và trên thế giới.

Về quốc phòng và an ninh: Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc

Ý nghĩa: Đại hội VI đã khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu bước ngoặt phát triển mới trong thời kì quá độ lên CNXH của Việt Nam.

❖ ***Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI (1986-1991)***

Công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn vào tháng 12-1991. Từ sau năm 1979, quân đội Trung Quốc vẫn còn bắn pháo, gây hấn trên một số vùng biên giới phía Bắc. Ở trong nước khủng hoảng kinh tế - xã hội vẫn diễn ra trầm trọng. Lương thực, thực phẩm thiếu, nạn đói xảy ra ở nhiều nơi, lạm phát cao đời sống khó khăn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, Trung ương Đảng đã họp nhiều lần, chỉ đạo đổi mới toàn diện, trong đó nổi bật ở các lĩnh vực sau:

Về kinh tế:

Trong nông nghiệp nổi bật là tháng 4-1988, Bộ Chính trị ra *Nghị quyết 10/NQ* Về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp, đề ra cơ chế khoán sản phẩm

cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên. Đồng thời, lần đầu tiên Luật đầu tư nước ngoài được thông qua có hiệu lực từ ngày 1-1-1988.

Trong công nghiệp, xóa bỏ chế độ tập trung bao cấp, chuyển các hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh XHCN.

Về phân phối lưu thông, *Hội nghị lần thứ 2* Ban chấp hành Trung ương (4-1987) đề ra chủ trương, biện pháp cấp bách, thực hiện bốn giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân. Mở rộng giao lưu hàng hóa, giải thể các trạm kiểm soát hàng hóa trên các đường giao thông. Thực hiện cơ chế một giá, thực hiện chế độ lương thống nhất trong cả nước; giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt bằng cách tăng thu, tiết kiệm chi tiêu, chống tiêu cực. Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hoạch toán kinh doanh XHCN, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế.

Về cải tạo XHCN, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế và bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Về chính trị:

Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương khóa III (3-1989) chính thức dùng khái niệm *hệ thống chính trị*, đề ra những chủ trương cụ thể và xác định 6 nguyên tắc chỉ đạo công cuộc đổi mới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh: Đi lên CNXH là con đường tất yếu. Đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu XHCN mà làm cho mục tiêu đó được thực hiện tốt hơn.

Về tư tưởng: Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (3-1990) đã kịp thời phân tích tình hình các nước XHCN, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc đề ra nhiệm vụ của Đảng ta. Trung ương chỉ rõ nguyên nhân sâu xa dẫn đến khủng hoảng ở Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu là do việc xây dựng mô hình CNXH còn một số nhược điểm: cải tạo XHCN nóng vội, hình thức sở hữu thiếu đa dạng; cơ chế quản lý tập trung nặng về hành chính mệnh lệnh và bao cấp, phủ nhận hoặc coi nhẹ kinh tế hàng hóa; hệ thống chính trị tập trung quan liêu làm suy yếu nền dân chủ XHCN và mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân. Hội nghị xác định hai nguyên nhân trực tiếp dẫn đến khủng hoảng:

Một là, những quan điểm khuynh hướng sai lầm, hữu khuynh của một số người lãnh đạo Liên Xô trong quá trình cải tổ.

Hai là, các thế lực đế quốc và phản động triệt để khai thác những sai lầm, khó khăn của các nước XHCN để tăng cường can thiệp phá hoại, thực hiện diễn biến hòa bình.

Cuộc khủng hoảng này đã và đang tác động tiêu cực đến cách mạng nước ta; làm một số người hoài nghi với CNXH, giảm lòng tin đối với Đảng và Nhà nước. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạt động chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình.

Về đối ngoại: Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế; kiên quyết thực hiện chính sách "thêm bạn, bớt thù"; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi.

Công tác xây dựng Đảng: Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương (3-1990) yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy nhất là tư duy kinh tế, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thể hóa kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh tế, xã hội. Đổi mới công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, tăng cường công tác tổ chức, xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới

❖ ***Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng***

Kết thúc kế hoạch 5 năm (1986-1991), công cuộc đổi mới đã đạt được những *thành tựu* bước đầu rất quan trọng:

Chính trị ổn định, dân chủ trong xã hội được phát huy.

Nền kinh tế có nhiều chuyển biến tích cực:

GDP tăng 4,4%/năm; tổng giá trị sản xuất nông nghiệp tăng bình quân 3,8 - 4%/năm; công nghiệp tăng bình quân 7,4%/năm, trong đó sản xuất hàng tiêu dùng tăng 13 -14%/năm; giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng 28%/năm.

Việc thực hiện tốt ba chương trình mục tiêu phát triển về lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu đã phục hồi được sản xuất, tăng trưởng kinh tế, kiềm chế lạm phát. Đến năm 1991 lạm phát từ 774,7% năm 1986 giảm còn 67,1%. Cuối năm 1988, chế độ phân phối theo tem phiếu đã được xóa bỏ, lương thực không những đủ ăn mà còn dư để xuất khẩu. Đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể.

Lĩnh vực giáo dục và đào tạo có một số tiến bộ trong việc xác định mục tiêu, nội dung và phương pháp cũng như cơ cấu hệ thống giáo dục

Quốc phòng an ninh được giữ vững, mở rộng quan hệ quốc tế. Đã thực hiện tốt nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào và cách mạng Campuchia, rút hết quân tình nguyện ở Campuchia về nước.

Đây được đánh giá là thành công bước đầu, cụ thể hóa nội dung của công nghiệp hóa XHCN trong chặng đường đầu tiên. Điều quan trọng nhất, đây là giai đoạn chuyển đổi cơ bản từ cơ chế quản lý cũ sang cơ chế quản lý mới, thực hiện một bước quá trình đổi mới đời sống kinh tế - xã hội và bước đầu giải phóng được lực lượng sản xuất, tạo ra động lực phát triển mới.

Những chuyển biến trên khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta đề ra tại Đại hội VI là đúng đắn, bước đi của công cuộc đổi mới cơ bản là phù hợp. Đó là cơ sở quan trọng để chúng ta tiếp tục đổi mới trong những năm tiếp theo.

Hạn chế:

Việt Nam chưa thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhiều vấn đề kinh tế xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết triệt để. Các lĩnh vực như văn hóa - xã hội, giáo dục - y tế còn nhiều bất cập.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (1991) và Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (1991-1996)

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) của Đảng***

Bối cảnh lịch sử:

Đại hội VII của chúng ta tiến hành trong bối cảnh quốc tế và trong nước phức tạp: Đó là sự khủng hoảng trầm trọng của chế độ chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu. Giai đoạn 1986-1990, đất nước ta cũng phải đương đầu với hoạt động phá hoại của các lực lượng thù địch ở cả trong và ngoài nước. Tình hình kinh tế và đời sống nhân dân còn khó khăn, đất nước vẫn trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, công cuộc đổi mới được Đảng đề ra từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) bước đầu đạt thành tựu đáng kể, nhờ đó nước ta đã đứng vững và tiếp tục phát triển.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng họp tại Hà Nội (6-1991) với 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn hai triệu đảng viên cả nước. Đại hội thông qua các văn kiện quan trọng *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội"* và *"Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*". Ban chấp hành Trung ương Đảng gồm 146 ủy viên chính thức do đồng chí Đỗ Mười là Tổng Bí thư. Chủ đề của Đại hội là: "*Đại hội của trí tuệ - đổi mới, dân chủ - kỷ cương - đoàn kết*"

Nội dung cơ bản của các văn kiện:

* Văn kiện thứ nhất: *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH"*[25] do Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991). Nội dung cơ bản của Cương lĩnh:

+ Tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam, chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và rút ra 5 bài học lớn:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH.

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân.

Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết; đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm những thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

+ Trong bản *Cương lĩnh năm 1991*, Đảng đã nêu đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và xác định xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là:

- Do nhân dân lao động làm chủ
- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.
- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.
- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.
- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ
- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới

+ *Cương lĩnh năm 1991* nêu 7 phương hướng lớn xây dựng CNXH là:

[25] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 132.

- Xây dựng Nhà nước XHCN

- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm.

- Thiết lập từng bước quan hệ sản xuất XHCN từ thấp đến cao với sự đa dạng về hình thức sở hữu.

- Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng XHCN, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước.

- Tiến hành cách mạng XHCN trên mọi lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội.

- Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc.

- Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Bản *Cương lĩnh năm 1991* chỉ rõ: quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại. Mục tiêu tổng quát phải đạt tới là khi kết thúc thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của chủ nghĩa xã hội, với kiến trúc thượng tầng về chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh.

Cương lĩnh năm 1991 cũng nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân, xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Giá trị lý luận của Cương lĩnh năm 1991: giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư tưởng với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

* Văn kiện thứ 2: Đại hội VII của Đảng đã thông qua "*Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*"[26] với mục tiêu tổng quát là đến năm 2000 ra khỏi khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế xã hội, phấn đấu vượt qua tình trạng nước nghèo và kém phát triển. GDP năm 2000 tăng gấp đôi so với năm 1990.

[26] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 153.

Tại Đại hội VII, Đảng khẳng định phải kiên trì với mục tiêu CNXH và xác đinh nền tảng tư tưởng của Đảng là: "Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động"[27]. Việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đánh dấu một bước tiến mới về đổi mới nhận thức và tư duy lý luận của Đảng.

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

Ý nghĩa của Đại hội:

Thành công của Đại hội đánh dấu bước trưởng thành mới của Đảng, cột mốc mới trong tiến trình cách mạng Việt Nam. Như trong diễn văn bế mạc Đại hội đã nêu: "Kết quả nổi bật của Đại hội chúng ta là sự nhất trí trên tất cả các vấn đề lớn thuộc về quan điểm, đường lối có ý nghĩa quyết định đối với vận mệnh của đất nước trong thời kỳ 1991-1995 và cả tương lai lâu dài". Đại hội là "sản phẩm trí tuệ của toàn Đảng và của nhân dân trong việc vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và những giá trị của loài người vào giai đoạn hiện nay của sự nghiệp cách mạng nước ta"[28]. Kết quả đó khẳng định Đảng ta kiên trì và tích cực đẩy mạnh công cuộc đổi mới do chính bản thân Đảng khởi xướng theo những nguyên tắc đã được xác định… Đổi mới toàn diện, đồng bộ, có nguyên tắc và có bước đi vững chắc, đó là mệnh lệnh của cuộc sống, là quá trình không thể đảo ngược".

❖ ***Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VII (1991-1996)***

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VII, trong những năm 1991-1996, Ban chấp hành Trung ương Đảng đã tổ chức 12 Hội nghị và Hội nghị giữa nhiệm kỳ nhằm chỉ đạo tiếp tục đổi mới toàn diện đất nước, trong đó có một số Hội nghị điển hình với những lĩnh vực được nổi bật là:

Về kinh tế

Trong nông nghiệp: *Hội nghị Trung ương 5 (3-10/6/1993)* Hội nghị bàn sâu về chính sách đối với nông dân, nông nghiệp và nông thôn để đưa nông nghiệp và nông thôn tiến nhanh và vững chắc hơn. Hội nghị đã thông qua Nghị quyết tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn. Trong đó, coi

[27] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51, trang 258.

[28] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 51. Trang 312

nông nghiệp là mặt trận hàng đầu và đề ra các quan điểm, nhiệm vụ xây dựng, phát triển nông nghiệp, nông thôn toàn diện, khơi dậy mọi tiềm năng nội lực của nông dân.

Trong công nghiệp: *Hội nghị Trung ương 7 (7/1994)* Hội nghị chủ trương, chính sách phát triển công nghiệp, công nghệ và xây dựng giai cấp công nhân, nhằm đẩy tới một bước công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Hội nghị đã nhất trí thông qua nghị quyết: Phát triển công nghiệp, công nghệ đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và xây dựng giai cấp công nhân trong giai đoạn mới.

Mục tiêu lâu dài của CNH-HĐH là cải biến nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, có cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của sức sản xuất, mức sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng dân chủ văn minh.

Về xây dựng Đảng, đối ngoại và củng cố quốc phòng: *Hội nghị Trung ương 3 (6-1992)* - thảo luận ba vấn đề quan trọng: Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại; Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh quốc gia; Đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Cụ thể:

+ Xây dựng Đảng: Lần đầu tiên đưa ra chủ trương tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng. Mục tiêu là nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phù hợp với yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong tình hình mới, làm trong sạch đội ngũ cán bộ, đảng viên, bảo đảm thực hiện có kết quả các nhiệm vụ chính trị do Đại hôi VII đề ra, trong đó trọng tâm là phát triển kinh tế, làm cho dân giàu, nước mạnh giữ vững ổn định chính trị. Nguyên tắc đổi mới và chỉnh đốn Đảng là quán triệt và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì đường lối đổi mới theo định hướng XHCN, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt Đảng, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân.

+ Nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong các năm tới là:

Trên cơ sở phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, thống nhất ý chí và hành động, kiên định xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề cao cảnh giác cách mạng, giữ vững ổn định về chính trị, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống, triển khai có kết quả chiến lược, sách lược đối ngoại, xây dựng vững chắc thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp chặt chẽ với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực

lượng vũ trang, chấp hành thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ độc lập, an ninh, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ nhân dân, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa, đập tan âm mưu và hoạt động diễn biến hoà bình, bạo loạn lật đổ của kẻ thù và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống phức tạp khác có thể xảy ra.

+ Chính sách đối ngoại: là đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng cùng có lợi.

Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kì (1-1994) của Đảng[29]*:* Hội nghị có nhiệm vụ kiểm điểm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII và tổng kết một bước thực tiễn đổi mới từ Đại hội VI nhằm làm sáng tỏ thêm một số vấn đề trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, xác định những chủ trương và giải pháp lớn để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VII, đưa sự nghiệp cách mạng của nước ta tiếp tục tiến lên. Hội nghị xác định thời cơ, thách thức của đất nước trong thời kỳ mới:

Về thời cơ: Hội nghị xác định: Đảng có đường lối đúng đắn, Nhân dân cần cù, thông minh, yêu nước, có bản lĩnh và ý chí kiên cường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng vũ trang trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta, những thành tựu đổi mới đang tạo ra thế và lực mới của cách mạng.

Về nguy cơ: (1) Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới do điểm xuất phát thấp, nhịp độ tăng trưởng chưa cao và chưa vững chắc lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh gay gắt; (2) Nguy cơ chệch hướng XHCN nếu không khắc phục được những lệch lạc trong chủ trương, chính sách và chỉ đạo thực hiện; (3) Nguy cơ về nạn tham nhũng và tệ quan liêu; (4) Nguy cơ "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Các nguy cơ đó có liên quan mật thiết với nhau, tác động lẫn nhau.

Đảng cũng khẳng định xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam của dân do dân vì nhân dân do Đảng cộng sản lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện 3 quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp. Tăng cường pháp chế XHCN. Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội.

[29] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, tập 53

Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng thể hiện sự đồng tâm nhất trí, nỗ lực vượt bậc, ra sức khai thác thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua thử thách, phấn đấu vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

❖ ***Kết quả:*** Về cơ bản nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội

Thành tựu: Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước ta có nhiều chuyển biến tích cực trên tất cả mọi lĩnh vực:

Chính trị: Ổn định chính trị - xã hội được giữ vững. Quốc phòng an ninh được củng cố.

Kinh tế: nhiều chỉ tiêu kế hoạch đã hoàn thành vượt mức, GDP đạt 8,2% (kế hoạch 5,6-6-5%), lạm phát từ 67,1% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN ngày càng được triển khai rộng rãi, bước đầu có những kết quả tích cực. Đời sống nhân dân ngày càng được đầy đủ.

Đối ngoại: Kết quả từ tháng 11-1991, Việt Nam và Trung Quốc bình thường hóa quan hệ. Ngày 28-7-1995 là thành viên của Asean. Ngày 11-7-1995 thiết lập quan hệ ngoại giao với Hoa Kỳ. Đến cuối năm 1995, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 160 nước, quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Ngày 28-7-1994, Việt Nam phê chuẩn tham gia Công ước về Luật biển 1982 của Liên hiệp quốc.

Văn hóa - xã hội: Trình độ dân trí và mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân khá hơn trước. Các phong trào đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo được toàn dân hưởng ứng. Dân chủ được phát huy. Lòng tin của nhân dân đối với chế độ và tiền đồ đất nước với Đảng và Nhà nước được khẳng định

Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều chuyển biến tích cực, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân.

Hạn chế:

Việt Nam vẫn là nước nghèo. Kinh tế Việt Nam còn mất cân đối, lạc hậu, trình độ kém, thu nhập quốc dân, năng suất còn thấp, đời sống nhân dân khó khăn. Xã hội nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực tham nhũng, lãng phí, buôn lậu và nhiều tiêu cực còn tồn tại trong nhà nước. Bắt đầu phân hóa giàu nghèo giữa các vùng và các tầng lớp dân cư.

TỔNG KẾT QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN 10 NĂM ĐỔI MỚI (1986-1996):

Thành tưu: Có thế và lực của đất nước ta đã có sự biến đổi rõ rệt về chất, nước ta đã ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng và kéo dài.

Hoàn thành chặng đường đầu tiên, tạo được tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới; đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước. Con đường đi lên CNXH ngày càng sáng rõ hơn

Hạn chế: Nước ta còn nghèo và kém phát triển. Chúng ta lại chưa thực hiện tốt cần kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong tiêu dùng, dồn vốn cho đầu tư phát triển; Tình hình xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết; Việc lãnh đạo xây dựng quan hệ sản xuất mới có phần vừa lúng túng vừa buông lỏng; Quản lý nhà nước về kinh tế, xã hội còn yếu; Hệ thống chính trị còn nhiều nhược điểm.

2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh CNH-HĐH và hội nhập quốc tế từ năm 1996 đến nay

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996) và bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH (1996-2001)

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII (1996) của Đảng***

Bối cảnh diễn ra Đại hội:

Đại hội diễn ra trong thời kỳ cách mạng khoa học và công nghệ phát triển với trình độ cao hơn. Chủ nghĩa xã hội hiện thực lâm vào thoái trào. Sau 10 năm đổi mới, nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi bước đầu về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, phá được thế bị bao vây, cô lập nhưng vẫn là nước nghèo, kém phát triển, xã hội còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề phải giải quyết.

Đại hội diễn ra từ ngày 28-6 đến ngày 1-7-1996, dự đại hội có 1.198 đại biểu thay mặt cho 2.130.000 đảng viên trong cả nước. Đồng chí Đỗ Mười tiếp tục được bầu làm Tổng bí Thư.

Đại hội thông qua nhiều văn kiện quan trọng, đặc biệt "Báo cáo chính trị" đã thể hiện nội dung của Chủ đề của Đại hội VIII là: *"Tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội"*

Nội dung cơ bản Đại hội:

- Đánh giá tổng quát sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và sau 5 năm thực hiện nghị quyết Đại hội VII, Đại hội đã khẳng định những thành tựu nổi bật về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, phá được thế bao vây cô lập nhưng vẫn là nước nghèo kém phát triển. Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kì quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kì đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.

Đại hội nêu ra 6 bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới:

Một là, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH trong quá trình đổi mới.

Hai là, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm đồng thời từng bước đổi mới chính trị.

Ba là, xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

Bốn là, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của dân tộc.

Năm là, mở rộng, hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân trên thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại.

THƯ VIỆN PTIT

Sáu là, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

- Đại hội đề ra đường lối CNH-HĐH trong thời kỳ mới: Đây là nội dung nổi bật nhất của Đại hội VIII của Đảng:

Mục tiêu của CNH-HĐH: Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hóa trong thời kỳ mới gồm:

Một là, giữ vững độc lập tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài.

Hai là, CNH-HĐH là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

Ba là, lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

Bốn là, Khoa học và công nghệ là động lực của CNH- HĐH. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định.

Năm là, lấy hiệu qủa kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ.

Sáu là, kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh.

- Về công tác xây dựng Đảng: Đảng phải tiếp tục sự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình, khắc phục cho được các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Cần phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cán bộ, đảng viên; củng cố Đảng về tổ chức, thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ năng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở Đảng; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng và đổi mới công tác kiểm tra và kỉ luật Đảng.

Ý nghĩa: Đại hội VIII đánh dấu bước tiến vượt bậc của Đảng và nhân dân Việt Nam, đưa đất nước sang thời kì mới, đẩy mạnh CNH-HĐH xây dựng nhà nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo hướng XHCN.

❖ ***Bước đầu thực hiện công cuộc đẩy mạnh CNH-HĐH, thực hiện kế hoạch 5 năm (1996 - 2001)***

Đến tháng 11 năm 1999, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) đã tổ chức 12 Hội nghị với nhiều Nghị quyết để quyết định nhiều vấn đề quan trọng của Đảng và Nhà nước, nổi bật trên một số lĩnh vực sau:

- *Về đổi mới kinh tế*:

Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 22-29/12/1997. Hội nghị đã tập trung bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hoá đường lối, chủ trương của Đại hội VIII về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước

Hội nghị lần thứ 6 (lần 1) Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 13 đến 17-10-1998 đã tập trung thảo luận các Báo cáo của Bộ chính trị và Ban Cán sự Đảng Chính phủ về tình hình kinh tế - xã hội năm 1998, thu chi ngân sách năm 1999 và vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Quan điểm của Đảng là coi phát triển kinh tế là trọng tâm, phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm, nâng cao hiệu quả sức cạnh tranh của nền kinh tế. Hướng mạnh về xuất khẩu, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng XHCN. Đến năm 2000, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 7%. Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hàng năm tăng 13,5%.

- *Về đổi mới hệ thống chính trị*

Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng (6-1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

Trung ương nhấn mạnh ba yêu cầu lớn:

Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tuỵ, phục vụ nhân dân.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước

Nhiệm vụ và giải pháp lớn là: mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong xây dựng và quản lý nhà nước; nâng cao chất lượng hoạt động và kiện toàn tổ chức Quốc hội; tiếp tục cải cách nền hành

chính nhà nước; cải cách tư pháp; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và các biện pháp tổ chức thực hiện. Tăng cường xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.

Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (12-1997): Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước.

Chủ trương của Đảng là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu.

Tiêu chuẩn chủ yếu của cán bộ là: Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tuỵ phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gắn bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tín nhiệm. Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối, của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hoá, chuyên môn, đủ năng lực và sức khoẻ.

Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng lần 2 (2-1999) đã ra "Nghị quyết về một số vấn đề cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng" nhằm tăng cường sự thống nhất trong Đảng về nhận thức, ý chí và hành động, kiên trì đấu tranh đẩy lùi 4 nguy cơ; đảng viên phải nói và làm theo nghị quyết, thực hiện đúng Cương lĩnh, Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, đồng thời kiên định những quan điểm có tính nguyên tắc của Đảng.

Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (8-1999) đã xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ và tổ chức các ban của Đảng ở các cấp; cải tiến cách làm của các cơ quan của Quốc hội, của Chính phủ và chính quyền địa phương; chỉ đạo và sắp xếp tổ chức của hai ngành kiểm sát và toà án; xây dựng quy chế làm việc, đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể chính trị-xã hội.

Chỉ thị số 30-CT/TW (tháng 2-1998) của Bộ Chính trị đã kịp thời ban hành về Quy chế dân chủ trước tình hình mất dân chủ xảy ra nghiêm trọng ở một số địa phương.

- Về đổi mới, phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, xây dựng và phát triển văn hóa.

Hội nghị lần thứ 2 (12/1996) Ban chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) thông qua 2 nghị quyết về Giáo dục và Khoa học công nghệ. Các nghị quyết có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình xây dựng CNXH.

Nghị quyết số 02- NQ/HNTW về "Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000[30] Xây dựng những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa "hồng" vừa "chuyên". Giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa trong phát triển giáo dục - đào tạo. Coi giáo dục - đào tạo là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân. Mọi người đi học, học thường xuyên, học suốt đời. Kết hợp giáo dục nhà trường, giáo dục gia đình và giáo dục xã hội, tạo nên môi trường giáo dục lành mạnh ở mọi nơi, trong từng công đồng, từng tập thể. Phát triển giáo dục - đào tạo gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh.

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII (7-1998): đã ban hành Nghị quyết xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nghị quyết đưa ra 5 quan điểm phát triển văn hóa:

1- Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

2- Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc bao gồm những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - làng xã - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý; đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét cả trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo. Bảo vệ bản sắc dân tộc phải gắn kết với mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc những cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân

[30] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tập 55, trang 716.

tộc khác. Giữ gìn bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lề thói cũ.

3- Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

54 dân tộc sống trên đất nước ta đều có những giá trị và sắc thái văn hóa riêng nhưng bổ sung cho nhau, làm phong phú nền văn hóa Việt Nam.

4- Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng

5- Văn hoá là một mặt trân; xây dựng, phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng.

Đảng đưa ra 10 nhiệm vụ cụ thể xây dựng và phát triển văn hóa: xây dựng con người Việt Nam; xây dựng môi trường văn hóa; phát triển sự nghiệp văn học nghệ thuật; bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa; phát triển sự nghiệp văn hóa giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ; phát triển đi đôi với quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng; bảo tồn phát huy và phát triển văn hóa các dân tộc thiểu số; chính sách văn hóa đối với tôn giáo; củng cố, xây dựng và hoàn thiện thể chế văn hóa, mở rộng hợp tác quốc tế về văn hóa.

Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII được ví như Tuyên ngôn văn hóa của Đảng trong thời kì CNH-HĐH.

❖ ***Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng:***

Thành tựu:

Kinh tế tăng trưởng khá. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7%. Cơ cấu kinh tế theo ngành và vùng đã bắt đầu chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá. Trong GDP, nông, lâm, ngư nghiệp tăng khá về số tuyệt đối, nhưng tỉ trọng giảm từ 38,7% năm 1990 xuống 29% năm 1995; công nghiệp và xây dựng từ 22,6% tăng lên 29,1%; dịch vụ từ 38,6% tăng lên 41,9%. Cơ cấu sản xuất của nông nghiệp, công nghiệp cũng có những thay đổi theo hướng hiệu quả hơn; các ngành dịch vụ phát triển đa dạng.

Văn hoá, xã hội có những tiến bộ; đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Giáo dục và đào tạo phát triển về quy mô và cơ sở vật chất. Trình độ dân trí và chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên. Nước ta đã đạt chuẩn quốc gia về xoá mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học.

Mỗi năm hơn 1,2 triệu lao động có việc làm mới. Công tác xoá đói, giảm nghèo trên phạm vi cả nước đạt kết quả nổi bật, được dư luận thế giới đánh giá cao. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình có nhiều thành tích, được Liên

hợp quốc tặng giải thưởng. Các hoạt động uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc các lão thành cách mạng, người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, thương binh và gia đình liệt sĩ được mở rộng, thu hút sự tham gia của các tầng lớp nhân dân, các cơ quan, đoàn thể và doanh nghiệp.

Tình hình chính trị - xã hội cơ bản ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường. Các lực lượng vũ trang nhân dân làm tốt nhiệm vụ bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh quốc gia.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được chú trọng; hệ thống chính trị được củng cố. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực được phát huy; một số chính sách và quy chế bảo đảm quyền dân chủ của nhân dân, trước hết ở cơ sở, bước đầu được thực hiện.

Quan hệ đối ngoại không ngừng được mở rộng, hội nhập kinh tế quốc tế được tiến hành chủ động và đạt nhiều kết quả tốt. có quan hệ thương mại với hơn 140 nước, quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư từ nước ngoài.

Đảng ta tiếp tục củng cố tình đoàn kết, hữu nghị với các đảng cộng sản và công nhân, các phong trào độc lập dân tộc và tiến bộ trên thế giới; thiết lập quan hệ với các đảng cầm quyền ở một số nước.

Hạn chế:

Chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế còn thấp, nguy cơ tụt hậu xa hơn còn lớn. Đất nước vẫn đang ở trình độ phát triển rất thấp về kinh tế và công nghệ. Các mặt văn hóa, xã hội vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề bức xúc. Chất lượng giáo dục, đào tạo thấp; công tác giáo dục ở những vùng sâu, vùng xa, miền núi còn rất nhiều khó khăn. Hệ thống khám chữa bệnh phần lớn bị xuống cấp cả về cơ sở vật chất lẫn chất lượng, tinh thần và thái độ phục vụ.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (2001) của Đảng, tiếp tục đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước (2001-2006)

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX (4-2001) của Đảng***

Bối cảnh diễn ra Đại hội:

Đại hội họp mở đầu của thế kỷ XXI, cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục có bước phát triển nhảy vọt, thúc đẩy sự phát triển kinh tế tri thức, toàn cầu hoá diễn ra mạnh mẽ. Khu vực Đông Nam Á, châu Á - Thái Bình Dương trở thành khu vực phát triển kinh tế năng động nhưng tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Sau 15 năm đổi mới, Việt Nam đạt được nhiều thành tựu quan

trọng, tạo thế và lực mới nhưng nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ, thách thức.

Đại hội IX của Đảng họp từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001 tại Hà Nội với 1.168 đại biểu thay mặt cho 2.479.719 đảng viên trong cả nước.

Đại hội đã thông qua các văn kiện chính trị quan trọng trong đó nổi bật là "*Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010*"; xác định rõ những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nội dung:

Đại hội khái quát những dấu ấn quan trọng trong thế kỷ XX trên thế giới và trong nước. Đại hội khẳng định lại những bài học có giá trị quan trọng trong công cuộc đổi mới đất nước. Đường lối Đại hội IX bao quát tất cả các lĩnh vực, trong đó nổi bật là:

- Đại hội làm rõ *con đường phát triển lên CNXH* ở nước ta là:

Trong quá trình đổi mới phải kiên trì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đại hội IX làm rõ khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại"[31]. Đây được coi là bước trưởng thành trong mặt nhận thức của Đảng về xác định nền tảng tư tưởng của Đảng khi làm rõ nội hàm tư tưởng Hồ Chí Minh.

Con đường phát triển quá độ lên CNXH của nước ta là bỏ qua chế độ TBCN, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng TBCN, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ TBCN đặc biệt về khoa học và công nghệ để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng CNXH bỏ qua TBCN là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp cho nên phải trải qua một thời kì quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ. Trong thời kì quá độ có nhiều hình thức sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều thành phần kinh tế.

[31] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, trang 83.

Quan hệ các giai cấp, các tầng lớp xã hội là quan hệ hợp tác và đấu tranh trong nội bộ nhân dân, đoàn kết và hợp tác lâu dài trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc

- *Về phát triển kinh tế:* Đại hội xác đinh thực hiện nhất quán và lâu dài nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, coi đây là mô hình kinh tế tổng quát của nước ta trong thời kì quá độ lên CNXH. Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN.

- *Về xây dựng nền văn hóa Việt Nam*: xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế-xã hội; làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân; góp phần xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện về chính trị, tư tưởng, trí tuệ, đạo đức, thể chất, về năng lực sáng tạo, có ý thức cộng đồng, lòng nhân ái, khoan dung, tôn trọng nghĩa tình, lối sống văn hoá, quan hệ hài hoà trong gia đình, cộng đồng và xã hội.

- *Về đối ngoại*: Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập, phát triển". Đây là một bước tiến trong tư duy của Đảng về chủ trương đối ngoại.

Ý nghĩa: Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đánh dấu bước trưởng thành về nhận thức vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, phát triển và cụ thể hoá Cương lĩnh chính trị năm 1991 của Đảng trong những năm đầu của thế kỷ XX.

❖ ***Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và thực hiện kế hoạch 5 năm (2001-2006):*** Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Trung

ương Đảng đã họp nhiều lần tiếp tục chỉ đạo đổi mới toàn diện đất nước, nổi bật những nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Lĩnh vực kinh tế:

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (9-2001) đã chỉ đạo sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tạo bước phát triển mới, tạo thế và lực cho các doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả hơn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể

Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 18/3/2002, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân còn nhiều hạn chế, yếu kém, quy mô nhỏ, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu. Do đó, Đảng xác định coi kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài.

- Những đổi mới về công tác tư tưởng, lý luận

Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (3-2002) đã đưa ra những nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận của Đảng trong tình hình mới. Trung ương nhấn mạnh cần đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị; chủ động tiến công, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch.

Ngày 27-3-2003, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 23-CT/TW về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới nhằm làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc nguồn gốc, nội dung, giá trị, vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định và làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội ta.

- Những đổi mới về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Thể hiện qua các Hội nghị sau:

THƯ VIỆN PTIT

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì "*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*"[32]. Đại đoàn kết toàn dân tộc là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm phát triển bền vững đất nước. Đại đoàn kết toàn dân tộc lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng, xoá bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần, giai cấp, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, cùng hướng tới tương lai.

Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 12/03/2003 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác dân tộc. Nghị quyết về công tác dân tộc[33] khẳng định, trải qua các thời kỳ cách mạng, công tác dân tộc đã đạt được những thành tựu to lớn, góp phần quan trọng vào sự nghiệp cách mạng chung của đất nước. Cần nhận thức rõ vấn đề dân tộc và đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời là vấn đề cấp bách hiện nay của cách mạng Việt Nam. Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

[32] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, trang 26.
[33] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, trang 43.

Nghị quyết số 25-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác tôn giáo[34]. Trung ương khẳng định, Đảng và Nhà nước ta luôn xác định công tác tôn giáo là vấn đề chiến lược có ý nghĩa rất quan trọng. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng, Nhà nước thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. Đồng thời, nghiêm cấm lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín dị đoan, hoạt động trái pháp luật và chính sách của Nhà nước.

Nghị quyết số 36 của Bộ Chính trị khóa IX (3-2004) đã ban hành chủ trương coi người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời, là nguồn lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam, là nhân tố quan trọng góp phần tăng cường quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa nước ta với các nước. Nhà nước có trách nhiệm thoả thuận với các nước hữu quan về khuôn khổ pháp lý để đồng bào ổn định cuộc sống và bảo vệ quyền lợi chính đáng của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài theo luật pháp, công ước và thông lệ quốc tế.

- Về thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc

Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7-2003) đã ra kịp thời thảo luận và ban hành Chiến lược Bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới[35].

Mục tiêu: bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc; bảo vệ an ninh chính trị, quốc gia, trật tự an toàn xã hội và nền văn hoá; giữ vững an ninh chính trị và môi trường hòa bình, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Giữ vững vai trò lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng đối với sự nghiệp Bảo vệ Tổ quốc. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với công nhân xã hội; lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội là lợi ích cao nhất của Tổ Quốc.

---

[34] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tập 62, trang 57.
[35] Ban Tư tưởng-Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, trang 45.

Kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Trong đó, *nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc*: giữ vững hòa bình, ổn định để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH-HĐH đất nước theo định hướng XHCN. Xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, kết hợp chặt chẽ với bảo vệ Đảng, bảo vệ vững chắc an ninh chính trị nội bộ. Đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, mở rộng hợp tác quốc tế, ưu tiên hợp tác với các nước láng giềng, chú trọng thúc đẩy quan hệ với các nước và trung tâm lớn.

❖ ***Kết quả thực hiện:***

Thành tựu:

Nền kinh tế đã vượt qua thời kỳ suy giảm, đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và phát triển tương đối toàn diện:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm sau tăng cao hơn năm trước, bình quân trong 5 năm 2001-2005 là 7,51%, đạt mức kế hoạch đề ra. Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đến năm 2005, tỉ trọng giá trị nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp trong GDP còn 20,9% (kế hoạch 20-21%), công nghiệp và xây dựng 41% (kế hoạch 38-39%), dịch vụ 38,1% (kế hoạch 41- 42%). Các thành phần kinh tế đều phát triển.

Văn hoá và xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt; việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt; đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh bằng nhiều hình thức, biện pháp; đến cuối năm 2005, tỉ lệ hộ nghèo (theo chuẩn Việt Nam cho giai đoạn 2001 - 2005) còn 7% (năm 2001 là 17,5%, kế hoạch là 10%). Trong 5 năm, tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động. Thu nhập bình quân đầu người tăng từ 5,7 triệu đồng năm 2000 lên trên 10 triệu đồng năm 2005.

Công tác bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân đạt nhiều kết quả: mở rộng mạng lưới y tế, đặc biệt là y tế cơ sở; khống chế và đẩy lùi một số dịch bệnh nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của dân số nước ta tăng từ 67,8 (năm 2000) lên 71,5 (năm 2005).

Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được tăng cường; quan hệ đối ngoại có bước phát triển mới. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có tiến bộ trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc được phát huy. Công tác xây dựng Đảng đạt một số kết quả tích cực

Hạn chế:

Nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế 5 năm qua chậm dần, năm 2000 đã tăng trở lại nhưng vẫn chưa đạt mức tăng trưởng cao như những năm giữa thập niên 90. Nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) và GDP bình quân đầu người, nhịp độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp, dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu... không đạt chỉ tiêu do Đại hội

Một số vấn đề văn hoá - xã hội bức xúc và gay gắt chậm được giải quyết. Tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn ở mức cao, đang là một trong những vấn đề nổi cộm nhất của xã hội. Chất lượng giáo dục và đào tạo thấp so với yêu cầu đề ra.

Tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên là rất nghiêm trọng.

c. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2001) của Đảng và quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2011)

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (4/2001) của Đảng***

Bối cảnh diễn ra Đại hội:

Đất nước đã trải qua 20 năm đổi mới, đạt những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử. Đất nước có sự thay đổi cơ bản, toàn diện, thế và lực, uy tín quốc tế tăng lên nhiều so với trước. Sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta có những thuận lợi và cơ hội lớn, nhưng cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức không thể xem thường. Tình hình quốc tế diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường.

Đại hội họp từ ngày 18 đến 25-4-2006 tại Hà Nội. Tham dự Đại hội có 1.176 đại biểu thay mặt cho hơn 3,1 triệu đảng viên trong cả nước.

Đồng chí Nông Đức Mạnh được bầu lại làm Tổng bí thư của Đảng.

Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trong như: Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Báo cáo về công tác xây dựng Đảng và Điều lệ Đảng (bổ sung, sửa đổi).

Chủ đề của Đại hội "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công tác đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*".

Nội dung cơ bản:

- Một trong những dấu ấn sâu sắc nhất gắn liền với thành công của Đại hội X là cuộc "Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn của 20 năm đổi mới" (1986-2006).

Với sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, công cuộc đổi mới đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Mặc dù còn nhiều hạn chế, đất nước đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Trong đó, đặc biệt, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản. Những thành tựu đó chứng tỏ đường lối đổi mới đất nước do Đảng ta vạch ra là hoàn toàn đúng đắn và sáng tạo, phù hợp với thực tiễn đất nước và xu thế phát triển của thời đại. Từ thực tiễn đổi mới, Đại hội rút ra các bài học chủ yếu sau:

Một là, trong quá trình đổi mới phải kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Hai là, đổi mới toàn diện, đồng bộ, có kế thừa, có bước đi, hình thức và cách làm phù hợp.

Ba là, đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.

Bốn là, phát huy cao độ nội lực, đồng thời ra sức khai thác ngoại lực, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới.

Năm là, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, không ngừng đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Đại hội có nhiều đổi mới trong tư duy, khẳng định sự trưởng thành của Đảng thể hiện ngay trong chủ đề Đại hội:

+ Thành tố đầu tiên của chủ đề Đại hội là "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng", điều đó cho thấy lần đầu tiên Đảng chú trọng hàng đầu đến nhiệm vụ then chốt là xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Bởi vì, mọi thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng.

Muốn nâng cao năng lực lãnh đạo là Đảng phải nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức chỉ đạo thực hiện, tổng kết lý luận thực tiễn, phải tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân.

THƯ VIỆN PTIT

Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức đảng, nói chung là toàn Đảng phải có ý chí vươn lên, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức, kiên quyết đấu tranh với tiêu cực, tham nhũng, suy thoái, đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

Phải xây dựng, chỉnh đốn Đảng toàn diện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, từ đội ngũ cán bộ đến phương thức lãnh đạo của Đảng.

Đại hội X của Đảng có điểm mới khi làm sáng tỏ bản chất của Đảng là: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc.

Điểm mới khác của Đại hội X là lần đầu tiên nội hàm về thành phần kinh tế tư nhân được xác định rõ ràng, kinh tế tư nhân gồm ba thành tố: kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, xác định vai trò của kinh tế tư nhân là "một trong những động lực của nền kinh tế". Đồng thời, Đảng xác định Đảng viên được phép làm kinh tế tư nhân với điều kiện phải gương mẫu chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

+ Thành tố thứ hai chủ đề Đại hội X "phát huy sức mạnh toàn dân tộc": Điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài là thực hiện mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Điểm mới ở đây là xoá bỏ mọi mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội. Đây là một chủ trương đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của đất nước, được thảo luận kỹ qua nhiều Đại hội và hội nghị Trung ương, thể hiện quyết tâm đổi mới của Đảng.

+ Thành tố thứ ba chủ đề Đại hội X là "đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới". trong đó thể hiện rõ quan điểm của Đảng là tập trung vào các lĩnh vực chủ yếu như: Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với phát triển kinh tế tri thức. Mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc

tế, với mục tiêu "Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế".

- Đại hội xác định mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Ý nghĩa của Đại hội: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng có ý nghĩa trọng đại. Các văn kiện được thông qua tại Đại hội "là kết tinh trí tuệ và ý chí của toàn Đảng, toàn dân ta, là sự tổng kết sâu sắc thực tiễn và lý luận 20 năm đổi mới". Thành công của Đại hội đánh dấu một mốc son trên chặng đường hơn 76 năm lãnh đạo cách mạng của Đảng, mở ra một thời kỳ phát triển mới của công cuộc đổi mới.

❖ ***Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X và thực hiện kế hoạch 5 năm (2006-2010)***

Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội X, Đảng đã tổ chức 15 Hội nghị trong đó thảo luận và quyết định nhiều vấn đề quan trọng, nổi bật là:

- Về đổi mới kinh tế:

Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7-2003), Nghị quyết số 09 - NQ/ TW ngày 9/2/2007 về *Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020*[36]. Đảng nhận định: thế kỉ XXI được thế giới xem là thế kỉ của đại dương. Quan điểm chỉ đạo của Đảng: nước ta phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển, trên cơ sở phát huy mọi tiềm năng từ biển, phát triển toàn diện các ngành, nghề biển với cơ cấu phong phú, hiện đại, tạo ra tốc độ phát triển nhanh,

[36] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 70.

bền vững, hiệu quả so với tầm nhìn dài hạn. Trung ương đặt mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 kinh tế biển Việt Nam đóng góp khoảng 53-55% GDP, 55-60% kim ngạch xuất khẩu cả nước. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, làm giàu từ biển.

Tiềm năng biển Việt Nam là một lợi thế lớn, là niềm tự hào của đất nước trong tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và trong xu thế hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Tuy nhiên, tiềm năng đó vẫn chỉ là tiềm năng, nếu thiếu đi một chiến lược tổng thể, cùng những mục tiêu, biện pháp cụ thể. Vì vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X) có thể nói là một công cụ dẫn đường kịp thời và đắc lực để phát huy vững chắc và hiệu quả tiềm năng đó.

Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1-2008), Nghị quyết số 21 - NQ/ TW ngày 30/1/2008 đã đưa ra những chủ trương và giải pháp để tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa[37]. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường, thông lệ quốc tế, phù hợp với điều kiện phát triển của Việt Nam, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế. Bảo đảm tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế; giữa các yếu tố thị trường và các loại thị trường; giữa thể chế kinh tế với thể chế chính trị, xã hội; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội

Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng (8/2008) Nghị quyết số 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Nghị quyết đã đánh giá tình hình và lần đầu tiên đưa ra những quyết sách mạnh mẽ về chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp, giải quyết đồng thời ba vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là cơ sở và lực lượng quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, giữ vững ổn định chính trị, đảm bảo an ninh, quốc phòng; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc và bảo vệ môi trường sinh thái của đất nước. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH-HĐH đất nước.

[37] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, trang 133.

- Về công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và cải cách hành chính

Hội nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng *(8-2006)* ra *Nghị quyết số 04-NQ/TW* về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Đồng thời, phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị và của toàn dân, thực hiện đồng bộ các biện pháp chính trị, tư tưởng, tổ chức, hành chính, kinh tế, hình sự, tích cực chủ động phòng ngừa là chính, kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng.

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng *(7-2007)* ra 2 nghị quyết về tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Đảng:

(1) *Nghị quyết số 15-NQ/TW* về việc tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng.

(2) *Nghị quyết số 17-NQ/TW về* Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Cải cách hành chính phải được tiến hành trên cơ sở các nghị quyết và nguyên tắc của Đảng về xây dựng hệ thống chính trị, đổi mới phương thức lãnh đạo và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng.

Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1-2008) Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 02/02/2008 Về nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Ngày 29/5/2008, Quốc hội khóa XII đã ra nghị quyết *Nghị quyết số 15/2008/QH12* về điều chỉnh địa giới hành chính thành phố Hà Nội kể từ ngày 01-8-2008. Đây là một quyết định đúng đắn và phù hợp với các điều kiện địa lý, lịch sử, văn hóa truyền thống; phát huy đầy đủ các chức năng và vị thế của một thủ đô hiện đại của đất nước đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

- Về phát huy sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc

Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa X (1-2008) đã ban hành *Nghị quyết số 20-NQ/TW* về xây dựng giai cấp công nhân trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước[38]. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Kiên định quan điểm giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiền phong là Đảng Cộng sản Việt Nam; giai cấp đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến; tiên phong, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Trung ương đã nêu ra các quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh.

Hội nghị lần thứ 7 Ban chấp hành Trung ương Đảng, khóa X (7-2008) đã ban hành 2 nghị quyết:

(1) *Nghị quyết số 25-NQ/TW* chuyên đề về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá[39]. Xác định Thanh niên là rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích trong xây dựng và bảo vệ tổ quốc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của sự nghiệp CNH - HĐH đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng CNXH. Thanh niên được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược bồi dưỡng, phát huy nhân tố và nguồn lực con người.

(2) *Nghị quyết số 27-NQ/TW* về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế[40]. Quan điểm của Trung ương Đảng là: Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động

---

[38] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 43

[39] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 35.

[40] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 81.

sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

- Về đổi mới công tác tư tưởng, lý luận, báo chí

Tháng 11-2006, Bộ Chính trị khóa X quyết định tổ chức cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn Đảng, toàn dân. Mục đích của cuộc vận động là làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc về những nội dung cơ bản, giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về ý thức tu dưỡng, rèn luyện và làm theo tấm gương đạo đức của Người sâu rộng trong toàn xã hội; đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn xã hội.

Hội nghị lần thứ 5 Ban chấp hành Trung ương Đảng (7-2007) đã ban hành *Nghị quyết số 16-NQ/TW* về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới[41]. Trung ương nhấn mạnh: Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí là bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng, là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ. Công tác tư tưởng, lý luận, báo chí phải đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, làm cho hệ tư tưởng của Đảng, những giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc, tinh hoa văn hoá thế giới chiếm vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội

[41] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007, trang 7.

- Về đổi mới mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế

Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương Đảng (1-2007) ra *Nghị quyết số 08-NQ/TW* về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế sau khi Việt Nam trở thành thành viên của WTO

❖ ***Kết quả thực hiện:***

Thành tựu:

Những chủ trương nêu trên đã góp phần quan trong vào phát triển kinh 5 năm (2005-2010): tốc độ tăng GDP bình quân đạt 7%. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội gấp 2,5 lần so với giai đoạn 2001-2005, đạt 42,9% GDP. Mặc dù khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, nhưng thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta đạt cao. GDP năm 2010 tính theo giá thực tế đạt 101,6 tỉ USD, gấp 3,26 lần so với năm 2000; GDP bình quân đầu người đạt 1.168 USD. Việt Nam năm 2008 đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, đứng vào nhóm các nước có thu nhập trung bình.

Về đối ngoại, thành tựu nổi bật sau 5 năm (2006-2010) là đã mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu các quan hệ đối ngoại, góp phần tạo ra thế và lực mới, giữ vững ổn định chính trị và tạo được một môi trường quốc tế thuận lợi chưa từng có để giữ vững hoà bình, an ninh và mở rộng hợp tác, tranh thủ, vốn, kỹ thuật, trí thức, kinh nghiệm để phát triển đất nước. Việt Nam đã trở thành thành viên 150 của tổ chức WTO; đăng cai và tổ chức thành công tuần lễ cao cấp APEC lần thứ 14 (11-2006). Đến năm 2010, Việt Nam có quan hệ thương mại đầu tư với 230 nước và vùng lãnh thổ, trong đó các đối tác lớn nhất là Trung Quốc với 25 tỉ USD thương mại hai chiều, với Mỹ là 16 tỉ USD.

Hoàn thành phân giới cắm mốc trên biên giới đất liền với Trung Quốc; bước đầu đàm phán phân định vùng biển ngoài cửa Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc. Phát triển quan hệ đặc biệt với Lào, tăng dày hệ thống mốc biên giới với Lào; hợp tác toàn diện và hoàn thành một bước phân giới cắm mốc trên đất liền với Campuchia. Ngoại giao văn hoá có nhiều khởi sắc, nhiều công trình văn hóa được công nhận là di sản văn hoá thế giới. Công tác về người Việt Nam ở nước ngoài đạt kết quả tích cực; lượng kiều hối gửi về nước tăng tới 8 tỷ USD năm 2010.

Hạn chế:

Kinh tế phát triển chưa bền vững; chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, cơ hội và yêu cầu phát triển của đất nước; một số chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

Các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hoá, xã hội, môi trường còn nhiều hạn chế, yếu kém, gây bức xúc xã hội.

Các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại còn một số mặt hạn chế

Dân chủ và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc chưa được phát huy đầy đủ

Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa theo kịp yêu cầu phát triển kinh tế và quản lý đất nước

Công tác xây dựng Đảng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chậm được khắc phục

d. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011) của Đảng bổ sung, phát triển Cương lĩnh năm 1991

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (1/2011) của Đảng***

***Bối cảnh diễn ra Đại hội*:**

Trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp. Hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là xu thế lớn, nhưng chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ diễn biến phức tạp. Thiên tai, dịch bệnh, khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu xảy ra nghiêm trọng trên toàn thế giới. Cả nước vừa kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long - Hà Nội với những thành tựu quan trọng nhưng còn nhiều yếu kém cần được khắc phục. Các thế lực thù địch tiếp tục chống phá, kích động bạo loạn, đẩy mạnh hoạt động "diễn biến hoà bình".

Đại hội họp tại Hà Nội từ ngày 12 đến ngày 19-1-2011, tham dự Đại hội có 1.377 đại biểu thay mặt cho 3,6 triệu đảng viên trong cả nước. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Chủ đề của Đại hội XI là: *"Tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*

Đại hội là thông qua 2 văn kiện lớn: "*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011) và "Chiến lược phát triển kinh tế - Xã hội 2011-2020"*

***Nội dung cơ bản của Đại hội*:**

- Văn kiện quan trọng thứ nhất là *"Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)"* gọi tắt là Cương lĩnh năm 2011, kết cấu gồm bốn phần cơ bản giữ như Cương lĩnh năm 1991, có bổ sung, phát triển nhận thức mới ở tiêu đề và nội dung từng phần.

(1)Quá trình cách mạng và những bài học kinh nghiệm: Cương lĩnh năm 2011 có diễn đạt mới về những thắng lợi của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cách diễn đạt mới đảm bảo vừa trung thực với lịch sử, vừa cổ vũ niềm tự hào dân tộc và phù hợp với quan hệ đối ngoại trong tình hình mới. Ngoài ra còn bổ sung ý nghĩa của những thành quả do các thắng lợi trên mang lại và đánh giá tổng quát sai lầm, khuyết điểm và nguyên nhân, thái độ của Đảng trước những sai lầm đó. Trong Cương lĩnh năm 2011, Đảng rút ra 5 bài học kinh nghiệm:

Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH

Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân do nhân dân và vì nhân dân. (Điểm khác so với Cương lĩnh năm 1991 là phân tích thêm nội dung "Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Quan liêu, tham nhũng, xa rời nhân dân sẽ dẫn đến những tổn thất khôn lường đối với vận mệnh của đất nước, của chế độ xã hội chủ nghĩa và của Đảng")

Ba là, không ngừng củng cố tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế

Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế

Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. (Cương lĩnh năm 2011 có sửa đổi hai từ "*đảm bảo*" bằng từ "*quyết định*")

(2) Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta: được xác định như sau:

+ *Về đặc điểm, xu thế chung*: cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, kinh tế tri thức và quá trình toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ. Các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới biểu hiện dưới những hình thức và mức độ khác nhau vẫn tồn tại và phát

triển. Hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, hợp tác và phát triển là xu thế lớn; nhưng đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột sắc tộc tôn giáo, chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ biển đảo, tài nguyên, cạnh tranh quyết liệt về kinh tế. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương và Đông Nam Á tiếp tục phát triển.

+ *Đánh giá về CNXH*: Liên Xô và các nước XHCN đã đạt được những thành tựu to lớn về nhiều mặt, từng là chỗ dựa của phong trào hòa bình và cách mạng thế giới. Liên Xô và các nước Đông Âu sụp đổ là một tổn thất lớn cho phong trào cách mạng thế giới.

+ *Về mô hình, mục tiêu, phương hướng cơ bản*: Điểm khác so với Cương lĩnh năm 1991 là Cương lĩnh năm 2011 nêu rõ 8 đặc trưng và 8 phương hướng xây dựng CNXH. Cụ thể:

Về mô hình CNXH:

(1) Xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *(bổ sung)* (2) Do nhân dân làm chủ; (3) Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; (4) Có nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc; (5) Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; (6) Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển

(7) Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân do ĐCS lãnh đạo *(bổ sung)*

(8) Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới

Từ nay đến giữa thế kỷ XXI, toàn Đảng, toàn dân ta phải ra sức phấn đấu xây dựng nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Về mục tiêu tổng quát: khi kết thúc thời kỳ quá độ ở nước ta là xây dựng được về cơ bản nền tảng kinh tế của chủ nghĩa xã hội với kiến trúc thượng tầng về chính trị, tư tưởng, văn hoá phù hợp, tạo cơ sở để nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Về phương hướng cơ bản: Để thực hiện thành công các mục tiêu trên, phải thực hiện tốt 8 phương hướng cơ bản sau đây:

(1) Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; (2) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; (3) Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm

đà bản sắc dân tộc; xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; (4) Bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội; (5) Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; (6) Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, tăng cường và mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất; (7) Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; (8) Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

(3) Những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

Về kinh tế: Đảng xác định xác định: nền kinh tế thị trường định hướng XHCN với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, hình thức tổ chức kinh doanh và hình thức phân phối. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tập thể không ngừng được củng cố và phát triển. Kinh tế nhà nước cùng kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân; kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển.

Về CNH - HĐH: Cương lĩnh năm 2011 khẳng định: Phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường; xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lý, hiện đại, có hiệu quả và bền vững, gắn kết chặt chẽ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ.

Về văn hóa - xã hội: Chủ trương của Đảng là: Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ, trở thành nền tảng tinh thần vững chắc.

Trong đó, con người là trung tâm của chiến lược phát triển. Xây dựng con người Việt Nam giàu lòng yêu nước, có ý thức làm chủ, trách nhiệm công dân; có tri thức, sức khoẻ, lao động giỏi; sống có văn hoá, nghĩa tình; có tinh thần quốc tế chân chính.

Giáo dục đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu.

Cương lĩnh còn nêu rõ bảo vệ môi trường là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của toàn xã hội và nghĩa vụ của mọi công dân. Đồng thời, xây dựng chính sách xã hội đúng đắn.

Về quốc phòng, an ninh: Mục tiêu nhiệm vụ là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ XHCN, giữ vững hòa bình ổn định chính trị, an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội

Về đối ngoại: Thực hiện nhất quán, độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; "là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế", góp phần vào sự nghiệp hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới.

(4) Hệ thống chính trị và vai trò lãnh đạo của đảng

Dân chủ xã hội chủ nghĩa là bản chất của chế độ ta, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển đất nước.

Nhà nước ta là nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, do Đảng cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các pháp quyền hành pháp, lập pháp, tư pháp.

Đảng cộng sản Việt Nam:

+ *Về bản chất:* Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc.

+ *Nền tảng tư tưởng*: Cương lĩnh năm 2011 tiếp tục khẳng định Đảng lấy chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh được khái quát lại, bổ sung hoàn chỉnh: "Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại;

là tài sản tinh thần vô cùng to lớn và quý giá của Đảng và dân tộc ta, mãi mãi soi đường cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta giành thắng lợi".

+ *Phương thức lãnh đạo* của Đảng, Cương lĩnh bổ sung làm rõ: Đảng cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị đồng thời là bộ phận của hệ thống ấy. Đảng lãnh đạo bằng cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn, bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của Đảng viên.

+ *Quan hệ Đảng với nhân dân*: Đảng gắn bó mật thiết với nhân dân, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân để xây dựng Đảng, chịu sự giám sát của nhân dân, hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật.

+ *Về xây dựng Đảng*: Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, ra sức nâng cao trình độ trí tuệ, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và năng lực lãnh đạo.

Ý nghĩa: "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kì quá độ lên CNXH (bổ sung phát triển năm 2011)" có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về lý luận và thực tiễn, thể hiện nhận thức mới về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong quá trình Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hoàn cảnh Việt Nam.

- Văn kiện quan trọng thứ hai là *"Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020"*

Sau khi khái quát tình hình trong nước bằng việc tổng kết 10 năm thực hiện "Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001-2010" và bối cảnh quốc tế, Đại hội nêu mục tiêu tổng quát và các bước đột phá trong quá trình phát triển:

- *Mục tiêu tổng quát*

Đảng ta xác định: Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; chính trị - xã hội ổn định, dân chủ, kỷ cương, đồng thuận; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên rõ rệt; độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế tiếp tục được nâng lên; tạo tiền đề vững chắc để phát triển cao hơn trong giai đoạn sau.

- *Ba bước đột phá chiến lược*:

(i) Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trọng tâm là tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng và cải cách hành chính;

(ii) Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản nền giáo dục quốc dân, gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ;

(iii) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, với một số công trình hiện đại, tập trung vào hệ thống giao thông và hạ tầng đô thị lớn.

- *Định hướng phát triển kinh tế, xã hội*: Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, thực hiện tốt chức năng Nhà nước, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa Nhà nước với thị trường, chuyển mạnh về cải cách hành chính; đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Ý nghĩa của Đại hội: có ý nghĩa trọng đại, định hướng cho toàn Đảng, toàn dân ta tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại; đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành một nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

❖ ***Quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2016):*** Thực hiện chương trình toàn khóa XI, trong 5 năm (2011-2016), Trung ương Đảng tổ chức 14 Hội nghị, chỉ đạo tiếp tục đổi mới những vấn đề quan trọng sau

Về đổi mới kinh tế:

Nghị quyết số 13-NQ/TW, ngày 16/01/2012, *Hội nghị lần thứ 4* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng

bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Trung ương Đảng nhấn mạnh quan điểm: Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội phải hiện đại, đồng bộ trên phạm vi cả nước, từng ngành, từng vùng và từng địa phương, đáp ứng yêu cầu CNH - HĐH đất nước. Huy động mạnh mẽ mọi nguồn lực của xã hội, bảo đảm lợi ích hợp lý để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài vào phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội.

Kết luận số 22-KL/TW, ngày 25/5/2012, *Hội nghị lần thứ 5* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về việc tổng kết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về tiếp tục đổi mới chính sách, pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh CNH - HĐH đất nước

Kết luận số 50-KL/TW, ngày 29/10/2012, *Hội nghị lần thứ 6* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về Đề án "Tiếp tục sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước"

Kết luận số 74-KL/TW, ngày 17/10/2013, *Hội nghị lần thứ 8* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về "Tình hình kinh tế - xã hội năm 2013 và nhiệm vụ năm 2014" và "Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội XI về kinh tế - xã hội, trọng tâm là ba đột phá chiến lược gắn với tái cơ cấu nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng"

Xây dựng hệ thống chính trị

Bộ Chính đã Ban hành Chỉ thị *số 03-CT/TW* (5-2011) về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Mục đích là phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục những hạn chế, tiếp tục làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân nhận thức sâu sắc những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, đạo đức và phong cách Hồ Chí Minh; tạo chuyển biến mạnh mẽ và sâu rộng hơn nữa về ý thức tu dưỡng, rèn luyện, nâng cao đạo đức cách mạng, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, cơ hội thực dụng, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực; góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng

Nghị quyết số 12-NQ/TW, ngày 16/01/2012, *Hội nghị lần thứ 4* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) Về một số vấn đề cấp bách xây dựng Đảng hiện nay. Nghị quyết chỉ rõ tập trung cao độ lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt ba vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng: 1) Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp để

nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, củng cố niềm tin của đảng viên và của nhân dân đối với Đảng. 2) Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp trung ương, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. 3) Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị; tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Trong ba vấn đề trên, vấn đề thứ nhất là trọng tâm, xuyên suốt và cấp bách nhất.

Hội nghị Trung ương 4, khóa XI (1- 2012) đã đưa ra kết luận tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Trung ương xác định phòng, chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, phải thực hiện thường xuyên, có hiệu quả.

Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 3/6/2013, *Hội nghị lần thứ 7* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới. Công tác dân vận là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các đoàn thể nhân dân, cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang.

Xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội

Nghị quyết số 20-NQ/TW BCH *Hội nghị lần thứ 6* Ban chấp hành Trung ương (10-2012) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Chỉ tiêu phấn đấu: đến năm 2020, khoa học và công nghệ Việt Nam đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; đến năm 2030, có một số lĩnh vực đạt trình độ tiên tiến thế giới; tiềm lực khoa học và công nghệ đáp ứng các yêu cầu cơ bản của một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Quan điểm chỉ đạo: Phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là một trong những động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế-xã hội và bảo vệ Tổ quốc; là một nội dung cần được ưu tiên tập trung đầu tư trước một bước trong hoạt động của các ngành, các cấp.

Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày 4/11/2013, *Hội nghị lần thứ 8* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) "Về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế".

Giáo dục góp phần nâng cao dân trí ở mọi quốc gia, dân tộc. Ngày nay, giáo dục và đào tạo còn góp phần tạo ra hệ thống giá trị xã hội mới. Giáo dục

và đào tạo góp phần bảo vệ chế độ chính trị của mỗi quốc gia, dân tộc bởi giáo dục - đào tạo góp phần xây dựng đội ngũ lao động có trình độ cao làm giàu của cải vật chất cho xã hội đồng thời có bản lĩnh chính trị vững vàng, đủ sức đề kháng chống lại các cuộc "xâm lăng văn hóa" trong chính quá trình hội nhập quốc tế và toàn cầu. Vì vậy, Nghị quyết này thể hiện sự quan tâm đặc biệt tới công tác giáo dục đào tạo trong điều kiện mới.

Điểm mới của Nghị quyết này không chỉ ở nhận thức mà cả trong chỉ đạo thực tiễn phải coi giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là đổi mới những vấn đề lớn, cốt lõi, cấp thiết, từ quan điểm, tư tưởng chỉ đạo đến mục tiêu, nội dung, phương pháp, cơ chế, chính sách, điều kiện bảo đảm thực hiện; đổi mới từ sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đến hoạt động quản trị của các cơ sở giáo dục - đào tạo và việc tham gia của gia đình, cộng đồng, xã hội và bản thân người học; đổi mới ở tất cả các bậc học, ngành học.

Nghị quyết số 33-NQ/TW, ngày 9/6/2014, *Hội nghị lần thứ 9* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước[42]. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương: Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội.

Nghị quyết số 15-NQ/TW, ngày 10/6/2012, *Hội nghị lần thứ 5* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) Về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020 với quan điểm chỉ đạo là: Không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người có công và bảo đảm an sinh xã hội là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng của Đảng, Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013, *Hội nghị lần thứ 7* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Đây là những vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, có tầm ảnh hưởng lớn, quan hệ, tác động qua lại, cùng quyết định sự phát triển bền vững của đất nước.

---

[42] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014, trang 574.

Tăng cường quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại

Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 03/6/2013, *Hội nghị lần thứ 7* Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trườngvới những quan điểm mới: Giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa; kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; xây dựng sức mạnh tổng hợp; phát huy nội lực kết hợp với ngoại lực.

❖ ***Kết quả thực hiện***

Thành tựu:

Kinh tế có nhiều tiến bộ: Tốc độ tăng Tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân 5 năm đạt trên 5,9%/năm. Quy mô và tiềm lực của nền kinh tế tiếp tục tăng lên; GDP năm 2015 đạt 193,4 tỉ USD, bình quân đầu người khoảng 2.109 USD. Sản xuất công nghiệp từng bước phục hồi; giá trị gia tăng ngành công nghiệp, xây dựng tăng bình quân 6,9%/năm; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu công nghiệp tăng. Khu vực nông nghiệp cơ bản phát triển ổn định. Tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 51,6% vào năm 2015.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP tăng từ 79,9% năm 2011 lên 82,6% vào năm 2015; tỉ trọng nông nghiệp giảm từ 20,1% xuống còn 17,4%. Tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm còn 44,3%.

Văn hóa, xã hội có bước phát triển, an sinh xã hội cơ bản được bảo đảm, đời sống nhân dân tiếp tục được cải thiện. Trong 5 năm đã tạo việc làm cho khoảng 7,8 triệu người. Tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 2%/năm, từ 14,2% cuối năm 2010 xuống dưới 4,5% năm 2015. Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân được chú trọng. Tuổi thọ trung bình tăng, đạt 73,3 tuổi vào năm 2015.

Các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế đạt được nhiều kết quả, góp phần quan trọng tạo môi trường, điều kiện thuận lợi và sự ủng hộ của cộng đồng quốc tế trong phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Hạn chế:

Đổi mới chưa đồng bộ và toàn diện. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chưa đạt kế hoạch; nhiều chỉ tiêu, tiêu chí trong mục tiêu phấn đấu để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được. Nhiều hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, văn hoá, xã hội, y tế chậm được khắc phục. Đời sống của một bộ

phận nhân dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt diễn biến phức tạp. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên và tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí chưa bị đẩy lùi. Một số mặt công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị chuyển biến chậm.

e. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

❖ ***Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (1/2016) của Đảng***

Bối cảnh diễn ra Đại hội:

Tình hình thế giới, khu vực diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường. Đất nước qua 30 năm đổi mới, thế và lực tăng lên rõ rệt, có cả những thuận lợi, thời cơ đan xen với những khó khăn, thách thức gay gắt.

Đại hội họp từ ngày 21 đến ngày 28-1-2016. Tham dự có 1.510 đại biểu thay mặt cho 4,6 triệu đảng viên trong toàn Đảng. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng bí thư của Đảng. Đại hội thông qua nhiều nội dung quan trọng trong Báo cáo chính trị của Đảng.

Chủ đề của Đại hội là: *"Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ XHCN, đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, phấn đấu sớm đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại"*.

Nội dung cơ bản của Đại hội:

- *Kiểm điểm, đánh giá* thành quả quan trọng, những hạn chế, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI (2011-2015); tổng kết 30 năm đổi mới (1986-2016) và nêu mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm (2016-2021). Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XI của Đảng, Đại hội XII rút ra một số kinh nghiệm sau:

Một là, trước những khó khăn, thách thức trên con đường đổi mới, phải hết sức chú trọng công tác xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh; phải phát huy dân chủ, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, bám sát thực tiễn của đất nước và thế giới; đồng thời nắm bắt, dự báo những diễn biến mới để kịp thời xác định, điều chỉnh một số chủ trương, nhiệm vụ, giải pháp cho phù hợp.

Ba là, gắn kết chặt chẽ và triển khai đồng bộ các nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; phát triển văn hóa - nền tảng tinh thần của xã hội; bảo đảm quốc phòng và an ninh là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên.

Bốn là, kiên trì thực hiện các mục tiêu lâu dài, các nhiệm vụ cơ bản, đồng thời tập trung các nguồn lực thực hiện hiệu quả những nhiệm vụ cấp bách, trước mắt, giải quyết dứt điểm những yếu kém, ách tắc, tạo đột phá để giữ vững và đẩy nhanh nhịp độ phát triển; phát huy mọi nguồn lực trong và ngoài nước đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước.

Năm là, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ, lấy lợi ích quốc gia - dân tộc làm mục tiêu cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

- *Mục tiêu tổng quát:*

Tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; phát triển kinh tế nhanh, bền vững, phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân. Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa. Giữ gìn hoà bình, ổn định, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế để phát triển đất nước; nâng cao vị thế và uy tín của Việt Nam trong khu vực và trên thế giới.

- *Xác định chỉ tiêu quan trọng*:

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm đạt 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2020, GDP bình quân đầu người khoảng 3.200-3.500 USD; tỉ trọng công nghiệp và dịch vụ trong GDP khoảng 85%; tổng vốn đầu tư toàn xã hội bình quân 5 năm bằng khoảng 32-34% GDP; bội chi ngân sách nhà nước còn khoảng 4% GDP. Năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) đóng góp vào tăng trưởng khoảng 30 -35%; năng suất lao động xã hội bình quân tăng khoảng 5%/năm; tiêu hao năng lượng tính trên GDP bình quân giảm 1-1,5%/năm. Tỉ lệ đô thị hoá đến năm 2020 đạt 38-40%.

Về xã hội : Đến năm 2020, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 40%; tỉ lệ lao động qua đào tạo đạt khoảng 65-70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 25%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị dưới 4%; có

9-10 bác sĩ và trên 26,5 giường bệnh trên 1 vạn dân; tỉ lệ bao phủ bảo hiểm y tế đạt trên 80% dân số; tỉ lệ hộ nghèo giảm bình quân khoảng 1,0-1,5%/năm.

Về môi trường: Đến năm 2020, 95% dân cư thành thị, 90% dân cư nông thôn được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh và 85% chất thải nguy hại, 95-100% chất thải y tế được xử lý; tỉ lệ che phủ rừng đạt 42%.

-*Xác định nhiệm vụ trọng tâm*: Đại hội XII nhấn mạnh cần đẩy mạnh toàn diện đồng bộ công cuộc đổi mới, phát huy mọi nguồn lực và động lực để phát triển đất nước nhanh, bền vững, đặc biệt chú trọng tập trung lãnh đạo 6 nhiệm vụ trọng tâm:

+ Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ngăn chặn đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ

+ Xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, linh hoạt, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đẩy mạnh đấu tranh phòng chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

+ Tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Tiếp tục thực hiện 3 bước đột phá chiến lược

+ Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước; bảo đảm an ninh quốc gia; giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

+ Thu hút, phát huy mạnh mẽ mọi nguồn lực và sức sáng tạo của nhân dân. Chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần; giải quyết tốt những vấn đề bức thiết, tăng cường quản lý phát triển xã hội

+ Phát huy nhân tố con người trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; tập trung xây dựng con người về đạo đức, nhân cách, lối sống, trí tuệ và năng lực làm việc, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh.

***Ý nghĩa Đại hội*:** Đại hội XII của Đảng là Đại hội "Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới", tăng cường xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh; phát huy sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

THƯ VIỆN PTIT

❖ ***Đảng tiếp tục chỉ đạo đổi mới những lĩnh vực trọng yếu***

Phát triển kinh tế:

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ngày 1/11/2016 (khóa XII) ra *Nghị quyết số 05/NQ-TW* về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế[43].

Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển nhanh và bền vững toàn diện về cả kinh tế, xã hội và môi trường.

Giải pháp: thực hiện ba đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế với trọng tâm ưu tiên là: Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế; cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh hấp dẫn, thuận lợi cho khởi nghiệp và đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài.

Hội nghị lần thứ tư khóa XII (11/2016) đã chủ trương: thực hiện hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: kiên định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, đa phương hóa quan hệ quốc tế; chủ động tích cực

[43] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, trang 50.

hội nhập kinh tế quốc tế vì lợi ích quốc gia - dân tộc là định hướng chiến lược lớn để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (ngày 3/6/2017) ra 3 nghị quyết quan trọng về kinh tế:

- *Nghị quyết số 10-NQ/TW* về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: Phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh theo cơ chế thị trường là một yêu cầu khách quan, vừa cấp thiết, vừa lâu dài trong quá trình hoàn thiện thể chế, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta; là một phương sách quan trọng để giải phóng sức sản xuất; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển.

Giải pháp: Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để kinh tế tư nhân phát triển nhanh, bền vững, đa dạng với tốc độ tăng trưởng cao cả về số lượng, quy mô, chất lượng và tỉ trọng đóng góp trong GDP. Xoá bỏ mọi rào cản, định kiến, tạo mọi điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế tư nhân lành mạnh và đúng định hướng.

Phát huy phong trào khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, để các hộ kinh doanh tự nguyện liên kết hình thành các hình thức tổ chức hợp tác, Khuyến khích hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân đa sở hữu và tư nhân góp vốn vào các tập đoàn kinh tế nhà nước, có đủ khả năng tham gia mạng sản xuất và chuỗi giá trị khu vực, toàn cầu, Khuyến khích kinh tế tư nhân tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp nhà nước khi cổ phần hoá hoặc Nhà nước thoái vốn, thúc đẩy phát triển mọi hình thức liên kết.

- *Nghị quyết số 11-NQ/TW* về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Quan điểm chỉ đạo của Trung ương là: xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN là một nhiệm vụ chiến lược, là một khâu đột phá quan trọng, tạo động lực để phát triển nhanh và bền vững; đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh CNH - HĐH, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng an ninh.

- *Nghị quyết số 12-NQ/TW* về tiếp tục cơ cấu lại, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước. Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ hoặc cổ

phần, vốn góp chi phối ở những lĩnh vực then chốt, thiết yếu; những địa bàn quan trọng và quốc phòng, an ninh; là lực lượng vật chất quan trọng của kinh tế nhà nước; hoạt động theo cơ chế thị trường, lấy hiệu quả kinh tế làm tiêu chí đánh giá chủ yếu, tự chủ, tự chịu trách nhiệm, cạnh tranh bình đẳng và có vai trò nòng cốt, dẫn dắt phát triển các với doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 22/10/2018 ra *Nghị quyết số 36-NQ/TW* về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Quan điểm chỉ đạo của Đảng là: Thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và mọi người dân Việt Nam.

Đổi mới hệ thống chính trị:

Bộ Chính trị khoá XII ban hành *Chỉ thị 05-CT/TW* của Bộ Chính trị (5-2016) tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, coi đây là nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược đủ năng lực, phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 30/10/2016 ra *Nghị quyết số 04/NQ-TW*, về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ.

Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá đúng sự thật, Trung ương đã chỉ rõ 27 biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hoá” trong nội bộ Đảng.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) ngày 19/5/2018 ra *Nghị quyết số 26-NQ/TW*, về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

Đảng coi xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là công việc hệ trọng của Đảng, phải được tiến hành

thường xuyên, thận trọng, khoa học, chặt chẽ và hiệu quả. Đầu tư xây dựng đội ngũ cán bộ là đầu tư cho phát triển lâu dài, bền vững.

Giải quyết các vấn đề xã hội:

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII (Ngày 25/10/2017) ra *Nghị quyết số 20-NQ/TW* về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới và Nghị quyết về công tác dân số trong tình hình mới[44]. Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hai Nghị quyết này, trong đó nhấn mạnh việc bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ là nghĩa vụ, trách nhiệm của mỗi người dân, cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, trong đó ngành y tế là nòng cốt. Đầu tư cho bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là đầu tư cho phát triển.

Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) (ngày 21/5/2018) ra 2 nghị quyết: (1) *Nghị quyết số 27-NQ/TW* về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp; *(2) Nghị quyết số 28-NQ/TW* về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.

Trung ương đã đưa ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện hai Nghị quyết này, trong đó nhấn mạnh Cải cách chính sách tiền lương phải bảo đảm tính tổng thể, hệ thống, đồng bộ, kế thừa và phát huy những ưu điểm, khắc phục có hiệu quả những hạn chế; tuân thủ nguyên tắc phân phối theo lao động và quy luật của kinh tế thị trường.

Bảo hiểm xã hội là một trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị, là trách nhiệm của các cấp uỷ đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, doanh nghiệp và của mỗi người dân.

❖ ***Kết quả thực hiện***

Thành tựu

Kinh tế tăng trưởng từng bước vững chắc và ngày càng được cải thiện, quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, cân đối tốt nền kinh tế được.

Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) giai đoạn 2016 - 2019 đạt khá cao, ở mức bình quân 6,8%/năm. Mặc dù năm 2020 kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, thiên tai, bão lụt nghiêm trọng ở miền Trung

[44] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017, trang 130.

nhưng tốc độ tăng trưởng bình quân 5 năm (2016 - 2020) đạt khoảng 6%/năm và thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

Tỉ trọng khu vực công nghiệp và dịch vụ (bao gồm xây dựng) theo giá sản xuất trong GDP tăng từ mức 82,6% năm 2015 lên 84,8% năm 2020. GDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 2.779 USD, gấp khoảng 1,3 lần so với năm 2015.

Lạm phát cơ bản bình quân được kiểm soát tốt qua các năm, giữ mức tương đối ổn định, bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1,81%, giảm mạnh so với giai đoạn 2011 - 2015 là 5,15%.

Cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng tích cực, xuất khẩu lao động có bước đột phá, an sinh xã hội được quan tâm thực hiện và bảo đảm. Tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi duy trì ở mức thấp và giảm dần. Tỉ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thuỷ sản trong tổng số lao động đến năm 2020 khoảng 32,8%, giảm mạnh so với năm 2015 (44%), vượt mục tiêu đề ra (dưới 40%). Tỉ lệ lao động qua đào tạo được cải thiện, ước đạt 64,5% năm 2020, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 24,5%, tăng so với năm 2015 (19,9%). Kịp thời hỗ trợ cho người nghèo và người bị ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt và huy động hàng nghìn tỉ đồng hỗ trợ người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội. Trước tác động ảnh hưởng nặng nề của đại dịch Covid-19, Nhà nước có nhiều biện pháp hỗ trợ người dân, người lao động.

Chất lượng dân số từng bước được cải thiện, tuổi thọ trung bình đến năm 2020 ước đạt khoảng 73,7 tuổi, tăng so với năm 2015 (73,3 tuổi). Hệ thống y tế dự phòng từ Trung ương đến địa phương và mạng lưới y tế cơ sở được tiếp tục củng cố và phát triển; đã từng bước kiểm soát được dịch bệnh Covid-19, không để lây lan trên diện rộng, được ghi nhận và đánh giá cao.

Các hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Hạn chế

Chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, các cân đối kinh tế vĩ mô chưa vững chắc, cung ứng điện chưa đáp ứng yêu cầu. Công tác quy hoạch, kế hoạch và việc huy động, sử dụng các nguồn lực còn hạn chế, kém hiệu quả, đầu tư còn dàn trải; quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp nói chung còn nhiều yếu kém, việc thực hiện chức năng chủ sở hữu đối với doanh nghiệp nhà nước còn bất cập. Tăng trưởng kinh tế vẫn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội có một số mặt yếu kém chậm được

khắc phục, nhất là về giáo dục, đào tạo và y tế; đạo đức, lối sống trong một bộ phận xã hội xuống cấp. Môi trường ở nhiều nơi đang bị ô nhiễm nặng; tài nguyên, đất đai chưa được quản lý tốt, khai thác và sử dụng kém hiệu quả, chính sách đất đai có mặt chưa phù hợp.

g. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) của Đảng Cộng sản Việt Nam

❖ ***Bối cảnh diễn ra Đại hội***

Đất nước đang đứng trước nhiều thời cơ và thách thức đan xen, nhiều vấn đề chiến lược mới đặt ra cần phải giải quyết, từ tình hình quốc tế, khu vực dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường đến các thách thức mang tính toàn cầu về biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và cả những thành tựu ngoạn mục của tiến bộ khoa học công nghệ đang tác động, ảnh hưởng mạnh mẽ tới đời sống kinh tế - xã hội của đất nước ta cũng như toàn thế giới.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam chính thức khai mạc sáng ngày 26/01/2021, tại Trung tâm Hội nghị quốc gia, Thủ đô Hà Nội. Dự Đại hội có 1.587 đại biểu thay mặt cho hơn 5 triệu đảng viên toàn Đảng. Trong đó có 191 đồng chí đại biểu là Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII, 1.381 đại biểu được bầu từ đại hội đảng bộ các tỉnh, thành phố và đảng bộ trực thuộc Trung ương, 15 đại biểu thuộc các Đảng bộ ngoài nước do Bộ Chính trị chỉ định. Đồng chí Nguyễn Phú Trọng được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Chủ đề của Đại hội là *"Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; khơi dậy ý chí và quyết tâm phát triển đất nước, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; tiếp tục đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu để đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành một nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa"*

Với tinh thần "Đoàn kết - dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển" Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đã thảo luận và thông qua nhiều văn kiện quan trọng như: Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025; Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng của Ban Chấp Trung ương khóa XII; Báo cáo

kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII trình Đại hội XIII.

❖ ***Nội dung cơ bản:***

Đại hội đã tổng kết quá trình thực hiện kế hoạch trong nhiều năm qua:

- Trong nhiệm kỳ Đại hội XII, nắm bắt thuận lợi, thời cơ, vượt qua khó khăn, thách thức, nhất là tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu do đại dịch Covid-19; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân đã đoàn kết, chung sức, đồng lòng nỗ lực phấn đấu, thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện, tạo nhiều dấu ấn nổi bật.

- Mười năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020 đã tạo những tiến bộ quan trọng cả về nhận thức lý luận và tổ chức thực hiện, khẳng định những giá trị to lớn của Cương lĩnh, tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới của Đảng ta là đúng đắn, sáng tạo.

- Nhìn lại 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991) đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Quy mô, trình độ nền kinh tế được nâng lên; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Đại hội xác định năm quan điểm chỉ đạo, trong đó nhấn mạnh:

Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng; kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng. Khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, ý chí tự cường dân tộc, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân.

Đại hội xác định mục tiêu tổng quát:

Nâng cao năng lực lãnh đạo, năng lực cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện;

củng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hoá, hiện đại hóa; xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đại hội xác định mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2025, kỷ niệm 50 năm giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước: Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp.

- Đến năm 2030, kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao.

- Đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Trở thành nước phát triển, thu nhập cao.

Đại hội đề ra định hướng các chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025:

Về kinh tế: Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm đạt khoảng 6,5 - 7%/năm. Đến năm 2025, GDP bình quân đầu người khoảng 4.700-5.000 USD; đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng đạt khoảng 45%; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân trên 6,5%/năm; tỉ lệ đô thị hóa khoảng 45%; tỉ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo trong GDP đạt trên 25%; kinh tế số đạt khoảng 20% GDP.

Về xã hội: Đến năm 2025, tỉ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội khoảng 25%; tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%; tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 dưới 4%; tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm 1 - 1,5% hằng năm; có 10 bác sĩ và 30 giường bệnh/1 vạn dân; tỉ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% dân số; tuổi thọ trung bình đạt khoảng 74,5 tuổi; tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80%, trong đó ít nhất 10% đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Về môi trường: Đến năm 2025, tỉ lệ sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh của dân cư thành thị là 95 - 100%, nông thôn là 93 - 95%; tỉ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 90%; tỉ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập

trung đạt tiêu chuẩn môi trường là 92%; tỉ lệ cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 100%; giữ tỉ lệ che phủ rừng ổn định 42%.

Đại hội xác định định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030 gồm 12 nhóm vấn đề và 6 nhiệm vụ trọng tâm trong nhiệm kỳ Đại hội XIII, trong đó:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hệ thống chính trị toàn diện, trong sạch, vững mạnh.

(2) Tập trung kiểm soát đại dịch Covid-19, phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, tạo động lực để phát triển kinh tế nhanh và bền vững.

(3) Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo, vùng trời; giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

(4) Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam.

(5) Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ xã hội chủ nghĩa, quyền làm chủ của nhân dân; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh.

(6) Quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên; bảo vệ, cải thiện môi trường; chủ động, tích cực triển khai các giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, thiên tai khắc nghiệt.

Đại hội xác định ba đột phá chiến lược:

(1) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

(2) Phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao;ưu tiên phát triển nguồn nhân lực cho công tác lãnh đạo, quản lý và các lĩnh vực then chốt.

(3) Xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại cả về kinh tế và xã hội; ưu tiên phát triển một số công trình trọng điểm quốc gia về giao thông, thích ứng với biến đổi khí hậu; chú trọng phát triển hạ tầng thông tin, viễn thông, tạo nền tảng chuyển đổi số quốc gia, từng bước phát triển kinh tế số, xã hội số.

3. Thành tựu, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới

a. Thành tựu của sự nghiệp đổi mới

- Kinh tế tăng trưởng khá, thực lực của nền kinh tế tăng lên, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; tăng trưởng kinh tế được duy trì hợp lý và được đánh giá là thuộc nhóm nước có mức tăng trưởng khá cao trên thế giới. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, bước vào nhóm nước đang phát triển có thu nhập trung bình.

Ví dụ: kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng khá ấn tượng. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới (1986-1990), mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm chỉ đạt 4,4% thì giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân đã tăng gấp đôi, đạt 8,2%/năm; các giai đoạn sau đó đều có mức tăng trưởng khá cao; giai đoạn 2016 - 2019 đạt mức bình quân 6,8%. Mặc dù năm 2020, kinh tế chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid-19 nhưng tốc độ tăng GDP của Việt Nam vẫn thuộc nhóm các nước tăng trưởng cao nhất khu vực, thế giới.

Qua 35 năm đổi mới, từ chỗ thiếu ăn, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu nông sản lớn trên thế giới. Kim ngạch xuất khẩu của nhiều mặt hàng nông sản, như cà phê, gạo, hạt điều, rau quả, tôm, gỗ và sản phẩm từ gỗ... luôn duy trì ở mức cao. Các mặt hàng xuất khẩu khác cũng có bước tiến lớn. Hiện với kim ngạch xuất nhập khẩu ấn tượng đã đưa Việt Nam xếp thứ 22 thế giới về quy mô kim ngạch và năng lực xuất khẩu, đứng thứ 26 về quy mô thương mại quốc tế.

- Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN đã từng bước hình thành và phát triển; thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN được quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện.

- Cơ sở vật chất, kỹ thuật, kết cấu hạ tầng, đô thị được đầu tư xây dựng tăng lên đáng kể, nhất là đường bộ, sân bay, bến cảng, cầu. Xây dựng các ngành công nghiệp hiện đại, dầu khí, điện với các nhà máy thủy điện lớn Hòa Bình, Sơn La, Trị An, Tuyên Quang, Lai Châu và nhiều nhà máy nhiệt điện.

- Về văn hóa - xã hội, quyền tự do sáng tạo, quảng bá văn hóa, văn học, nghệ thuật được tôn trọng; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và sinh hoạt tâm linh của nhân dân được quan tâm thực hiện. Giao lưu hợp tác và hội nhập quốc tế về văn hóa được mở rộng.

- Giải quyết các vấn đề xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng: các chính sách về lao động và việc làm của Nhà nước đã chuyển biến theo hướng ngày càng phù hợp hơn với nền kinh tế thị trường định hướng XHCN. Mỗi năm

bình quân tạo ra 1,5-1,6 triệu việc làm mới. Đã tiến hành chuẩn nghèo theo từng thời kì phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hôi của đất nước. Chênh lệch thu nhập giữa thành thị và nông thôn giảm. Xây dựng nông thôn mới có nhiều tiến bộ. Thành tựu về giảm nghèo của Việt Nam được Liên Hợp quốc và cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Chính sách ưu đãi người có công đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm.

Ví dụ: Công tác giảm nghèo của Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng. Tỷ lệ hộ nghèo trên cả nước đã giảm từ 58% năm 1993 xuống 22% năm 2005; 9,45% năm 2010, 7% năm 2015 và còn dưới 3% năm 2020 (theo chuẩn nghèo đa chiều).

Quy mô giáo dục tiếp tục được phát triển, cơ sở vật chất được nâng cao, chất lượng đào tạo từng bước đáp ứng yêu cầu về nguồn nhân lực. Nhiều chỉ số về giáo dục phổ thông của Việt Nam được đánh giá cao trong khu vực, như: Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 99% (đứng thứ 2 trong khu vực ASEAN sau Singapore); tỷ lệ học sinh đi học và hoàn thành chương trình tiểu học sau 5 năm đạt 92,08%, đứng ở tốp đầu của khối ASEAN.

Bên cạnh đó, công tác bảo đảm an sinh xã hội luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm thực hiện. Đến nay, diện thụ hưởng chính sách an sinh xã hội ngày càng mở rộng, mức hỗ trợ được nâng lên, đời sống vật chất và tinh thần của người dân, đặc biệt là người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số. Trong 25 năm qua, ngành Bảo hiểm xã hội đã giải quyết cho hơn 112,5 triệu lượt người hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Từ năm 2003 - 2018, ngành Bảo hiểm xã hội phối hợp với ngành Y tế đã đảm bảo quyền lợi cho trên 1.748 triệu lượt người tham gia khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế, bình quân mỗi năm có trên 109 triệu lượt người thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

Ngoài ra, các phong trào "Tương thân tương ái," "Đền ơn đáp nghĩa," "Uống nước nhớ nguồn" do các cấp và các đoàn thể, các tổ chức xã hội, các doanh nghiệp và toàn thể nhân dân thực hiện và hưởng ứng tham gia trong những năm qua cũng đã phát huy truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đóng góp đáng kể an sinh xã hội cho nhân dân, nhất là người nghèo, vùng khó khăn.

- Việc kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng và tổ quốc; kinh tế với quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng khu kinh tế - quốc phòng có chuyển biến quan trọng; nhất là kết quả về hoàn thành phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ; phân định ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; từng bước hoàn thiện việc phân giới, cắm mốc đường biên giới trên bộ với Lào và Campuchia

- Đối ngoại đạt được nhiều thành tựu mới. Từ định hướng coi "đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô luôn luôn là hòn đá tảng của chính sách đối ngoại"; từng bước chuyển sang đa dạng hóa, đa phương hóa các quan hệ đối ngoại. Từ chủ trương "muốn là bạn" đến "sẵn sàng là bạn", "là bạn, là đối tác tin cậy", là "thành viên có trách nhiệm" trong cộng đồng quốc tế. Từ "phá thế bao vây, cấm vận" tiến đến "hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới" và tiếp theo là chủ động và tích cực hội nhập quốc tế một cách toàn diện.

Đã nhận thức được tính tất yếu khách quan, cấp thiết của việc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN; xác định đây là một trong tám đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta xây dựng, vừa tiếp thu thành tựu của nhân loại về nhà nước, vừa thể hiện bản sắc, đặc điểm riêng của Việt Nam.

b. Một số hạn chế

- Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh quốc gia của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường.

- Nhiều vấn đề tiêu cực nảy sinh, nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả, còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

- Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

- Vẫn tiềm ẩn nguy cơ: "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới tinh vi và thâm độc chống phá ta và những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

c. Nguyên nhân

- Về khách quan: đổi mới là một sự nghiệp to lớn, toàn diện, lâu dài, rất khó khăn phức tạp chưa có trong tiền lệ lịch sử. Tình hình thế giới và khu vực có những mặt tác động không thuận lợi; sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị ngày càng tăng.

- Về chủ quan: Công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn chưa được quan tâm đúng mức, đổi mới tư duy lý luận chưa kiên quyết, mạnh mẽ, có mặt

còn lạc hậu, hạn chế so với chuyển biến nhanh của thực tiễn. Dự báo tình hình chậm và thiếu chính xác làm ảnh hưởng đến chất lượng các quyết sách, chủ trương, đường lối của Đảng. Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn còn hạn chế. Đổi mới thiếu đồng bộ, lúng túng trên một số lĩnh vực.

Nhận thức, phương pháp và cách thức chỉ đạo tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước còn nhiều hạn chế. Quyền hạn và chế độ trách nhiệm, nhất là quyền hạn và trách nhiệm của người đứng đầu không được quy định rõ ràng; thiếu cơ chế kiểm soát quyền lực. Nhiều chủ trương, nghị quyết đúng không được tích cực triển khai, kết quả đạt thấp. Một số chính sách không phù hợp với thực tiễn, chậm được sửa đổi bổ sung.

Việc quản lý giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống chưa được coi trọng thường xuyên, đúng mức hiệu quả thấp, chưa đáp ứng được yêu câu, chưa tạo được sự thống nhất cao trong về nhận thức tư tưởng, ý chí và hành động trong Đảng trước những diễn biến phức tạp của tình hình. Đánh giá, sử dụng, bố trí cán bộ còn nể nang, cục bộ, chưa quan tâm đến việc xây dựng cơ chế

d. Một số kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo công cuộc đổi mới

Một là, trong quá trình đổi mới phải chủ động, không ngừng sáng tạo trên cơ sở kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và CNXH; vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy truyền thống dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, vận dụng kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam

Hai là, đổi mới phải luôn quán triệt "dân là gốc", vì lợi ích của nhân dân, dựa vào dân, phát huy vai trò làm chủ, tinh thần trách nhiệm, sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân; phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc

Ba là, đổi mới phải toàn diện, đồng bộ, có bước đi phù hợp, phải tôn trọng quy luật khách quan, xuất phát từ thực tiễn, bám sát thực tiễn, coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, tập trung giải quyết kịp thời, hiệu quả những vấn đề do thực tiễn đặt ra.

Bốn là, phải đặt lợi ích quốc gia dân tộc lên trên hết; kiên định độc lập, tự chủ, đồng thời chủ động tích cực hội nhập quốc tế trên cơ sở bình đẳng cùng có lợi, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Năm là, phải thường xuyên tự đổi mới, chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, đủ năng lực và phẩm chất, ngang tầm nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội và của cả hệ thống chính trị, tăng cường mối quan hệ mật thiết với nhân dân.

Câu hỏi củng cố kiến thức

1. Trình bày hoàn cảnh lịch sử và nội dung cơ bản đường lối đổi mới do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (1986) của Đảng đề ra? Ý nghĩa lịch sử của Đại hội VI?
2. Phân tích những đặc trưng, phương hướng cơ bản của CNXH do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ lần thứ VII (1991) của Đảng đề ra?
3. Đại hội lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt Nam đánh giá thành tựu đạt được sau 10 năm đổi mới như thế nào? Nguyên nhân của những thành tựu đó?
4. Phân tích quan điểm CNH-HĐH do Đại hội VIII (1996) của Đảng đề ra?
5. Trình bày nội dung đường lối nổi bật của Đảng được thông qua tại Đại hội IX (2001) của Đảng?
6. Phân tích quan điểm của Đảng về kinh tế tư nhân trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006) của Đảng?
7. Trình bày nội dung cơ bản của "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH (bổ sung năm 2011)" thông qua tại Đại hội lần thứ XI của Đảng?
8. Trình bày nội dung cơ bản của Đại hội XIII (2021) của Đảng?
9. Phân tích nhận định "Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam?

THƯ VIỆN PTIT

KẾT LUẬN

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930 là bước ngoặt vô cùng quan trọng trong tiến trình lịch sử cách mạng nước ta, đánh dấu mốc son chói lọi trên con đường phát triển dân tộc, bởi trước đó các phong trào yêu nước đấu tranh chống lại sự xâm lược, đô hộ của đế quốc, thực dân đều thất bại do bế tắc về đường lối và về giai cấp lãnh đạo.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân, mang bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc và tính nhân dân sâu sắc. Ngay từ khi thành lập, mục tiêu, lý tưởng của Đảng là lãnh đạo nhân dân xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, tiến tới chủ nghĩa cộng sản. Đảng Cộng sản Việt Nam là kết quả của sự kết hợp hài hòa, nhuần nhuyễn giữa chủ nghĩa Mác Lênin với chủ nghĩa yêu nước, mà biểu hiện tập trung là sự kết hợp của phong trào công nhân với phong trào yêu nước của quần chúng cách mạng; mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của Đảng luôn thống nhất với mục tiêu, lý tưởng, lợi ích của giai cấp công nhân, của dân tộc và toàn thể nhân dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần khẳng định, Đảng ta không những là đảng của giai cấp công nhân, mà còn là đảng của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc là thống nhất. Việc Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã khẳng định giai cấp công nhân và đảng tiên phong của mình đứng ở vị trí trung tâm, giữ vai trò lãnh đạo cách mạng; đồng thời, quyết định xu hướng phát triển của xã hội Việt Nam là độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; phù hợp với xu thế của thời đại, được mở ra từ Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại (1917)

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, cách mạng Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại:

I. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã trải qua những thời kỳ lịch sử, giai đoạn lịch sử quan trọng, ghi những dấu mốc lịch sử Đảng của cách mạng và dân tộc Việt Nam. Đó là thời kỳ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đi tìm con đường cứu nước (1911-1920) và khẳng định con đường đúng đắn để giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xã hội và con người. Với quá trình chuẩn bị đầy đủ điều kiện về chính trị, tư tưởng, tổ chức, đến năm 1930 Đảng cộng sản Việt Nam thành lập và thông qua Cương lĩnh đầu tiên của Đảng. Từ năm 1930-1945, Đảng lãnh đạo các phong trào cách mạng dẫn tới thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Tám năm 1945.

Sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám năm 1945, Đảng lãnh đạo toàn dân từng bước đánh bại các âm mưu xâm lược của thực dân Pháp, buộc Pháp phải ký Hiệp định Geneve (7-1954), các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản, độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam, Lào, Campuchia.

Thực dân Pháp rút hết quân về nước, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam xây dựng chế độ thực dân kiểu mới, thông qua chính quyền tay sai, hòng chia cắt lâu dài nước Việt Nam. Trải qua hai mươi mốt năm (1954-1975), Đảng lãnh đạo đồng thời thực hiện 2 chiến lược cách mạng, cách mạng XHCN và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân. Với đỉnh cao chiến thắng của chiến dịch Hồ Chí Minh, đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập và thống nhất.

Trong những năm 1975-1986, Đảng từng bước đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, chính sách, khảo nghiệm thực tiễn để tìm con đường đổi mới đất nước.

Năm 1986, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã xác định đường lối đổi mới toàn diện cả về cơ chế, chính sách kinh tế, hệ thống chính trị, các chính sách xã hội, văn hóa, quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

Đảng cộng sản Việt Nam từ năm 1930 đến nay đã lãnh đạo giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam tiến hành sự nghiệp đấu tranh cách mạng lâu dài đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác để có được cơ đồ và vị thế như ngày nay. Thành tựu của cách mạng vô cùng phong phú, toàn diện và vẻ vang phản ánh quy luật vận động, phát triển của cách mạng Việt Nam.

1. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa.

Cách mạng tháng Tám năm 1945 là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đánh đổ ách cai trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật, giành độc lập, đồng thời cũng là cuộc cách mạng dân chủ do nhân dân tiến hành, đánh đổ chế độ quân chủ chuyên chế. Cách mạng tháng Tám đã kết hợp đúng đắn đấu tranh giai cấp với đấu tranh dân tộc, thống nhất lợi ích cuả các giai cấp với lợi ích của dân tộc, kết hợp chặt chẽ mục tiêu giành độc lập cho dân tộc, giành chính quyền về tay nhân dân. Đây là kết quả tổng hợp của phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng, từ cao trào Xô Viết Nghệ Tĩnh, cuộc vận động dân chủ 1936-1939 đến phong trào giải phóng dân tộc 1939-1945.

2. Thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt để giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ Quốc.

Sau Cách mạng tháng Tám, Đảng ta và nhân dân ta thiết tha mong muốn kiến thiết đất nước trong hòa bình, chủ trương giao hảo với tất cả các nước gần xa. Song đế quốc thực dân lại đem quân xâm lược nước ta lần nữa. Tất cả vì độc lập tự do, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng và của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và giành thắng lợi vĩ đại. Đó là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954 lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu và đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, chấm dứt vĩnh viễn ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta

3. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới và từng bước đưa đất nước quá độ lên CNXH

Sau chiến thắng mùa xuân năm 1975, cả nước bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội trong điều kiện nền kinh tế lạc hậu, chịu hậu quả nặng nề của nhiều năm chiến tranh. Những thành tựu Nhân dân ta đã thực hiện trong giai đoạn 1975 -1985 là đáng kể. Đảng ta đã có nhiều nghiên cứu, tìm tòi, xây dựng đường lối, xác định mục tiêu và phương pháp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng Đảng ta cũng đã phạm sai lầm chủ quan, duy ý chí, vi phạm quy luật khách quan; nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, xóa bỏ nền kinh tế nhiều thành phần, đẩy mạnh quá mức việc xây dựng công nghiệp nặng, duy trì quá lâu cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã tự phê bình nghiêm túc về những sai lầm và đề ra đường lối đổi mới. Trong lúc Đảng ta và Nhân dân ta triển khai công cuộc đổi mới thì một biến cố bên ngoài hết sức phức tạp, bất lợi cho cách mạng đã xảy ra, đó là sự sụp đổ mô hình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên xô. Cách mạng nước ta một lần nữa đứng trước thử thách lớn. Song, nhờ có đường lối đổi mới đúng đắn, có tính nguyên tắc của Đảng; nhờ có tinh thần yêu nước và sự phấn đấu kiên cường của Nhân dân, công cuộc đổi mới đã thu được những thắng lợi quan trọng. Thắng lợi nổi bật nhất là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế; tiếp tục đưa đất nước ta phát triển, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới đúng đắn, phù hợp với thực tiễn của cách mạng Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế.

Đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình; quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín và vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu, Việt Nam đã có quan hệ với 189 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh. Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh đã và đang đạt được một số kết quả tích cực. Số lượng đảng viên không ngừng gia tăng. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng phát triển của đất nước. Nhiều đảng viên đã để lại nhiều tấm gương tốt thể hiện tinh thần tiên phong và tính gương mẫu.

Những thành tựu hơn 35 năm thực hiện đường lối đổi mới đất nước đã tạo đà cho sự phát triển trong những năm tiếp theo; đồng thời cũng là minh chứng sinh động khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng ta.

II. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng

1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội

Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện CNXH và CNXH là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc. Xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN là hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. Độc lập dân tộc gắn liền với CNXH là quy luật phát triển của cách mạng Việt Nam, cũng là quy luật dựng nước gắn liền với giữ nước, là lý tưởng cao cả và hiện thực trong thời đại Hồ Chí Minh. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam hiện nay là bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, biển đảo của Tổ quốc và xây dựng thành công CNXH.

2. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng nhân dân, nhân dân là người làm nên lịch sử, là chủ thể của lịch sử, đó là quan điểm cơ bản trong lý luận Mác Lênin về cách mạng xã hội. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhiều lần nhấn mạnh, cách mạng muốn thành công thì phải lấy dân chúng làm gốc; có dân thì có tất cả, nghĩa là phải dựa vào dân, tổ chức, vận động nhân dân hiểu rằng cách mạng là công việc của chính nhân dân.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, chính nhân dân là người làm nên những thắng lợi lịch sử từ Cách mạng tháng Tám năm 1945, hai cuộc kháng chiến và công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết, đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế.

Xuất phát từ quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về sức mạnh của đoàn kết. Đối với Việt Nam, đoàn kết là truyền thống quý báu, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

Trên thực tế, nhờ sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, toàn dân Việt Nam đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm nên thành công của Cách mạng tháng tám và các cuộc kháng chiến cứu nước, tranh thủ được sự đoàn kết và ủng hộ của đồng chí, bè bạn và nhân dân thế giưới, thực hiện thành công sự nghiệp đổi mưới, xây dưngj, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc

4. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế.

Cách mạng Tháng Tám 1945 đã phát huy cao nhất sức mạnh dân tộc, với ý chí đem sức ta mà tự giải phóng cho ta đồng thời tận dụng cơ hội thuận lợi khi phe Đồng minh chiến thắng phát xít Nhật. Trong hai cuộc kháng chiến, sức mạnh của dân tộc được huy động cao nhất với tinh thần tự lực, tự cường, dựa vào sức mình là chính, đồng thời tranh thủ cao nhất sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước XHCN và bạn bè quốc tế. Trong xây dựng XHCN, Đảng huy động cao nhất nguồn lực trong nước đồng thời tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài.

5. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Theo các nhà kinh điển, Đảng cộng sản phải được trang bị lý luận tiền phong, khoa học, có Cương lĩnh chính trị rõ ràng, được tổ chức theo những nguyên tắc cơ bản với kỷ luật chặt chẽ. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định, cách mạng trước hết phải có Đảng cách mạng để tổ chức phong trào cách mạng quần chúng.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng luôn chú trọng xây dựng Đảng, nhằm nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Không ngừng phát triển, bổ sung Cương lĩnh chính trị, đường lối, nắm vững và kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và CNXH. Lấy chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. Khẳng định tập

trung dân chủ là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, đồng thời chú trọng các nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng; tự phê và phê bình; gắn bó mật thiết với nhân dân và nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam đã làm nổi bật những truyền thống vẻ vang của Đảng cộng sản.

Đó là truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của Đảng vì lý tưởng cách mạng cao cả, vì dân, vì nước, với sự hi sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ lãnh đạo, đảng viên kiên trung của Đảng. Truyền thống đoàn kết, thống nhất trong Đảng, thống nhất nhận thức, ý chí, hành động. Truyền thống tự phê bình, phê bình nghiêm túc và quyết tâm sửa chữa những khuyết điểm, hạn chế, yếu kém. Truyền thống gắn bó mật thiết với giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc. Truyền thống rèn luyện phẩm chất, đạo đức, nâng cao bản lĩnh tự vượt qua mọi khó khăn, thách thức. Truyền thống của chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam tôn vinh sự hi sinh anh dùng của các thế hệ cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng, của đồng bào cả nước trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh cách mạng do Đảng lãnh đạo.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII (10-2016) khẳng định:

"Đảng ta xứng đáng là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ và vị thế như ngày hôm nay. Đó là kết quả sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, trong đó có sự hi sinh quên mình và đóng góp quan trọng của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Chúng ta có quyền tự hào về bản chất tốt đẹp, truyền thống anh hùng và lịch sử vẻ vang của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đại biểu của dân tộc Việt Nam anh hùng"[45]

[45] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016, trang 20.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam* (Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị), Nxb Chính trị Quốc gia sự thật, Hà Nội, 2021.
2. Bộ Giáo dục và đào tạo: *Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam,* Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
3. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các bộ môn khoa học Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh: *Giáo trình Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung) Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2018.
4. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: Hồ Chí Minh - Biên niên tiểu sử, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
5. Hồ Chí Minh Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tập 3, tập 4, tập 5, tập 7, tập 12, tập 14, tập 15
6. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1982
7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4,5,6,7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007
9. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 6,7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008
10. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011
11. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 4, 5, 6, 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2012
12. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2014
13. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016
14. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016
15. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ 5, 6 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2017

THƯ VIỆN PTIT

16. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2018
17. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập I, II, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021
18. Lê Duẩn: Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1975,
19. Trần Dân Tiên: Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Nxb Văn nghệ, Hà Nội, 1956
20. Võ Nguyên Giáp: Những chặng đường lịch sử, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001

THƯ VIỆN PTIT